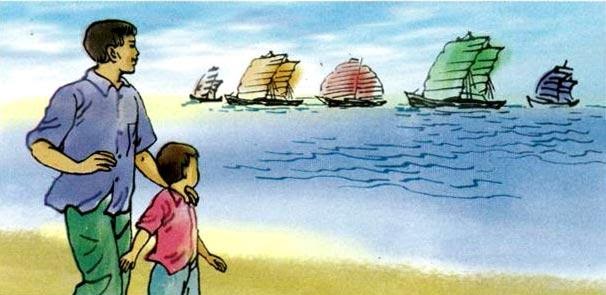
Ngày soạn: / / 2025

Ngày dạy: / / 2025

Tiết: 85-96

**Bài 7**

**GIA ĐÌNH THƯƠNG YÊU**



**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về năng lực:***

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ; nêu được tác dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

***2. Về phẩm chất:***

Nhân ái, chan hòa, yêu thương, quan tâm người trong gia đình, sống có ước mơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  + Em nhận ra được điều gì trong video này? Video gợi cho em cảm xúc gì?  2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.  3. Sử dụng kĩ thuật Tia chớp để huy động thông tin từ học sinh :  ? Ở học kì I, em đã được học những bài thơ nào? Bài thơ đó thuộc thể thơ gì?  ? Giới thiệu ngắn gọn một thể thơ đã học và chỉ ra những “dấu hiệu” của văn bản thơ trong tác phẩm đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. **HS** quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.  **GV** hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe video.  2. **HS** đọc phần tri thức Ngữ văn  3. **HS** làm việc cá nhân 3’, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **GV** theo dõi, hỗ trợ HS khi cần thiết.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV**:  - Yêu cầu học sinh trả lời nhanh các câu hỏi, chia sẻ cảm xúc của bản thân.  - Hướng dẫn HS trả lời (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Chia sẻ cảm xúc của cá nhân, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc.  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

Tiết: 85-86 **Đọc văn bản**

**Văn bản**

**NHỮNG CÁNH BUỒM**

**– *Hoàng Trung Thông*–**



**KHỞI ĐỘNG:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

    + Theo em, gia đình có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta?

**+** Hãy kể ngắn gọn một kỉ niệm vui giữa em và một người thân trong gia đình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Trung Thông.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Hoàng Trung Thông (1925 – 1993)  - Quê: Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An  https://lh4.googleusercontent.com/uxOVZLfMYX_cuCHTcoip1aYpuG9PgUz-uzEB6D06NEV976vbVca1HKRswXuQ1Yw1ewg1-3tLGAqRi6QuirfwWDPYWE1yRDgz5m1vywWD_3Vc2DQ4almIow5Zw7mByQvyxMvjQ4Q  - Thơ của ông giản dị, cô đọng, chứa đựng cảm xúc trong sáng.  - Nhiều bài thơ của ông đã được phổ nhạc. |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  HS trao đổi cặp đôi trả lời những câu hỏi sau:  + Dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Những cánh buồm*  là một bài thơ?  + Theo em, nên đọc văn bản này với giọng đọc như thế nào?  + Có thể ngắt nhịp như thế nào khi đọc khổ thơ sau?  *Cha mỉm cười/ xoa đầu con nhỏ*  *Theo cánh buồm/ đi mãi nơi xa*  *Sẽ có cây, có cửa,/ có nhà*  *Những nơi đó/ cha chưa hề đi đến*  - HS đọc bài thơ.  - HS trao đổi với nhau về kĩ năng ***tưởng tượng***và***suy luận,*** trả lời các câu hỏi sau:  + Đọc câu thơ *Sau trận mưa đêm rả rích/ Cát càng mịn, biển càng trong/ Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng* giúp em hình dung được gì về khung cảnh thiên nhiên ở biển vào buổi sáng?  + Đọc  đoạn thơ từ *Con bỗng lắc tay cha… đến Để con đi*… Đoạn này thể hiện tính cách gì của người con?  - Chia nhóm lớp (6HS), giao nhiệm vụ:  + Văn bản “*Những cánh buồm*” thể hiện những đặc điểm nào của thể loại thơ ? Hãy trả lời câu hỏi bằng cách hoàn thiện phiếu học tập sau:     |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Thể hiện trong văn bản**  ***Những cánh buồm*** | | Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt | - Số dòng:  - Số khổ:  - Vần: | | Thơ là tác phẩm trữ tình, thiên về bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | -Cảm xúc bao trùm của bài: | | Ngôn ngữ thơ thường hàm súc, giàu nhạc điệu, hình ảnh | - Tính hàm súc  - Hình ảnh thơ |   + Hãy nêu xuất xứ của văn bản.  + Văn bản sử dụng những phương thức biểu đạt nào?  + Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 4’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 4 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - Dấu hiệu nhận biết:  + thiên về diễn tả tình cảm, cảm xúc của người viết.  + có ngắt dòng giữa các câu  + có vần điệu  - Cách đọc: Đọc toàn bài với giọng chậm rãi dịu dàng, trầm lắng phù hợp với việc diễn đạt tình cảm của cha với con.  + Lời của con: ngây thơ, hồn nhiên  + Lời của cha: ấm áp, dịu dàng thể hiện tình yêu con, cảm xúc tự hào về con, về tuổi thơ của mình, về sự tiếp nối cao đẹp của các thế hệ.  - HS đọc đúng, giải thích được một số từ khó.  *b) Tìm hiểu chung*  - Thể thơ: thơ tự do   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Thể hiện trong văn bản**  ***Những cánh buồm*** | | Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt | - Số dòng: không giới hạn  - Số khổ: không giới hạn  - Vần: không cần có vần liên tục. | | Thơ là tác phẩm trữ tình, thiên về bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | - Cảm xúc bao trùm của bài: Tình cảm yêu thương, thân thiết của hai cha con. | | Ngôn ngữ thơ thường hàm súc, giàu nhạc điệu, hình ảnh | - Tính hàm súc: bài thơ ngắn gọn nhưng ẩn chứa nhiều cảm xúc.  - Hình ảnh: biển xanh, cát trắng, ánh mai hồng, cánh buồm … |   - Xuất xứ: Bài thơ *Những cánh buồm* rút ra từ tập thơ cùng tên (1964).  - Phương thức biểu đạt: kết hợp biểu cảm, miêu tả, tự sự.  - Văn bản chia làm 3 phần  + P1: Từ đầu …*lòng vui phơi phới.*  Miêu tả hình ảnh của người cha và người con đi dạo trên bãi cát  + P2: Tiếp theo đến…*để con đi*  Cuộc trò chuyện của hai cha con và mong muốn của người con  + P3: Còn lại  Cảm nhận của người cha. |
|  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Hình ảnh hai cha con đi dạo trên bãi biển** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm. HS làm việc theo nhóm 6 HS  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  1. Xác định không gian, thời gian được miêu tả.  2. Nhà thơ đã dùng những chi tiết nào để miêu tả cảnh vật, con người? Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn là gì?  3. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi miêu tả hình ảnh của hai cha con?  4. Em có cảm nhận gì về tình cảm của hai cha con trong bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’.  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**: Hỗ trợ HS khi cần thiết.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển sang mục sau. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Không gian | Thời gian | Cảnh vật | Con người | | ở bãi cát trên biển | buổi sáng, sau trận mưa đêm | + *ánh mai hồng*  *+ cát càng mịn*  *+ biển càng xanh* | + *bóng cha dài lênh khênh*  *+ bóng con tròn chắc nịch*  *+ cha dắt con đi*  *+ lòng vui phơi phới* | | → Không gian bao la, vô tận | → Tươi sáng, mát mẻ | → Khung cảnh trong trẻo, vui tươi, rực rỡ | → vui vẻ, thoải mái, hạnh phúc | | **Yếu tố miêu tả** giúp người đọc dễ hình dung hình ảnh, tâm trạng của hai cha con trong khung cảnh đẹp đẽ. | | | | | **Nghệ thuật**: điệp ngữ, đối lập, từ láy | | | | | **Cảm nhận**: Tình cảm của hai cha con thân thiết, hạnh phúc vừa đơn sơ, giản dị, vừa thiêng liêng, cao cả. | | | |   \*Yếu tố miêu tả: |  |
| 1. **Cuộc trò chuyện của hai cha con và mong muốn của người con** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3.  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  + HS đọc thầm đoạn 1 (Từ *Hai cha con…vui phơi phới*)  **+** Yếu tố tự sự được thể hiện như thế nào trong đoạn thơ? Tác dụng của các yếu tố tự sự đó?  **+** Trong đoạn 2, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ đặc sắc nào? Nêu tác dụng?  +Theo em, hình ảnh *cánh buồm* trong khổ thơ có ý nghĩa gì?  + Dấu chấm lửng trong câu “*Để con đi…*” có tác dụng gì?  **+** Theo em, tình cảm hai cha con dành cho nhau được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Điều ấy gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm gia đình?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS trao đổi nhóm đôi và ghi lại kết quả.  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | \*Yếu tố tự sự: kể lại cuộc trò chuyện  **- Câu hỏi của người con:**  “*Cha ơi!*  *.. không thấy người ở đó?”*  *“Cha mượn cho con buồm trắng nhé,*  *Để con đi*…”  → câu hỏi ngây thơ, hồn nhiên. Người con mong muốn mở rộng kiến thức, được đi nhiều nơi.  **- Câu trả lời của người cha:**  *“Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa* *…*  *Những nơi đó cha chưa hề đi đến”.*  → người cha trầm ngâm, mỉm cười giảng giải cho con, từng bước nâng đỡ ước mơ con.  =>Yếu tố tự sự giúp ta cảm nhận cuộc trò chuyện gần gũi, thân thiết của hai cha con.  \*Nghệ thuật đặc sắc:  +Ẩn dụ “*Ánh nắng* ***chảy*** *đầy vai”*  → làm tăng sức hấp dẫn, thú vị cho câu thơ, giúp người đọc hình dung cụ thể về khung cảnh đẹp đẽ trên biển.  + Hình ảnh *cánh buồm*:  → biểu tượng của ước mơ, khát vọng được đi xa, được mở rộng hiểu biết của người con.  + Dấu chấm lửng: “*Để con đi…*”  → sự tiếp nối của thế hệ sau  => Tình cảm yêu thương, trìu mến của người cha dành cho con và khao khát được khám phá những điều chưa biết của người con. |  |
| 1. **Cảm nhận của người cha** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3.  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  **+** Khi nghe câu hỏi của người con, người cha có suy nghĩ gì?  **+** Em hiểu như thế nào về câu thơ: *Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | - Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến ước mơ thuở nhỏ của mình**.**  **-** Câu thơ: *Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con*  *→* Người cha tự hào khi thấy con mình cũng ấp ủ những ước mơ đẹp như ước mơ của mình thời thơ ấu.  => Sự tiếp nối của thế hệ trẻ thực hiện ước mơ của thế hệ đi trước. |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn.  - Phát phiếu học tập số 4.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.  ? Nội dung chính của văn bản “*Những cánh buồm*” là gì?  ? Trong bài thơ, tuy còn nhỏ nhưng cậu bé không ngừng ước mơ được khám phá cuộc sống. Vậy còn các em, các em có ước mơ gì không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ.  - Thể thơ tự do dễ truyền tải nội dung.  - Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, cảm xúc.  **2. Nội dung**  - Tình cảm cha con thân thiết, tràn đầy yêu thương  - Ca ngợi ước mơ khám phá cuộc sống của trẻ thơ. Những ước mơ làm cho cuộc sống không ngừng tốt đẹp hơn. |  |

1. **HĐ 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS chia sẻ cặp đôi và thực hiện phiếu bài tập.https://lh3.googleusercontent.com/If5KLlq9AWJfrrR8YWp0TyDrknbLIh0CSJ2mEakbcXAWZGXXQ7MWQ7AwGLkN1G7cerJ_ORVExPzmYfz_2XPSglxQCQ5Fqbw1H0u1iIpUqci60I3IH2cGwDIqDzcO9ofK0a_fZtU  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu bài tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Đại diện của 2 cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm. | **IV. Luyện tập** |

1. **HĐ 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời  + HS nghe video *Cha già rồi đúng không*, kết hợp với văn bản vừa học nêu suy nghĩ của em về tình cảm cha - con. Em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình dành cho người cha kính yêu?  https://lh6.googleusercontent.com/-WevYCKhISRWMU-lXN4GgbUvBdMCuARsbcKBNp6QgheBi4SOZU4mXqwDjHA0CDo0V88RYjS4yBb-oGgE8HJxZzCatazHzKh47vuQjdF3bFN75lwf49zp6uVuGyP59AyicDOxzjk  + Văn bản *Những cánh buồm* gợi cho em cảm xúc và suy nghĩ gì về ước mơ, khát vọng của con người?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ và chia sẻ  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**: Chia sẻ cá nhân.  **GV**: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh. |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

Văn bản “*Những cánh buồm*” thể hiện những đặc điểm nào của thể loại thơ ? Hãy trả lời câu hỏi bằng cách hoàn thiện phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Thể hiện trong văn bản**  ***Những cánh buồm*** |
| Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt | - Số dòng:  - Số khổ:  - Vần: |
| Thơ là tác phẩm trữ tình, thiên về bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | - Cảm xúc bao trùm của bài: |
| Ngôn ngữ thơ thường hàm súc, giàu nhạc điệu, hình ảnh | - Tính hàm súc  - Hình ảnh thơ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Không gian | Thời gian | Cảnh vật | Con người |
| **Chi tiết** |  |  |  |  |
| **Nhận xét** | → | → | → | → |
| **Tác dụng của yếu tố miêu tả** |  | | | |
| **Nghệ thuật** |  | | | |
| **Cảm nhận của em** |  | | | |



**IV**. H**ƯỚNG DẪN TỰ HỌC:** (5 phút)

**1. Bài vừa học:**

- Nắm lại nội dung bài học

2. **Bài sắp học:** Chuẩn bị bài: Văn bản: Mây và Sóng

Tiết: **87 -88** Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG**

- Rabindranath Tagore –

|  |  |
| --- | --- |
| D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\may-va-song 2.jpg | D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\ảnh mây và sóng.jpg |

**KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Hỏi:** Em thường chơi trò chơi với ai trong gia đinh nhiều nhất? Cảm xúc của em khi chơi với người đó như thế nào?

**GV:** Cung cấp video bài hát *“Mẹ yêu ơi”* - trình bày bé Gia Khiêm.

**Hỏi:** Nêu cảm nhận của em về tình mẹ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | | | |
| **1. Tác giả** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  **Hỏi:** Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Rabindranath Tagore.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  Gọi 1 - 3 học sinh trả lời. Giáo viên có thể hỏi thêm, tuỳ vào câu trả lời của học sinh.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  Cho học sinh xem clip về Tagore | | - Tagore (1861-1941) là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ  - Ông là nhà văn Châu Á đầu tiên được giải thưởng Nobel văn học với tập “Thơ Dâng” 1913.  - Thơ Tagore thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả, chất trữ tình thắm thiết, thâm trầm triết lý.  D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\TA GO.jpg | | | |
| D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\TIỂU THUYẾT VỠ TỔ.jpg  **Tiểu thuyết (1909)** | mzl.omuzlcfl.320x480-75.jpg  **Thơ Dâng (1913)** | D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\MÙA HÁI QUẢ.jpg  **Tập thơ (1915)** | | | D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\BẦY CHIM LẠC.jpg  **Tập thơ (1916)** |
|  | | | | | |
| **2. Tác phẩm** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Giới thiệu bản tiếng Ben-gan, tiếng Anh.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  GV phát phiếu bài tập số 1, HS làm bài tập theo nhóm.  **HỎI:**  1. Chỉ ra xuất xứ của bài thơ.  2. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết “Mây và sóng” là một bài thơ? Xác định thể thơ.  3. Xác định nhân vật trữ tình.  4. Xác định bố cục bài thơ, các phần đó có gì giống và khác nhau? (Về số dòng thơ, cách xây dựng hình ảnh, cách tổ chức khổ thơ). Tác dụng trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc nhóm 5’: HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện hóm trình bày.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung  cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng.  b) Tìm hiểu chung  - Xuất xứ:  + In trong tập “Si-su” (tiếng Ben-gan), 1909.  + In trong tập “Trăng non” (chính Tagore dịch sang tiếng Anh), 1915.  - Thể thơ: thơ văn xuôi, vẫn có nhạc điệu.  - Nhân vật trữ tình: Em bé.  - Bố cục: Lời em bé có thể chia làm hai phần  + Phần 1: từ đầu đến *“trời xanh thẳm”* Em bé kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện với những người trên mây.  + Phần 2: còn lại : Em bé kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện với những người trong sóng.  - Tác dụng: thể hiện tình yêu mẹ của em bé trọn vẹn, sâu sắc, trào dâng, mãnh liệt. | | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | | | | |
| **1. Lời mời gọi của những người sống trên mây và trong sóng.** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  ***Vòng 1:* Nhóm chuyên gia (4 phút)**  Mỗi dãy bàn hàng dọc là 1 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm làm một nhiệm vụ:  + **Nhóm I**: 1. Những người sống trên mây, trong sóng nói với em bé những điều gì?  + **Nhóm II**: 2. Em sẽ được chơi cùng ai? Hình thức, cách chơi như thế nào?  + **Nhóm III**: 3. Để đến với họ, bé sẽ làm như thế nào?  + **Nhóm IV**: 4. Em có nhận xét gì về cách đến và cách hòa nhập mà họ đã vẽ ra.  ***Hết thời gian quy định, học sinh chuyển nhóm.***  ***Vòng 2:* Nhóm mảnh ghép (5 phút)**  Các nhóm mới được hình thành bằng cách sát nhập thành viên của 4 nhóm theo dãy bàn hàng ngang. Cứ 1 dãy bàn hàng ngang là một nhóm và giao nhiệm vụ mới. Phát phiếu học tập số 3.  **HỎI:**  1. Em thấy thế giới của họ vẽ ra như thế nào?  2. Nếu em được rủ đi chơi đến nơi kì diệu, hấp dẫn đó, em có đi không? Tại sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***Vòng 1:* Nhóm chuyên gia (4 phút)**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 2 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  ***Vòng 2:* Nhóm mảnh ghép (6 phút)**  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 3 phút tiếp: Thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**   - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | | | | Những người trên mây, trong sóng đều nói với em bé hai lượt - cũng là hai nội dung mời gọi.  - Thế giới của họ (sắc màu, âm thanh, không gian, thời gian):  + chơi, thức dậy - chiều tà, bình minh vàng - vầng trăng bạc  + ca hát, ngao du, sáng sớm - hoàng hôn, nơi này - nơi nọ  - Cách đến thế giới đó (dễ dàng, thú vị):  + đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, được nhấc bổng.  + đến ra rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, được nâng đi.  **=> Sức hấp dẫn của thế giới kì diệu.**  **=> Nghệ thuật: nhân hóa, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu.** | |
| **2. Lời từ chối của em bé** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Gọi học sinh đọc lại những lời đáp của em bé và đặt câu hỏi.  **HỎI:**  1. Trong mỗi cuộc thoại, em bé đáp lại mấy lần và đáp như thế nào?  2. Vì sao em đáp lại như vậy?  3 Vì sao sau khi nhận lời từ chối của em bé, những người trên mây, trong sóng “mỉm cười” bay đi và lướt qua?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện lời đáp của em bé.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | | | Em bé đáp lại hai lượt, với trình tự giống nhau:  + Hỏi: *làm thế nào... lên đó*?  + Từ chối:  . *mẹ muốn, (buổi chiều) mẹ đợi*  *. làm sao có thể rời mẹ...?*  - Lí do:  + Hỏi cách lên thế giới đó: tâm lí trẻ thơ tò mò, ham vui, thích những điều mới lạ khát khao tìm hiểu, khám phá.  + Từ chối dứt khoát: tình yêu mẹ lớn hơn tất cả. Tình mẫu tử giúp em kiểm soát xúc cảm, kiểm soát khát vọng, biết suy nghĩ và lựa chọn.  - Những người trên mây trong sóng “mỉm cười”: họ thông cảm, trân trọng tấm lòng em bé dành cho mẹ; họ biết trước câu trả lời vì tình mẫu tử là chân lí trên mặt đất này,...  **=> Sức níu giữ của tình mẫu tử. Mẹ chính là điểm tựa cuộc đời.** | |
| **3. Trò chơi em bé sáng tạo** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 4  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:   |  |  | | --- | --- | | 1. Em bé đã sáng tạo ra trò chơi như thế nào? |  | | 2. Trò chơi của em bé có gì giống và khác so với cuộc vui chơi của những người “trên mây”, “trong sóng”? |  | | 3. Những trò chơi mà em bé nghĩ ra và cách em mô tả trò chơi này thể hiện tình cảm với mẹ như thế nào? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm giữa những người thân trong gia đình? |  | | 4. Ngoài ý nghĩa ca ngợi tình mẹ con, bài thơ còn gợi cho em suy ngẫm thêm về những điều gì? |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | | | | - Trò chơi (“sắm vai”):  + con - mây, mẹ - trăng; ôm lấy mẹ  + con - sóng, mẹ - bến bờ kì lạ; lăn, lăn, lăn mãi, cười vang, vỡ tan vào lòng mẹ.  - Thể hiện tình cảm của con dành cho mẹ. Hình ảnh thiên nhiên  tượng trưng cho sự vĩ đại và bất diệt của tình mẫu tử.  **=> Niềm hạnh phúc tuyệt vời trong thế giới của tình mẫu tử.**  **- Triết lí sâu xa:**  - Tình mẫu tử là thiêng liêng, bền chặt.  - Hạnh phúc không phải điều xa xôi, bí ẩn, do ai ban phát mà ngay trên trần thế, do chính con người tạo dựng.  - Tình yêu là cội nguồn của sáng tạo.  - Con người phải biết sống hoà hợp với thiên nhiên. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  **HỎI**  1. Những điều gì đã làm nên giá trị và sức sống của tác phẩm?  2. Hãy nhận xét về cách tác giả sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ?  3. Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả? Những chi tiết nào trong bài thơ khiến em có cảm nhận đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | | **1. Nghệ thuật**  - Giọng điệu thơ trong trẻo hồn nhiên.  - Thể thơ văn xuôi.  - Đối thoại lồng trong đối thoại.  - Cấu trúc lời thơ độc đáo.  - Hình ảnh so sánh mang ý nghĩa tượng trưng.  **2. Nội dung**  - Ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  - Triết lí sâu xa. | |

**HĐ 3. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS chia sẻ cặp đôi và thực hiện phiếu bài tập.  - Phát phiếu học tập số 6.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  **HỎI**   1. Điền các thông tin phù hợp vào bảng sau và trao đổi cùng bạn bè.  D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\LUYỆN TẬP.jpg  2. Hãy phác họa (bằng lời hoặc bằng tranh) những hình dung của em khi đọc bài thơ và chia sẻ với các bạn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. |  |

**HĐ 4. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.  **HỎI**  **Câu 1**. Sau khi học bài thơ, điều đầu tiên em muốn nói với bản thân và với bố mẹ mình là gì?  **Câu 2**. Theo em, biểu hiện của một người con ngoan, biết yêu thương cha mẹ là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ và chia sẻ.  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**:  - Chia sẻ cá nhân.  **GV**:  - Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.  **Nội dung lồng ghép QPAN:**  Tích hợp bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh để giáo dục về tình yêu quê hương, đất nước và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

*+ Phiếu số 1:*

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** (Thời gian: 5 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. |
| Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore –  **Câu hỏi:**  1. Chỉ ra xuất xứ của câu chuyện?....................................................................  2. Xác định ngôi kể. Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  …………………………………………………………………………………………....  ……………………………………………………………………………………………  3. Xác định nhân vật trong câu chuyện.………………………………………………  4. Xác định bố cục.  ………………………………………………………………………………………….......  ……………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………… |
| *+ Phiếu số 2:*   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** (Thời gian: 5 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. | | Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore –  **Câu hỏi:**  1. Những người sống trên mây, trong sóng nói với em bé những điều gì?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2.  Em bé sẽ được chơi cùng ai? Hình thức, cách chơi như thế nào?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  3. Để đến với họ, bé sẽ làm như thế nào?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  4. Em có nhận xét gì về cách đến và cách hòa nhập mà họ đã vẽ ra.  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |   *+ Phiếu số 3:*   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** (Thời gian: 6 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. | | Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore –  **Câu hỏi:**  1. Em thấy thế giới của họ vẽ ra như thế nào?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2. Nếu em được rủ đi chơi đến nơi kì diệu, hấp dẫn đó, em có đi không? Tại sao?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |   *Phiếu số 4*   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** (Thời gian: 7 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. | | Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore –  **Câu hỏi:**  1. Em bé đã sáng tạo ra trò chơi như thế nào?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2. Trò chơi của em bé có gì giống và khác so với cuộc vui chơi của những người “trên mây”, “trong sóng”?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  3. Những trò chơi mà em bé nghĩ ra và cách em mô tả trò chơi này thể hiện tình cảm với mẹ như thế nào? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm giữa những người thân trong gia đình?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  4. Ngoài ý nghĩa ca ngợi tình mẹ con, bài thơ còn gợi cho em suy ngẫm thêm về những điều gì?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |   *Phiếu số 5*   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5** (Thời gian: 5 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. | | Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore -  **Câu hỏi:**  1. Những điều gì đã làm nên giá trị và sức sống của tác phẩm?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2. Hãy nhận xét về cách tác giả sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  3. Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả? Những chi tiết nào trong bài thơ khiến em có cảm nhận đó?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |   *Phiếu số 6*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6** (Thời gian: 5 phút)  TÊN CÁC THÀNH VIÊN NHÓM …..  1…………………………………………2…………………………………………….  3…………………………………………4…………………………………………….  5…………………………………………6……………………………………………. | | | | Văn bản 2: **MÂY VÀ SÓNG** - Rabindranath Tagore- | | | | Ấn tượng của em   về bài thơ | Những hình ảnh, biện pháp tu từ gợi cho em ấn tượng | Ý kiến của bạn em | | ....................................  ………………………. | ....................................  ………………………. | ....................................  ………………………. | |

**IV**. H**ƯỚNG DẪN TỰ HỌC:** (5 phút)

**1. Bài vừa học:**

- Nắm lại nội dung bài học

2. **Bài sắp học:** Chuẩn bị bài: Đọc kết nối chủ điểm: Chị sẽ gọi em bằng tên

Tiết: 89

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

Văn bản: **CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN**

***(Tình yêu thương gia đình)***

- Jack canfield & Mack victor Hansen –

**KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Hỏi:** Em thường chơi trò chơi với ai trong gia đinh nhiều nhất? Cảm xúc của em khi chơi với người đó như thế nào?

**GV:** Cung cấp video bài hát *Anh chị em* trình bày bé Ngô Quốc Dương.

**Hỏi:** Nêu cảm nhận của em về tình anh chị em?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS quan sát bảng phụ và trả lời câu hỏi.  **Hỏi:** Nêu những nét tiêu biểu của 2 nhà văn Jack canfield & Mack victor Hansen.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  Gọi 1 - 3 học sinh trả lời. Giáo viên có thể hỏi thêm, tuỳ vào câu trả lời của học sinh.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  Cho học sinh xem clip về Tagore | D:\GIAO AN TONG HOP\GA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO\MARK VICTO HANSEN.jpg  - Mark Victor Hansen sinh vào 1/1948. Là một diễn giả tâm huyết, ông đã thực hiện nhiều cuộc nói chuyện ở nhiều quốc gia về đề tài cuộc sống, cách tìm kiếm sức mạnh tinh thần và động lực sống và còn là cha đẻ bộ sách “Chicken Soup for the Soul*”* nổi tiếng cùng với Jack Canfield.  Tác giả Jack Canfield - Thông tin sự nghiệp, sách hay  **-** Jack Canfiel (19/81944), tại Hoa Kỳ, tốt nghiệp Thạc sĩ ngành tâm lý giáo dục tại Harvard, được công nhận là bậc thầy đào tạo từ trường Đại học  Massachusetts Amherst.  + Năm 1973 ông được tổ chức Jaycees vinh danh là một trong mười người đàn ông xuất chúng của nước Mỹ. |
| **2. Tác phẩm** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Giới thiệu bản tiếng Ben-gan, tiếng Anh.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  GV phát phiếu bài tập số 1, HS làm bài tập theo nhóm.  **HỎI:**  1. Chỉ ra xuất xứ của câu chuyện.  2. Xác định ngôi kể. Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  3. Xác định nhân vật trong câu chuyện.  4. Xác định bố cục.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc nhóm 5’: HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện nhóm trình bày.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng.  b) Tìm hiểu chung  - Xuất xứ:  + In trong tập *Tình yêu thương gia đình.*  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người chị xưng “tôi”.  - Nhân vật chính trong truyện là người chị và em trai.  - Bố cục: chia làm 3 phần  + Phần 1: từ đầu đến *“và em hay bật cười chẳng vì lí do gì”🡪* Nhân vật tôi (chị gái) giới thiệu về người em trai.  + Phần 2: tiếp theo “*gương mặt của tác giả nhòe đi trong nước mắt của tôi”*: Thái độ lạnh lùng và ghét em trai mình vì em trai học lớp giáo dục đặc biệt.  + Phần 3: Còn lại Người chị nhận ra sai lầm và càng yêu thương, quan tâm chăm sóc em trai mình. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **1. Nhân vật người chị gái** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  **Câu hỏi**  1. Vì sao người chị trong câu chuyện lại có thái độ lạnh lùng và ghét em trai mình?  2. Điều gì đã mở ra một khởi đầu mới cho mối quan hệ của hai chị em?  3. Vì sao người chị lại khóc?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**   - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. | - Người chị có thái độ lạnh lùng và ghét em trai mình vì em trai Eric Carter  học lớp giáo dục đặc biệt và mỗi lần ra ngoài cùng em, cả hai đều bị người khác nhìn chằm chằm.  - Điều mở ra mối quan hệ mới cho hai chị em là cuộc nói chuyện đầy ngây ngô của người em với chị trên đường ra trạm xe buýt.  - Người chị khóc vì em trai không những không ghét mà còn nghĩ chị là một người tốt. |
| **2. Nhân vật người em trai (Eric Carter)** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Gọi học sinh đọc lại những lời đáp của em bé và đặt câu hỏi.  **HỎI:**  -Nhân vật người em có điểm gì đặc biệt?  - Nhân vật người em trai hiện lên với những nét đáng yêu, đáng quý nào về tính tình?  - Theo em, điều gì của người em trai đã cảm hoá được người chị gái?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện lời đáp của em bé.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | - Điểm đặc biệt: mất nhiều thời gian mới học được những điều cơ bản, hay bật cười chẳng vì lí do gì.  - Tính tình: hồn nhiên, đầy hoài bão, tốt bụng, thân thiện, cởi mở và hoạt ngôn. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  **HỎI**  1. Những điều gì đã làm nên giá trị của tác phẩm?  2. Qua câu chuyện trên, em học được cách cư xử với những người thân trong gia đình như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Nghệ thuật**  - Ngôi kể thứ nhất tự nhiên, chân thật.  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo.  **2. Nội dung**    Những người thân trong gia đình nên đối xử tốt với nhau; yêu thương, chia sẻ, không nên có thái độ lạnh lùng hay xa lánh. |

**HĐ 3. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV cho HS chia sẻ cặp đôi và thực hiện phiếu bài tập.  - Phát phiếu học tập số 3  - Giao nhiệm vụ nhóm:  **HỎI**   - Học xong truyện, em tự rút ra cho bản thân những bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. |  |

**HĐ 4. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.   +Theo em, chúng ta cần làm những gì để có gia đình hạnh phúc?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ và chia sẻ.  **GV** gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B3: Báo cáo kết quả**  **HS**:  - Chia sẻ cá nhân.  **GV**:  - Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh. |  |

**IV**. H**ƯỚNG DẪN TỰ HỌC:** (5 phút)

**Bài sắp học:** Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt

Tiết: 90 - 91

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1 Thực hành Tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ đa nghĩa, từ đồng âm** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  ? Thế nào là từ đa nghĩa? Thế nào là từ đồng âm?    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần nhận biết từ đa nghĩa và từ đồng âm trang 37.  - Kẻ bảng điền từ và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang câu hỏi 2. | a) Khái niệm từ đa nghĩa, từ đồng âm (SGK)  - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển.  - Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ trước, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.  - Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  Ví dụ: Từ “đi” trong:  - Hai cha con bước *đi* trên cát.  - Xe *đi* chậm rì.  +  Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì tới nhau.  Ví dụ: Từ tiếng trong:  - Lời của con hay tiếng sóng thầm thì.  - Một tiếng nữa con sẽ về đến nhà.  b) Luyện tập  ***Bài tập 1***   a) Từ “trong” ở câu thơ thứ nhất mang nghĩa là trong veo, trong vắt có thể nhìn thấy vật ở khác.    Từ “trong” ở câu thơ thứ hai nghĩa là ở trong một tập thể, một cộng đồng.  b) Nghĩa của các từ “trong” ở hai câu thơ trên không liên quan đến nhau.  c) Từ “trong” ở hai câu thơ trên là từ đồng âm.  ***Bài tập 2***  a) “Cánh” trong cánh buồm nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.    Cánh trong cánh chim là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng.    Cánh trong cánh cửa là:  bộ phận hình tấm có thể khép vào mở ra được.    Cánh trong cánh tay là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình.  b) Từ “cánh” trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì nó đều là một bộ phận của một sự vật. |
| **Hiện tượng chuyển nghĩa của từ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  https://lh6.googleusercontent.com/PDlgzRXia6b8tRH4-rDm-NDCcew8GT0T1x98aNkTXBFj9OgSwZzkWRQAbR2FDuLV-O95i1QO7pGvHSEi9kKcVwkHcs-SMR0AAsqGBLjyFdYlaVgoIRqCLkxh4AX6OR0W6gSM44s  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***Bài tập 3:***  - Mắt: đôi mắt, mắt na, mắt mía, mắt bão, mắt lưới.  Nghĩa gốc: là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người  Nghĩa chuyển:  - Chỗ lồi lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây (mắt tre, mắt mía)  - Bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả (mắt dứa, na mở mắt)  - Phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)  + Tai  Nghĩa gốc: cơ quan ở hai bên đầu người hoặc động vật, dùng để nghe.  Nghĩa chuyển:  - Bộ phận ở một số vật, có hình dáng chìa ra giống như cái tai (tai chén, tai ấm)  - Điều không may bất ngờ xảy tới, gây tổn thất lớn (tai tiếng).  ***Bài tập 4:***  a) Câu đố này đố về con bò.  b) Điểm thú vị trong câu trên là đã sự dụng từ đa nghĩa “chí” ý chỉ chín ở đây là đã được nấu chín.  ***Bài tập 5:***  Tìm ví dụ về hiện tượng đồng âm để tạo ra những cách nói độc đáo. (HS tự tìm và phân tích các ví dụ) |
| **3. Biện pháp tu từ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tìm biện pháp tu từ trong văn bản đã cho và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn văn bản đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp  tu từ ẩn dụ.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp ẩn dụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | **Bài tập 6:**  a. Biện pháp tu từ được sử dụng là ẩn dụ.  b. Tác dụng của biện pháp tu từ: Gợi tả sinh động hình ảnh nắng hiện hữu như một thứ chất long thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. |
| **4. Từ láy** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tìm từ láy trong văn bản đã cho và phân tích tác dụng của từ láy trong  đoạn văn bản đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có từ láy.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu từ láy và nêu tác dụng của từ láy đó.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | **Bài tập 7**  a. Từ láy được sử dụng: Không, có.  b. Tác dụng của từ láy: dùng để nhấn mạnh quanh cảnh xung quanh và bộc lộ cảm xúc của tác giả. |

**3. Hoạt động 3 : Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập : *Trong bài thơ “Những cánh buồm” , câu thơ: “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé/ Để con đi…” thể hiện mong ước của người con. Em hãy tưởng tượng mình là người con trong bài thơ này, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trong đó có sử dụng từ đa nghĩa để chia sẻ với mọi người về những “bến bờ” mà “cánh buồm trắng” của em sẽ đến.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS: Hệ thống hóa kiến thức về từ đa nghĩa, nội dung của bài thơ “Những cánh buồm” và câu thơ: “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé/ Để con đi…” thể hiện mong ước của người con. Từ đó, HS đóng vai người con để thể hiện mong ước của mình về tương lai.

**HS** nắm các nội dung GV ôn tập về từ đa nghĩa, nội dung của bài thơ “Những cánh buồm” và câu thơ: “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé/ Để con đi…” và đóng vai để kể lại câu chuyện.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Tìm ví dụ về từ đa nghĩa (trong các văn bản văn học và trong giao tiếp hằng ngày) để tạo ra những cách nói độc đáo. (HS tự tìm và phân tích các ví dụ)

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**IV**. H**ƯỚNG DẪN TỰ HỌC:** (5 phút)

**Bài sắp học:** Chuẩn bị bài: Đọc mở rộng theo thể loại: Con là….

Tiết: 92  **ĐỌC MỞ RỘNG**

**THEO THỂ LOẠI: CON LÀ...**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực:***

- Nhận biết và bước đầu nêu được một số nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

***2. Về phẩm chất:***

Nhân ái, quý trọng, yêu thương người thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Y Phương và văn bản “Đàn then”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*? Đã bao giờ em được nghe hoặc được đọc một bài thơ thể hiện tình cảm của cha mẹ dành cho con cái chưa? Cảm xúc của em như thế nào? Em có tìm hiểu về đặc điểm hình thức bên cạnh nội dung của bài thơ đó không?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Đọc – hiểu văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Khái niệm về thơ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  ? Nêu những hiểu biết của em về thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Thơ thuộc loại tác phẩm trữ tình, thiên về diễn tả tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.  - Thơ có hình thức cấu tạo đặc biệt.  - Thơ cách luật có quy tắc nhất định về số câu, số chữ, gieo vần,... Thơ tự do thì không như vậy. Bài thơ tự do có thể liên mạch hoặc chia thành các khổ thơ.  -  Số đông trong một khổ thơ và số chữ trong một dòng cũng không theo quy tắc. |
| **2. Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ, ngôn ngữ thơ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc& yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Trong các văn bản thơ, ngoài nhân vật trữ tình thì thường có những yếu tố nào?  ? Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò gì trong các văn bản thơ?  ? Ngôn ngữ thơ là gì?  ? Ngôn ngữ có vai trò gì trong thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung  cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | a) Tìm hiểu vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ  - Yếu tố miêu tả góp phân làm rõ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng.  -  Yếu tố tự sự được dùng để thuật lại sự việc, câu chuyện khi cần.  - Cả hai yếu tố đều làm cho bài thơ thêm gợi tả, hấp dẫn; giúp cho việc thể hiện tình cảm, cảm xúc trong thơ thêm sâu sắc, độc đáo.  b) Tìm hiểu ngôn ngữ thơ:  - Ngôn ngữ thơ là hình ảnh nhạc điệu được thể hiện trong bài thơ.  - Qua ngôn ngữ, người viết thể hiện những rung động, suy tư của chính mình.  - Tìm hiểu một bài thơ cũng là tìm hiểu những tình cảm, cảm xúc mà người viết gửi gắm qua ngôn ngữ thơ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| 1. **Những đặc điểm của thơ qua văn bản “Con là…”** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 2 nhóm  - Phát phiếu học tập số 1& giao nhiệm vụ:  **Nhóm I**: Văn bản thơ được chia thành mấy đoạn?  **Nhóm II**: Xác định số câu trong mỗi đoạn và số  những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và xác định các đoạn, số câu trong mỗi đoạn, số từ trong mỗi câu.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức& chuyển dẫn sang mục 2. | + Những đặc điểm của thơ ta có thể thấy qua văn bản trên là: Bài thơ được chia thành 3 đoạn rõ ràng, mỗi đoạn 3 câu, một câu có 4- 7 từ. |
| **2. Nét độc đáo của bài thơ qua việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 2 nhóm  - Phát phiếu học tập số 2& giao nhiệm vụ:  **Nhóm I**: Văn bản thơ có những nét độc đáo gì về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh?  **Nhóm II**: Xác định biện pháp tu từ trong đoạn thơ và nêu tác dụng.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và xác định nét độc đáo về cách sử dụng từ ngữ , hình ảnh, biện pháp tu từ.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3. | **Nét độc đáo của bài thơ :**  - Từ ngữ: cụm từ “con là” được lặp lại ở mỗi dòng đầu của 1 khổ, giúp nhấn mạnh con rất quan trọng đối với cha.  - Biện pháp tu từ: so sánh con với nỗi buồn, niềm vui và hạnh phúc. Đó là những thứ có giá trị vô cùng to lớn với người cha.  - Hình ảnh: độc đáo như trời, hạt vừng, sợi tóc.  →đại diện cho sự rộng lớn, nhỏ bé và mong manh. => diễn tả tình yêu thương của người cha dành cho con là vô bờ bến. |
| **3.  Cảm nhận về tình cảm của cha dành cho con trong văn bản thơ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3& giao nhiệm vụ:  Cá nhân nêu cảm nhận của bản thân về tình cảm của người cha đối với con trong văn bản thơ đã tìm hiểu.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và nêu cảm nhận.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện vài bạn học sinh trong lớp lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một số bạn lên trình bày sản phẩm.  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho các bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng bạn, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. | - Tình cảm người cha dành cho con trong văn bản trên được thể hiện một cách rõ ràng và sinh động. Đó là tình yêu thương vô cùng lớn, con vừa là nỗi buồn vừa là niềm vui vừa là hạnh phúc, đủ thấy cha yêu con biết nhường nào. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS:

Bài tập 1: Tự sáng tác một bài thơ về tình cảm gia đình và chỉ ra đặc điểm thể loại của văn bản đó.

Bài tập 2: Nêu những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ của bài thơ vừa sáng tác.

Bài tập 3: Trình bày cảm nhận của bản thân về tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ đối với người thân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS: hệ thống hóa kiến thức về từ đặc điểm thể loại thơ, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong thơ, cách viết bài văn biểu cảm để hướng dẫn học sinh làm các bài tập.

**HS** nắm các nội dung GV ôn tập để hoàn thành các bài tập được giao.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. Hoạt động  4: Củng cố, mở rộng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

*? Trong gia đình, ông bà, cha mẹ là những người gần gũi, quan tâm, yêu thương, lo lắng cho em từ miếng ăn, giấc ngủ đến công việc học tập và luôn bên cạnh để bảo vệ em trước những cái xấu của xã hội hiện đại. Em có cảm nhận gì về những việc mà họ đã làm cho em? Em phải làm gì để xứng đáng là một học sinh chăm ngoan, một người con hiếu thảo trong gia đình?*

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu từ thực tế của bản thân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**- Phiếu học tập.**

*+ Phiếu  học tập số 1:*

|  |
| --- |
| *- Chỉ ra đặc điểm của thể thơ qua văn bản “Con là…” của Y Phương.* |

*+ Phiếu học tập số 2*

|  |
| --- |
| **-** *Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ.* |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |
| --- |
| *- Nêu cảm nhận của em về tình cảm cha dành cho con được thể hiện trong văn bản.* |

**IV**. H**ƯỚNG DẪN TỰ HỌC:** (5 phút)

**Bài sắp học:** Chuẩn bị bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

Tiết: 93-94  **VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ**

**KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

    + Gọi HS đọc một bài thơ bất kì mà các em đã sưu tập được.

**+** Bài thơ để lại cho em ấn tượng gì? Cảm xúc của em về bài thơ như thế nào?

    + Để trình bày cảm xúc ấy thành một đoạn văn, khi viết chúng ta phải thực hiện các bước nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS** đọc đoạn văn ghi lại cảm xúc bài thơ “Những cánh buồm”  **GV chia nhóm (6HS/  nhóm),** cho HS tự suy nghĩ câu trả lời và sau đó thảo luận nhóm:  ? Kiểu bài của ngữ liệu là gì? Đối tượng hướng đến trong bài?  ? Tác giả đoạn văn đã sử dụng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc?     |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của**  **đoạn văn** | **Thể hiện trong đoạn văn ghi lại cảm xúc bài thơ**  ***Những cánh buồm*** | | Cấu trúc đoạn |  | | Vai trò của phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn |  | | Những từ ngữ thể  hiện cảm xúc trong đoạn? |  | | Từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó? Tác dụng của nó là gì? |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem các câu hỏi trong phiếu học tập  - Làm việc cá nhân 5’.  - Làm việc nhóm 10’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau. | - Kiểu bài: Viết đoạn văn biểu cảm.  - Đối tượng:  Thơ.  - Người viết sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”) để chia sẻ cảm xúc của bản thân…     |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Thể hiện trong đoạn văn ghi lại cảm xúc bài thơ**  ***Những cánh buồm*** | | Cấu trúc đoạn | **- Mở đoạn:** “*Những cánh buồm là…trong tôi nhiều cảm xúc”*  **- Thân đoạn**:*“Hình ảnh…hình ảnh mình trong đó”*  **- Kết đoạn:** *“ Qua bài thơ… trong vòng tay cha”* | | Vai trò của phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn | - **Mở đoạn**: Giới thiệu bài thơ Những cánh buồm của Nhà thơ Hoàng Trung Thông và cảm xúc về bài thơ ( tình cha con sâu nặng).  - **Thân đoạn**: tình cảm người cha đối với con và hình ảnh cánh buồm đưa con đến tương lai, dến niềm mơ ước.  - **Kết đoạn:** cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật tôi qua bài thơ. | | Những từ ngữ thể  hiện cảm xúc trong đoạn? | Đong đầy, yêu thương, triều mến, sự yêu thương, thắm thiết. | | Từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó? Tác dụng của nó? | - Lặp lại: tôi nhiều cảm xúc,  - Thay thế: (Những cánh buồm- Bài thơ), (tình cha con thắm thiết - Tình cảm ấy)  🡪 Tạo tính mạch lạc, làm cho các câu trôi chảy, liền mạch với nhau. Góp phần thể hiện được cảm xúc người viết. |   ***Kết luận:***  *Khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc một bài thơ cần xác định rõ nội dung của bài thơ ấy, đồng thời phải đảm bảo các yêu cầu về hình thức viết đoạn văn để chia sẻ cảm xúc của cá nhân mình kết hợp với các câu, từ liên kết chặt chẽ các phần của đoạn văn với nhau.* |

**HĐ 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **II: LUYỆN TẬP VIẾT THEO CÁC BƯỚC**https://lh3.googleusercontent.com/2kJG5Oqetv2AZm_0hrysUAbF8Jo_wwZdzmiu39WbKiUOx7GOhGSJzJqWcrwFpCPSHyJj7l1s17PpviqL-OLLGODf5i3XPoo0mVsEcBdp-Vk94ftnN6uXDu5kTEZcWtB2U-7p0kw  **Viết đoạn văn (khoảng 200) chữ ghi lại cảm xúc về đoạn đầu của bài thơ “Bầm ơi” của nhà thơ Tố Hữu.**             Cho học sinh đọc và nghe bản ngâm bài thơ *Bầm ơi* của nhà thơ Tố Hữu ( NSƯT Trần Thị Tuyết)  ***Bài thơ Bầm ơi***  *Ai về thăm mẹ quê ta Chiều nay có đứa con xa nhớ thầm...       Bầm ơi có rét không bầm? Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn       Bầm ra ruộng cấy bầm run Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non       Mạ non bầm cấy mấy đon Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.        Mưa phùn ướt áo tứ thân Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!        Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!         Con đi trăm núi ngàn khe Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm         Con đi đánh giặc mười năm Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.         Con ra tiền tuyến xa xôi Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền.*                                                          (Trích *Việt Bắc*, Tố Hữu)  **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Bài thơ viết về nội dung gì? Kiểu bài?  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho bài thơ em vừa được nghe?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  - Hướng dẫn HS lập dàn ý và viết đoạn văn     |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm nổi bật** | **Thể hiện trong bài thơ** | | Mạch cảm xúc của toàn bài |  | | Từ ngữ, hình ảnh độc đáo |  | | Bài học nhận thức dành cho bản thân |  |   HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK kết hợp với kiến thức cũ bài ***“Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát”***  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **Xác định đề tài**  - Yêu cầu đề bài: viết về tình cảm yêu thương mẹ sâu nặng của anh chiến sĩ  - Kiểu bài:   + Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ.   + Giới hạn viết: không quá 200 chữ (khoảng 20 câu).  **Thu thập tư liệu**   Các thông tin cần hướng tới: tình cảm mẹ con thắm thiết, sâu nặng trong bài thơ.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Tìm ý**  - Bài thơ, thể hiện cảm xúc yêu thương mẹ rất sâu nặng của anh chiến sĩ Vệ quốc quân. - Từ ngữ, hình ảnh độc đáo:  + Từ ngữ: từ láy( heo heo, lâm thâm, sớm sớm, chiều chiều, quây quần…),  từ địa phương (bầm - mẹ). + Hình ảnh so sánh độc đáo: cấy mạ non- nỗi thương con; hạt mưa phùn - nỗi thương bầm của người chiến sĩ.  + Qua bài thơ, em cảm thấy yêu quý mẹ của mình hơn nữa bởi mẹ luôn là người phụ nữ tần tảo, gánh vác công việc ở gia đình.  **Lập dàn ý**  - **Mở đoạn**: Bài “Bầm ơi” của nhà thơ Tố Hữu ca ngợi người mẹ tần tảo, giàu tình yêu thương con và tình cảm của người chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến với người mẹ của mình.  - **Thân đoạn**:         + Đoạn thơ là lời suy nghĩ của người con ở tiền tuyến nhớ về bầm mà không thể về được. Với những ngôn từ mộc mạc, bình dị trong đời sống hằng ngày. Nó như là một bức thư mà người con gởi cho mẹ của mình.         + Hình dáng người bầm hiện lên với cảnh chiều đông, gió bấc như mưa phùn, các làng quê vào vụ cấy đông làm anh chiến sĩ phải chạnh lòng, không nguôi nhớ về bầm - người tần tảo, vất vả nuôi anh khôn lớn.         + Nó làm cho tôi liên tưởng đến phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam suốt đời luôn hi sinh vì con cái.         + Các hình ảnh mạ non, hạt mưa phùn qua biện pháp tu từ so sánh đã nhấn mạnh được tình thương bao la của người mẹ đối với con, cũng như con đối với mẹ, không gì có thể đong đếm được.  - Kết đoạn:        + Qua bài thơ làm tôi cảm nhận được tình cảm sâu sắc của những người mẹ có con phải đi chiến đấu xa nhà cũng như tình cảm những người con dành cho mẹ.        + Mẹ luôn dành những điều tốt nhất dành cho mỗi người. Bởi thế, tôi sẽ cố gắng học tập, hiếu thảo thêm nữa để làm cho mẹ và cả gia đình vui lòng.  **Bước 3: Viết đoạn**  - Viết theo dàn ý.  - Thống nhất ngôi thứ nhất bộc lộ cảm xúc.  - Kết hợp them các từ ngữ liên kết câu, đoạn.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Đọc và sửa lại bài viết theo mẫu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ.  - HS làm việc.  **Bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các phần của đoạn văn | Nội dung kiểm tra | Đạt/ Chưa đạt | | Mở đoạn | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. |  | | Dùng ngôi thứ nhất ghi lại cảm xúc về bài thơ. |  | | Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ. |  | | Thân đoạn | Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu |  | | Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ |  | | Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu |  | | Kết đoạn | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân |  | | Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn |  |   **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn dựa theo bảng kiểm.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. | Bài viết đã được sửa của HS |

**HĐ 4: Vận dụng**

|  |
| --- |
| ***Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ )ghi lại cảm xúc một bài thơ mà em thích***  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ cho HS)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ các bước viết đoạn văn và tìm kiếm tư liệu liên quan.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và vận dụng viết đoạn văn theo yêu cầu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT (Zalo, Messenger nhóm) mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị đề tài thảo luận: ***Làm thế nào để mọi người trong gia đình hiểu và yêu thương nhau?*** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

Phiếu học tập 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm của**  **đoạn văn** | **Thể hiện trong đoạn văn ghi lại cảm xúc bài thơ**  ***Những cánh buồm*** |
| Cấu trúc đoạn |  |
| Vai trò của phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn |  |
| Những từ ngữ thể  hiện cảm xúc trong đoạn |  |
| Từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó. Nêu tác dụng của nó. |  |

Phiếu học tập 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm nổi bật** | **Thể hiện trong bài thơ** |
| Mạch cảm xúc của toàn bài |  |
| Từ ngữ, hình ảnh độc đáo |  |
| Bài học nhận thức dành cho bản thân |  |

Tiết: 95

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**CẦN CÓ GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT**

**KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu trò chơi ô chữ và mời HS trả lời các câu hỏi nhỏ, trò chơi kết thúc khi có HS đoán được từ khóa bất kì lúc nào. Từ khóa có 8 chữ ( Gợi ý từ khóa: **Đây là một hoạt động mang tính tập thể trong học tập, làm việc.**)

1/ Ai là tác giả bài thơ Mây và sóng?

2/ Ánh mặt trời vào buổi chiều tà ta gọi là?

3/ Con, cháu cần phải…. với ông bà, cha mẹ.

4/ Con của vua gọi là?

5/ Vị hoàng tử nào đã làm ra bánh chưng, bánh giầy?

6/ Tác giả bài thơ: *Việt Nam quê hương ta*.

7/ Ông là tác giả tập truyện Kính vạn hoa nổi tiếng viết cho thiếu nhi.

8/ Một bài văn hoàn chỉnh sẽ do nhiều… gộp lại với nhau?

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | A | G | O |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | H | O | À | N | G | **H** | Ô | N |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | H | I | Ế | U | T | H | **Ả** | O |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | H | **O** | À | N | G | T | Ử |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | L | A | N | G | **L** | I | Ê | U |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | N | G | **U** | Y | Ễ | N | Đ | Ì | N | H | T | H | I |
| N | G | U | Y | Ễ | N | N | H | **Ậ** | T | Á | N | H |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | Đ | O | Ạ | **N** | V | Ă | N |  |  |  |  |  |  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát câu hỏi và suy nghĩ cá nhân.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV công bố từ khóa đúng và kết nối vào bài.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Chuyển giao nhiệm vụ:  GV giao nhiệm vụ thảo luận nhóm và chia nhóm trưởng, thư kí của từng nhóm.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS suy nghĩ cá nhân và thống nhất nhóm câu trả lời.

+ GV quan sát lớp, cho câu hỏi gợi mở khi cần.

- Thảo luận, báo cáo: Nhóm trưởng và thư kí từng nhóm báo cáo sản phẩm hoàn thiện của nhóm mình.

- Kết luận, nhận định: GV chốt đáp án của nhóm.

**HĐ 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề thảo luận:  Làm thế nào để mọi người trong gia đình hiểu và yêu thương nhau?** | |
| **CHUẨN BỊ** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chỉ định nhóm trưởng (yêu cầu thống nhất nguyên tắc về thời gian)  - Cho HS làm phiếu học tập cá nhân.   |  |  | | --- | --- | | Ý kiến của tôi | Lí do | |  |  | |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em thường thể hiện tình yêu cha mẹ, anh chị của mình qua những việc nào?  ? Những việc ấy mang lại tác dụng ra sao?  ? Nếu không thể hiện được tình yêu mọi người qua các việc em vừa làm dù em rất yêu thương mọi người, tâm trạng em sẽ thế nào?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS ghi đáp án vào phiếu học tập.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt bước  chuẩn bị, chuyển sang bước thảo luận. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích thảo luận: những điều cần làm để mọi người gia đình hiểu và yêu thương nhau.   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến của tôi** | **Lí do** | | Quan tâm, chăm sóc nhau | Làm cho mọi người thấy vui vẻ, tinh thần sẻ chia trong công việc và cuộc sống 🡪 gần gũi | | Tôn trọng ý kiến các thành viên | Làm cho mọi người thấy được quyền bình đẳng của mình, góp phần thấy được sự gắn bó của từng thành viên trong gia đình, không thể tách rời | | Luôn lắng nghe, giúp nhau mọi lúc  ………….. | Gắn kết mọi người, góp phần bồi dưỡng thêm tình yêu trong mái ấm gia đình  …………. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **THẢO LUẬN** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS tập trung nghiêm túc.  - HS ghi chép dựa theo phiếu học tập.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Những điều tôi muốn trao đổi với bạn** | **Những điều bạn trao đổi lại với tôi** | | Ghi ngắn gọn ý kiến và lí lẽ, bằng chứng | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi bằng cách tự hỏi: Điều gì tôi muốn bạn làm rõ hơn? Điều gì tôi không đồng ý với bạn? | Ghi ngắn gọn các lí lẽ, bằng chứng mà bạn phản hồi ý kiến của mình |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS ghi chép, phản biện, tranh luận trong nhóm theo phiếu học tập.  - GV quan sát HS làm việc nhóm  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS thảo luận, thống nhất với nhau. Thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày để tìm ra giải pháp tối ưu.  - GV hướng dẫn HS cách ghi các ý kiến ngắn gọn, đầy đủ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét hoạt động tổ chức, thảo luận nhóm.  - Chốt vấn đề thảo luận. | **2. Thảo luận nhóm**  - Sản phẩm hoàn thành trải qua sự sàng lọc ý kiến của nhóm, có lí lẽ và bằng chứng hợp lí để phản biện những ý kiến chưa đúng.    -  Xác định mục đích: để mọi người trong gia đình hiểu và yêu thương nhau.  - Hành động cụ thể, phù hợp với truyền thống dân tộc ta. |

**Hoạt động 3: Luyện tập (của cả bài 7)**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Lựa chọn ít nhất một bài thơ viết theo thể tự do mà em thích, trong đó chỉ ra được các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Bài tập 2: Tìm một số ví dụ từ đồng âm trong thực tế cuộc sống hằng ngày?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV  yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy tìm ví dụ về từ đa nghĩa, từ láy có trong những văn bản mà em đã học và cho biết tác dụng của chúng.

Bài tập 2: Hãy viết đoạn văn hoặc một bài thơ để chia sẻ cảm xúc của bản thân mình về đề tài tình cảm gia đình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết: 96  **ÔN TẬP**

**KHỞI ĐỘNG**

- GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh hơn***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 7.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố tri thức về văn bản và thể loại.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tóm tắt nội dung và xác định thể loại**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm.  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 1: Hs đọc lại ba văn bản *Những cánh buồm, Mây và sóng, Con là...*và điền thông tin vào bảng sau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Nội dung chính | Nhận xét về cách thể hiện tình cảm gia đình qua 3 văn bản | | *Những cánh buồm* |  |  | | *Mây và sóng* |  | | *Con là...* |  |     + Đọc và chỉ ra đặc điểm cần chú ý về hình thức và nội dung (SGK/Tr.39)  + Các văn bản trong bài học này gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm gia đình?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Nội dung chính | Nhận xét về cách thể hiện tình cảm gia đình qua 3 văn bản | | *Những cánh buồm* | Tình cảm yêu thương, gần gũi giữa 2 cha con và người con tiếp nối ước mơ của cha mình. | Mỗi văn bản có một cách thể hiện khác nhau qua các từ ngữ, biện pháp tu từ. Mỗi bài đều có kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả. | | *Mây và sóng* | Tình cảm yêu mến, quý trọng gắn bó khăng khít của con với mẹ | | *Con là...* | Niềm hạnh phúc của cha mẹ khi có con bên cạnh |     **Câu 2:** Đặc điểm cần chú ý về hình thức và nội dung khi đọc 1 bài thơ:  - Thể thơ: lục bát, tự do, văn xuôi, …  - Hình ảnh thơ: Ví dụ như hình ảnh hai cha con đi dạo, cuộc trò chuyện của em bé với mây, sóng…  - Chi tiết thơ, từ ngữ độc đáo.  - Giọng điệu: gồm có giọng hào hùng, nhẹ nhàng, xót thương, bi lụy, triết lý…  - Vần (nhịp) thơ.  - Ngôn ngữ thơ: Gồm có ngôn ngữ bình dân, ngôn ngữ bác học.  - Bố cục.  - Biện pháp nghệ thuật.  - Tình cảm của người viết muốn thể hiện.  **Câu 3:**  Gợi ý:      Suy nghĩ về tình cảm gia đình: Tình cảm gia đình rất quý giá và thiêng liêng. Đó là sự gắn kết giữa những người có cùng máu mủ, huyết thống. Mọi người yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau… |

**Hoạt động 2: Củng cố tri thức đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động:Tìm hiểu đặc điểm đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận chia sẻ nhóm đôi.  **Nhiệm vụ 1**: GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 2: Nêu những yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc của một bài thơ.  **Nhiệm vụ 2:** Chia sẻ kinh nghiệm khi tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề có giải pháp thống nhất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn. Từng HS nêu hai kinh nghiệm của mình có được khi tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  https://lh3.googleusercontent.com/lVTrL8Z3JzVclSlVhok_k4oJcxbp0PK8RTgpc0F7I6qizoZL2I8k8QtGdj-bWUQpp4draZF82JKb4iIY9LpVPakc4zrX8P9SWllRl-5rLciNdv9-l8z3QqkoOMux9vHBlhtaub0  - GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 2: Nêu những yêu cầu của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ.   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Trình bày suy nghĩ và tình cảm của mình đối với gia đình**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở những suy nghĩ và tình cảm của mình đối với gia đình thông qua câu hỏi gơi ý SGK/39   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 4:**https://lh3.googleusercontent.com/SCXys_KBIj2_VPveKRITrcK10hLbNq2HMcVLoPzcicJGqTANXs61c3bavfMUVK3h7U7H4IyBEIVQZ6MnbJiZpxAvUYoU0SMR_tc6id8rZzzVG-YFr-t4sOCOZ3JRmo3kbvVaN10    **Câu 5: Gợi ý**  Chia sẻ kinh nghiệm mà em có được khi tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề có giải pháp thống nhất:  - Chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có trước câu hỏi).  - Tự tin trình bày ý kiến của mình.  - Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác.  - Ghi lại và chia sẻ những ý kiến mình chưa rõ để được giải đáp.  - Cùng thảo luận và đi đến thống nhất chung.    **Câu 6: Gợi ý**  - Với mỗi người, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng.  - Gia đình là cầu nối giữa thành viên trong gia đình với xã hội bên ngoài. Là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc.  - Gia đình là nơi sinh thành nuôi dưỡng bồi đắp tâm hồn tình cảm cho con người. Nơi đó có những người thân yêu cha mẹ, ông bà, anh chị em…  - Gia đình là nguồn động viên, hỗ trợ về tinh thần để mỗi người nỗ lực hơn, mạnh mẽ và vững vàng hơn trong cuộc sống. |

**Hoạt động: LUYỆN TẬP**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập: Viết một kỉ niệm của bản thân với gia đình và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng từ đa nghĩa, gạch chân từ đa nghĩa và nêu tác dụng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**1. Em có suy nghĩ gì về nội quy gia đình sau:**



**2. Để xây dựng một gia đình hạnh phúc, em sẽ làm những gì?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình (nếu đủ thời gian); thực hiện ở nhà (nếu hết thời gian).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV  yêu cầu trình bày sản phẩm của mình (nếu đủ thời gian)

- HS đứng tại chỗ để trình bày (nếu còn thời gian). HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

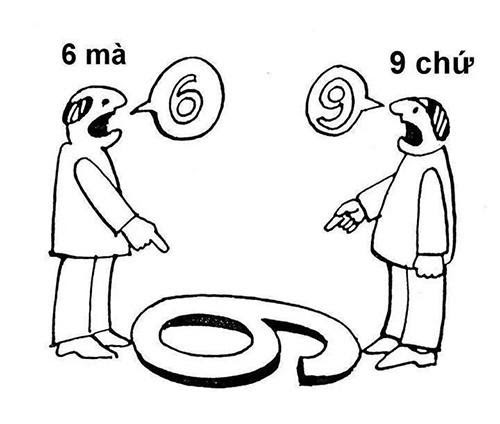
**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét bài làm của HS.

*Tiết 97-98*

**Bài 8**

**NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG**

 (11 tiết)

****

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bảnthân.

**2. Về phẩm chất:**  Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GVchuẩn bị một ống kính vạn hoa, sau đó mời 2,3 HS lên xem thử ống kính vạn hoa. GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm những gì nhìn thấy qua ống kính vạn hoa, nhất là những lúc xoay góc ống kính. Từ đó, GV đặt câu hỏi khơi gợi HS nhận xét về việc thay đổi những góc nhìn trong cuộcsống  Câu hỏi 1**:** Em thấy gì khi quay ống kính vạn hoa?  Câu hỏi 2**:** Từ trải nghiệm với ống kính vạn hoa, em hãy cho biết: điều gì sẽ xảy ra khi ta thay đổi góc nhìn về một vấn đề trong cuộc sống?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem ống kính vạn hoa, suy nghĩ về câu hỏi.  **B3: Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày trước lớp ý kiến của mình. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.  GV nhận xét ý kiến của học sinh, giới thiệu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học.  **Nội dung định hướng của giáo viên:** Cuộc sống giống như kính vạn hoa, khi ta thay đổi góc nhìn ta lại nhận ra được những khía cạnh mới của cuộc sống và học thêm những  bài  học mới để trưởng thành hơn.Vì thế, để hiểu sâu sắc cuộc sống, ta cần học hỏi, rèn luyện kĩ năng chia sẻ, thuyết phục mọi người về góc nhìn của mình, cũng  như biết cách lắng nghe, tiếp nhận, tôn trọng góc nhìn của người khác => bài học hôm nay sẽ giúp em rèn luyện những kĩ năng ấy.  **Lưu ý:** câu hỏi lớn là câu hỏi “treo”,  học sinh liên tục suy ngẫm về câu hỏi này trong suốt quá trình học, do đó ở B mở đầu giáo viên không chốt đáp án của câu hỏi lớn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Văn bản**

“HỌC THẦY, HỌC BẠN” **(1)**

**– *Nguyễn Thanh Tú* –**

****

**1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

HS xem câu hỏi trong phần Chuẩn bị đọc (SGK): Việc học hỏi từ thầy cô, bạn bè có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, chuẩn bị trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** 2 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Nội dung định hướng:**  học từ thầy cô (kiến thức chuẩn, có phương  pháp truyền dạy hiệu quả); học từ bạn bè (hợp tác, tương trợ, thảo luận, cùng nhau nghiên cứu). Góp phần giúp cho quá trình học tập của chúng ta hiệu quả hơn.

GV giới thiệu HS đọc văn bản.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Đặc điểm của văn bản nghị luận** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu học sinh đọc phần *Tri thức đọc hiểu* trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:  Câu hỏi 1 : Văn nghị luận là gì?  Câu hỏi 2 : Văn nghị luận có những yếu tố cơ bản nào? Mối quan hệ giữa các yếu tố ấy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | *Văn nghị luận:* văn bản được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm, tư tưởng của người viết.  *Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận*: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Các yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. |
|  | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn*** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi 5 và viết đoạn văn tóm tắt văn bản *Học thầy, học bạn.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ để trả lời câu hỏi 5 và dựa vào phần gợi ý trong SGK, hoàn thành sơ đồ vào vở và viết đoạn văn tóm tắt.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện 1, 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung, chốt cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.  GVchụp và chiếu sơ đồ và đoạn văn tóm tắt của một nhóm tiêu biểu lên màn hình để nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV hướng dẫn HS nhận xét về cách tóm tắt văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn*  (một VBNL có nhiều đoạn)  **Nội dung định hướng:** Khi tóm tắt văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn*, chúng ta đã phân tách các ý kiến với các lí lẽ và bằng chứng kèm theo và nhận xét mối liên hệ giữa các yếu tố ấy (có thể vẽ sơ đồ); sau đó diễn đạt một cách ngắn gọn bằng lời văn của mình theo các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa chúng. | đoạn văn tóm tắt văn bản *Học thầy, học bạn*. |
| **Ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản *Học thầy, học bạn*** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS đọc câu hỏi 6.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh dựa vào những gì đã đọc và những trải nghiệm của bản thân để trả lời câu hỏi 6.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  1 – 3 học sinh trả lời. HS khác góp ý, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá lẫnnhau.  - Cách học từ thầy hiệu quả: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia phát biểu xây dựng bài học, đặt ra những câu hỏi để hiểu bài hơn…  - Cách học từ bạn hiệu quả: cùng nhau lên kế hoạch học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận về các vấn đề của bài học, cùng nhau thực hiện bài tập khó…  Kết hợp cả học từ thầy và học từ bạn để có kết quả học tập tốt nhất.  Mỗi cách học thể hiện một **góc nhìn** khác nhau về vấn đề học tập, khi ta biết **tôn trọng và nhìn nhận những góc nhìn khác nhau**, ta sẽ tìm được giải pháp học tập tốt nhất cho bản thân mình. | - Cách học từ thầy hiệu quả: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia phát biểu xây dựng bài học, đặt ra những câu hỏi để hiểu bài hơn…  - Cách học từ bạn hiệu quả: cùng nhau lên kế hoạch học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận về các vấn đề của bài học, cùng nhau thực hiện bài tập khó… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3: LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm để HS trả lời nhanh.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh ghi câu trả lời cá nhân trong vở.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV chiếu lại các câu trắc nghiệm. HS chọn đáp án và giải thích sự lựa chọn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Giáo viên hướng dẫn HS nhận xét, khái quát lại  Văn nghị luận: văn bản được viết ra nhằm thuyết phục người đọc,người nghe về quan điểm, tư tưởng của người viết.  Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận:ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Các yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. | - Cách học từ thầy hiệu quả: chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tham gia phát biểu xây dựng bài học, đặt ra những câu hỏi để hiểu bài hơn…  - Cách học từ bạn hiệu quả: cùng nhau lên kế hoạch học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận về các vấn đề của bài học, cùng nhau thực hiện bài tập khó… |

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Hoạt động : VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một văn bản nghị luận và chỉ ra các yếu tố nghị luận trong văn bản đó?  Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân em  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. | Đáp án đúng của bài tập |

*Tiết 99*

**Văn bản 2**

**Văn bản 2:**  **BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG**

**– *Hoàng Tiến Tựu* –**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Truyện cổ tích Thánh Gióng** | **Đức Thánh Gióng - Truyền thuyết Việt Nam** | **https://lh5.googleusercontent.com/V2T719QxZ468MjRQLdz42kR0HDfF5IXGDxWRIXOwyj34WRw6qH8kzEXtR5WjLI_f2V8QFItg4yR9o0e79tfGRNe2DilqfFcE-YxWNK4X578C3xRX55iUKn1pRwPd-gbKPRKD9AQ** |

**1. HĐ 1: Khởi động**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Hình sau gợi nhắc em đến nhân vật nào đã được học. Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật ấy?*

|  |  |
| --- | --- |
| Truyện cổ tích Thánh Gióng | Đức Thánh Gióng - Truyền thuyết Việt Nam |

- Tổ chức cho HS trao đổi nhanh ( Kĩ thuật think- pair- share)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, cá nhân lần lượt trình bày theo hiểu biết riêng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**\* Dự kiến sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

          Trong những ngày đầu dựng nước, dân tộc ta đã phải trải qua nhiều gian nan, thử thách, đặc biệt là các thế lực ngoại xâm luôn lăm le xâm chiếm dân tộc. Vì vậy, ước mơ của nhân dân luôn mong muốn có một vị anh hùng có đủ sức đủ tài để đứng ra chiến đấu chống giặc. Truyện Thánh Gióng  tiêu biểu cho tinh thần chống giặc, trở thành biểu tượng về lòng yêu nước của dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản nghị luận: Bàn về nhân vật Thánh Gióng.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1: Tìm hiểu tác giả, xuất xứ tác phẩm.  *-* GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị ở nhà và hiểu biết của mình.  2: Đọc văn bản  *-* GV hướng dẫn cách đọc: GV hướng dẫn HS đọc văn bản thể hiện được tình cảm, lòng tự hào về người anh hùng Thánh Gióng.  3: Tìm hiểu thể loại, PTBĐ, bố cục  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, dựa vào văn bản vừa đọc, hãy trả lời câu hỏi.  - Yêu cầu học sinh thảo luận, hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi , giao nhiệm vụ:  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Tiến Tựu?  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản 2 thuộc thể loại văn bản nào?  ? Xác định phương thức biểu đạt chính?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? | |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| NHIỆM VỤ | NỘI DUNG |
| 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? |  |
| 2. Nêu xuất xứ của văn bản? |  |
| 3. Văn bản 2 thuộc thể loại văn bản nào? |  |
| 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? |  |
| 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS**:**  - Đọc văn bản  - Thời gian làm việc theo cặp đôi: 5’  + HS thảo hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu.  GV**:**  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS**:** Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung  cho nhóm bạn (nếu cần).  GV***:***  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau | 1. Tác giả, tác phẩm:  *a. Tác giả*  - Tên: Hoàng Tiến Tựu ( 1933- 1998)  - Quê quán: Thanh Hóa.  - Vị trí: Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.  b. *Tác phẩm*  - Xuất xứ: Trích *Bình giảng truyện dân gian* (2001).  2. Đọc văn bản  2. Thể loại: Nghị luận văn học.  3. Phương thức biểu đạt: nghị luận.  4. Bố cục:  3 phần  P1: từ đầu 🡪 gần gũi: Nêu vấn đề: Thánh Gióng vừa là anh hùng phi thường, vừa là một con người trần thế.  - P2: tiếp theo 🡪làm nên TG: giải quyết vấn đề  - P3: còn lại: kết thúc vấn đề |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| B 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  + *Tác giả đã nêu ra những ý kiến gì về nhân vật Thánh Gióng?*  *+ Hãy xác định lí lẽ, bằng chứng mà tác giả đưa ra để củng cố ý kiến của mình?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn và hoàn thành  phiếu học tập sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Ý kiến về nhân vật Thánh Gióng* | *Lí lẽ* | *Bằng chứng* | | *Ý kiến 1:…….* |  |  | | *Ý kiến 2:…….* |  |  |   *-Gv đặt câu hỏi:*  *+ Em có nhận xét gì về những lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đưa ra?*  *+ Phần kết thúc vấn đề, tác giả đã nêu ra nhận định như thế nào?*  *+ Thông qua văn bản, em có đồng tình với ý kiến sau không? Vì sao?*  *“Những góc nhìn, cách hiểu khác nhau của tác giả về nhân vật TG giúp chúng ta hiểu văn bản sâu sắc hơn.”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  \* Dự kiến sản phẩm: HS hoàn thành PHT và trả lời được các câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - GV: Bổ sung, chốt lại kiến thức  Bằng những lí lẽ xác đáng, những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác giả đã thuyết phục người đọc, người nghe.  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.  - GV  kết nối với mục sau. | 1. Nêu vấn đề  -  Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.    2. Giải quyết vấn đề  *a. Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.*  - Lí lẽ 1: Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường.  + Bằng chứng: những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng, Gióng bay về trời...  Lí lẽ 2: Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí  + Bằng chứng: 3 tuổi bỗng cất tiếng nói, Gióng lớn nhanh như thổi, nhổ bụi tre đánh giặc…  *b. Ý kiến 2: Thánh Gióng cũng mang những nét bình thường của con người trần thế.*  - Lí lẽ 1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.  + Bằng chứng…  - Lí lẽ 2: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị.  + Bằng chứng…  => Nhận xét: hệ thống các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp logic, rõ ràng, thể hiện được những nhận định của tác giả về nhân vật Thánh Gióng mang vẻ đẹp: phi thường nhưng cũng rất đời thường.  3. Kết thúc vấn đề  - Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng mang ý nghĩa nhân sinh và nên thơ -> Quan điểm riêng.  => Những góc nhìn, cách hiểu khác nhau giúp chúng ta hiểu tác phẩm sâu hơn. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| B 1: chuyển giao nhiệm vụ  GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *+ Nêu nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** - Trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. | 1. Nội dung – Ý nghĩa:  - Văn bản bàn về nhân vật Thánh Gióng, người anh hùng vừa có vẻ đẹp lí tưởng vừa là con người trần thế với vẻ đẹp gần gũi, giản dị.  2. Nghệ thuật  - VB nghị luận, nghệ thuật lập luận sắc bén.  - Hệ thống lí lẽ xác đáng, bằng chứng cụ thể, sinh động. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

-Giáo viên giao bài tập cho HS.

 Bài tập:  Dựa vào sơ đồ trên, hãy tóm tắt nội dung văn bản bằng một đoạn văn ( khoảng 150 đến 200 chữ)

-Hs làm việc theo nhóm đôi để hoàn thành đoạn văn tóm tắt.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp hoàn thành đoạn tóm tắt vào bảng nhóm.

- GV hướng dẫn, gợi ý cho HS:

**B3: Báo cáo kết quả**

- Đại diện HS trưng bày sản phẩm của nhóm.

- GV chụp, chiếu sơ đồ và đoạn văn tóm tắt của một nhóm tiêu biểu lên màn hình để nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

***\* Dự kiến sản phẩm:*** Đoạn văn do HS viết.

**B5: Kết luận, nhận định ( GV):**

**-** GV nhận xét bài làm của HS.

-GV hướng dẫn HS nhận xét về cách tóm tắt một văn bản nghị luận ( Một văn bản nghị luận thường gồm có nhiều đoạn):

+ Khi tóm tắt một văn bản nghị luận ta cần phân tách các ý kiến với lí lẽ, bằng chứng kèm theo.

+ Nhận xét được mối liên hệ giữa các yếu tố ấy( Có thể vẽ sơ đồ)

+ Sau đó diễn đạt một cách ngắn gọn bằng lời văn của mình theo các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

**HĐ 4: Vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao phiếu bài tập)

Bài tập 1: Hãy nêu cảm  nhận của em về nhân vật Thánh Gióng bằng một đoạn văn ngắn ( Khoảng 5 đến 10 câu). Chỉ rõ lí lẽ và bằng chứng em đã sử dụng trong đoạn văn đó.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Dự kiến sản phẩm: Cần nêu được những nội dung sau**

**-**  Giới thiệu được nhân vật Thánh Gióng.

- Nêu được cảm nhận riêng về nhân vật,

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu. Chỉ ra được lí lẽ, bằng chứng.

**B4: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B5: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 100

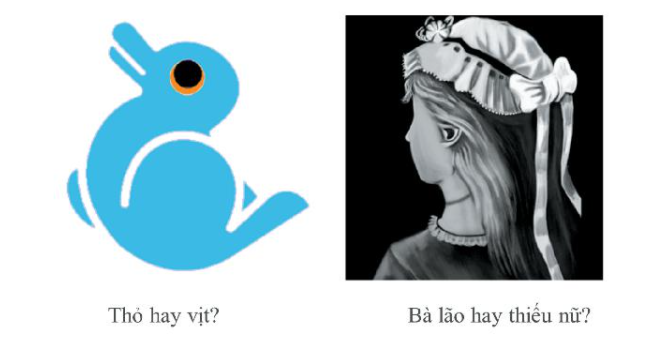
**Văn bản 3: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**GÓC NHÌN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| https://lh6.googleusercontent.com/pVs7UOD46RdeyKEz1m1Y_OT_yRtm9l8RxL1bEhluYpLRYov2bFA1gM_kZhVoivm5c1UOJTi9TvWfhPvaeaURO8WTfzhaNjVVeYK9H3gBL6SCCLDiJi3wmDuwrmfslHuEznvIPYs | https://lh6.googleusercontent.com/08OpdZRfBJ8bc9TUwiB4NgmBti3TDVsq6KHf8275i-FFsqOXuFRebblpO4gdvmQXi-RD13_xhQ5LOG-S-CdvDKe6_hIKO_pJfEEYVCHaW3xXwzf6HId9ZM1IAEXXlNeYOZUCbbQ | https://lh6.googleusercontent.com/AcrZCZoD6GnuHXsOT0m52kDxCdOxkj6STt5BgvFrEwFeaFEh2gb-HbZNVgjEKD8KCU-cte62-KrJg8ow1doApod8qFXvz1ncw_c895GpQWGxpXBuPUkaBMQUrsH5B65kj1qeojc |

**Hoạt động 1 : Xác định vấn đề**

GV cho HS quan sát bức tranh sau và đưa ra phương án mà em quan sát thấy qua bức tranh:



*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Những góc nhìn khác nhau trong cuộc sống sẽ cho chúng ta những cách nhìn nhận khác nhau,*

**HOẠT ĐỘNG 2:**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **1 Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Dựa vào tìm hiểu ở nhà, em hãy trình bày những hiểu biết về thể loại, nhắc lại đặc điểm thể loại*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **2 Hướng dẫn đọc**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc: Gv tổ chức cho HS đọc. Lưu ý học sinh cách đọc thể hiện được diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong truyện.  - Hướng dẫn HS hiểu nghĩa một số từ khó: *vi hành, ngân khố.*  - HS lắng nghe.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Thể loại: truyện***    **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Đọc, chú thích*** |

**Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **1: Tìm hiểu vị vua**  **- GV đặt câu hỏi gợi mở:** *Hãy đọc câu danh ngôn đầu truyện? Em hiểu thế nào về câu danh ngôn đó?*  - Gv đặt câu hỏi gợi dẫn HS tìm hiểu:  *+ Tại sao vị vua lại có thái độ bực mình?*  *+ Vị vua đã ra quyết định gì? Quyết định đó thể hiện điều gì ở vị vua?*  **2: Tìm hiểu nhân vật người hầu**  *+ Quyết định của vị vua có được mọi người ủng hộ, đồng tình không? Vì sao?*  *+ Người hầu đã đưa ra lời khuyên gì? Lời khuyên đó đêm đến lợi ích gì?*  **3: Nhận xét về cách nhìn khác nhau giữa nhà vua và người hầu**  *GV yêu cầu HS điền vào bảng sau và từ đó đưa ra nhận xét về cách nhìn nhận giữa hai nhân vật có gì khác nhau:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Nhân vật*** | ***Nhà vua*** | ***Người hầu*** | | *Địa vị xã hội* |  |  | | *Tâm trạng khi đưa ra quyết định* |  |  |   *+ Thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc là gì*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Nhân vật*** | ***Nhà vua*** | ***Người hầu*** | | *Địa vị xã hội* | *Có quyền lực, quen sống xa hoa* | *Người nghèo, luôn cân nhắc kĩ về tiền nong* | | *Tâm trạng khi đưa ra quyết định* | *Bực tức* | *Tinh thân sáng suốt* |   **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv bổ sung: Cách nhìn của hai nhân vật trên có sự khác nhau: vị vua có quyền lực, đã quen sống xa hoa nên dễ dàng đưa ra mệnh lệnh vô lí để thỏa mãn mình. Ngược lại, người hầu xuất thân từ tầng lớp dâ nghèo, quen tính toán kĩ lưỡng để tránh gây lãng phí một cách vô ích. Tuy nhiên, có thể hiểu được những quyết định đến từ hai người, nhà vua do đang bực bội nên đưa ra quyết định thiếu suy nghĩ còn người người đưa ra ý kiến trong trạng thái tinh thần sáng suốt. Như vậy, trong cuộc sống, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến góc nhìn của chúng ta. Chúng ta không nên vội vàng quyết định điều gì, cần bình tĩnh và sáng suốt suy nghĩ thật thấu đáo vấn đề. | ***2. Phân tích***  ***2.1. Nhân vật vị vua***  - Vị vua bực mình vì chân ông rất đau, những cơn nhức mỏi hành hạ  - Vị vua quyết định: tất cả các con đường trong vương quốc phải được bao phủ bằng da súc vật.  🡪 quyết định vô lí, không khả thi vì vương quốc rất rộng lớn.  ***2.2. Nhân vật người hầu***  - Lời khuyên đưa ra: cắt những miếng da bò êm ái phủ quanh đôi chân.  🡪 Lời khuyên đúng đắn vừa giúp tiết kiệm ngân sách cho đất nước, vừa góp phần phát minh ra đôi giầy đầu tiên trong lịch sử.    🡪 Thông điệp: khi ta thay đổi góc nhìn, ta sẽ có được những giải pháp hiệu quả, hợp lí và có được những sáng tạo không ngờ. |

**Hoạt động 2: Tổng kết văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Văn bản đề cập đến nội dung gì?*  *+ Nghệ thuật văn bản?*  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**   1. ***Nội dung – Ý nghĩa:***   - Truyện kể về quyết định vô lí của vị vua trong lúc bực tức và lời khuyên sáng suốt của người hầu đã tìm ra được cách giải quyết vấn đề hợp lí.  - VB muốn gửi tới chúng ta thông điệp: khi ta thay đổi góc nhìn, ta sẽ có được những giải pháp hiệu quả, hợp lí và có được những sáng tạo không ngờ.  ***2. Nghệ thuật***  - Cách kể chuyện hấp dẫn, sinh động. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Qua câu chuyện trên, em hãy nêu ý kiến: *Làm thế nào để mỗi người có những quyết định hợp lí, sáng suốt trong cuộc sống?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi: HS tự nêu lên cảm nhận, cách đánh giá của mình.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV có thể chốt lại một số nội dung: cần biết quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- GV yêu cầu HS:* Có phải lúc nào chúng ta cũng nên thay đổi cách nhìn của mình trong cuộc sống không?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học. GV đưa ra gợi ý:* Cuộc sống vốn đa dạng, đa chiều, ta cần biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đúng đắn, phản biệ những ý kiến chưa hợp lí nhưng đồng thời cũng phải có chính kiến, biết trình bày, bảo vệ góc nhìn của mình.

***Tiết 101-102***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1:  KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi: Hãy quan sát các hình ảnh sau, ở cửa hàng quần áo người ta thường sử dụng vật dụng gì để trưng bày quần áo?

|  |  |
| --- | --- |
| https://lh6.googleusercontent.com/ZqSZR-_OdiKqbilCbnBdKHocy-am9aAAgGMUd7nxtvG41_rcBAVayRnD3dxaP2aht5DIthFafVLgmUFF1hJK63nx27EtJdODMfJPLM731lc7vbEcFdrf7iEXqtyd3GFM9K7yCy0 | Ngỡ ngàng lạc vào tuyến phố ngập tràn ma-nơ-canh độc nhất ở Hà Nội | Tin  tức mới nhất 24h - Đọc Báo Lao Động online - Laodong.vn |

🡪 Đáp án: tượng mẫu

- GV: Ngoài những tên gọi trên, chúng ta còn dùng tiếng nước ngoài để gọi tên chúng? Em hãy chỉ ra các tên gọi đó?

- Tên gọi khác: Ma-nơ-canh

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Những tên dùng gọi các đồ vật trên là loại từ nào, nguyên tắc sử dụng chúng ra sao, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2:** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Tìm hiểu từ mượn**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ:  *Chú bé vùng dậy vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng ...*  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời, có thể sử dụng từ điển: G*iải thích các từ “trượng”, “tráng sĩ” trong câu văn?*  - GV đưa ngữ liệu lên bảng phụ và đặt câu hỏi cho HS: *Trong số các từ này, từ nào là từ được mượn của tiếng Hán, từ nào được mượn của ngôn ngữ khác?*  Sứ giả, ti vi, xà phòng, buồm, mít tinh, ra-đi-ô, gan, điện, ga, bơm, xô viết, giang sơn, in-tơ-nét.  - GV nêu tiếp yêu cầu, từ đó em hãy rút ra: *Từ mượn là gì? Tiếng Việt mượn từ từ đâu?* *Tại sao chúng ta phải vay mượn tiếng nước ngoài?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ:  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **2. Tìm hiểu yếu tố Hán Việt**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS: trong tiếng việt, có một số lượng lớn các yếu tố Hán Việt có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau.  - GV giao bài tập, HS thảo luận theo nhóm: Hãy ghép các yếu tố hán việt sau để tạo ra từ  *+ Hải*  *+ Thủy*  *+ Gia*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ:  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **Nội dung lồng ghép QPAN:**  - Lồng ghép GDQP&AN: kiến thức tiếng Việt (tìm hiểu nghĩa của các yếu tố Hán việt) *chủ quyền, trái phép, ngang nhiên, gia tăng, phi lí, phi pháp, tăng cường, ngang ngược.* | 1. **Từ mượn** 2. ***Xét ví dụ***   + Trượng: Đơn vị đo bằng 10 thước Trung Quốc cổ = 3,33m, ở đây được hiểu là rất cao.    + Tráng sĩ: Người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn  ***2. Nhận xét***  - Tiếng việt vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để làm giàu cho vốn từ của mình.  - Tiếng việt mượn từ của tiếng hán và một số ngôn ngữ khác: Anh, Pháp, Nga….    **II. Yếu tố Hán Việt**  ***1. Xét ví dụ***  - Hải: hải sản, hải quân, lãnh hải…  - Thủy: thủy sản, thủy lợi, thủy quân…  + Gia: gia đình, gia tộc, gia sản…  ***2. Nhận xét***  - Các yếu tố Hán Việt có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 3:  LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Bài tập 1**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1  theo nhóm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **2. Bài tập 2**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hướng dẫn HS làm bài tập 2. HS tự làm vào vở  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS tự làm, trả lời câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **3. Bài tập 3**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”, các tổ tìm trong thời gian 5 phút và tổ nào tìm được nhiều từ nhất sẽ thắng cuộc  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **4. Bài tập 7**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển tiếng việt để tra nghĩa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận định.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV giao bài tập về nhà: bài 4,5,6,/ trang 49 | **Bài tập 1/ trang 47**  - Từ mượn tiếng Hán là: nhân loại, thế giới, nhận thức, cộng đồng, cô đơn, nghịch lí, mê cung.  - Từ mượn các ngôn ngữ khác: video, xích lô, a-xit, ba-zơ.                    **Bài 2/ trang 34**  - Khi các hiên tượng như email, video, internet được phát minh, tiếng Việt chưa có từ vựng để biểư đạt những hiện tượng này. Do đó, chứng ta mượn các từ này để phục vụ cho giao tiếp, qua đó làm giàn có, phong phú thêm vốn từ vựng tiếng Việt.                **Bài  3/ trang 34**  - Người cán bộ hưu trí không thể hiểu được những điều nhân viên lễ tân nói vì nhân viên lễ tân đã lạm dụng từ mượn trong giao tiếp. Bài học rút ra là khi giao tiếp, cần tránh lạm dụng từ mượn. Chúng ta chỉ nên dùng từ mượn khi không có từ tiếng Việt tương đương để biển đạt.                    **Bài 7/trang 48**  a. thiên trong thiên vị: nghiêng, lệch; thiên trong thiên văn: trời; thiên trong thiên niên ki: một nghìn.  b. hoạ trong tai hoạ: điều không may xảy tới; hoạ trong hội hoạ: nghệ thuật tạo hình, dùng màu sắc, đường nét để mô tả sự vật, hình tượng; hoạ trong xướng hoạ: hát hoà theo.  c. đạo trong lãnh đạo: chỉ đạo; đạo trong đạo tặc: ăn trộm, ăn cắp; đạo trong địa đạo: con đường. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- GV hướng dẫn HS:*  Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiề góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những lợi ích gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.

GV hướng dẫn HS hoàn thiện ở nhà. Yêu cầu HS đảm bảo các yêu cầu của đề bai

GV nhận xét, đánh giả và gợi ý hướng chỉnh sửa.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Tiết 103-104*

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN**

**VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG.**

1. **HĐ 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV hỏi:**

? Văn bản *Học thầy học bạn* trình bày về vấn đề gì? Tìm bố cục của văn bản đó.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:**

- Lắng nghe câu hỏi

- Suy nghĩ cá nhân

- Trả lời độc lập

**GV**: quan sát học sinh.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

- HS trả lời

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS

- Gv chiếu bảng phụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bố cục** | **Đặc điểm** | **Văn bản Học thầy học bạn** |
| Mở bài | Giới thiệu hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy | Đoạn 1 |
| Thân bài | Đưa ra ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết | Đoạn 2,3,4 |
| Các lí lẽ sắp xếp theo trình tự hợp lí. Người viết sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý. | Mặt khác |
| Người viết đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ | Câu chuyện về thời tuổi trẻ của Lê-ô-na-rơ-đô Đa Vin-chi |
| Kết bài | Khẳng định lại vấn đề và đưa ra những đề xuất của người viết. | Đoạn 5 |

**2.HĐ 2: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tri thức về kiểu văn bản.** | |
| **Mục tiêu** HS biết được thể loại và các yêu cầu đối với kiểu bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.  **Nội dung**- GV chia nhóm lớp thảo luận.  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập:   |  | | --- | | Kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống:  - Thuộc thể loại:………………….  - Yêu cầu:………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………… |   **Sản phẩm:** kết quả của hoạt động thảo luận.  **Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Kiểu bài thuộc thể loại nào?  ? Người viết cần đảm bảo những yêu cầu nào?  Yêu cầu Hs thảo luận cặp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thảo luận cặp.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. Chiếu yêu cầu cụ thể của bố cục.  - Kết nối với đề mục sau | - Thể loại: nghị luận.  - Yêu cầu đối với kiểu bài:  + trình bày rõ ràng ý kiến về hiện tượng cần bàn luận.  + Nêu lí lẽ, bằng chứng để làm sang tỏ cho ý kiến.  + Bố cục đảm bảo ba phần: Mb, Tb, Kb**.** |
| **II. Phân tích văn bản mẫu.** | |
|  | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh lần lượt đọc từng đoạn của văn bản *Hãy giữ gìn bữa cơm gia đình*, quan sát kĩ những dấu hiệu trên từng đoạn thể hiện bằng con số.  **- GV c**hia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm trả lời các câu hỏi 1-5 sgk.  - Nhóm 1: câu 1,3  - Nhóm 2: câu 2  - Nhóm 3: câu 4  - Nhóm 4: câu 5  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | 1. Mục đích của bài viết: nêu ra tầm quan trọng của bữa cơm gia đình trong cuộc sống của chúng ta.  2. Ý kiến: nên duy trì bữa cơm gia đình.  - Lí lẽ 1: Bữa cơm gia đình rất bổ dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.  - Lí lẽ 2: Bữa cơm gia đình là khoảng …hơn.  Bằng chứng: Một nghiên cứu ở Mỹ ….  3. Chức năng của đoạn mở bài:  giúp người viết nêu ra được vấn đề và thể hiện rõ ý kiến về bữa cơm gia đình.  4. Đề xuất:  - Cần giữ gìn bữa cơm gia đình  - Mỗi thành viên trong gia đình cần góp sức…  - > đề xuất rất hợp lí. Vì sẽ giúp các thành viên thấu hiểu và gắn bó với nhau hơn, gđ sẽ hạnh phúc hơn.  5. Khi viết văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống phải đưa ra những ý kiến, lí lẽ hợp lí, bên cạnh đó là bằng chứng chứng minh cho lí lẽ của mình. |
| **III. Thực hành viết theo các B** | |
|  | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Gv phát vấn:  ? Văn bản này viết nhằm mục đích gì?  ? Người đọc là ai?  - Gv sử dụng KT động não bằng giấy ghi chú yêu cầu học sinh tìm các đề tài để viết:  N1: Tìm các hiện tượng đáng quan tâm trong gia đình (ghi vào giấy ghi chú).  N2: Tìm các hiện tượng đáng quan tâm trong nhà trường.  N3: Tìm các hiện tượng đáng quan tâm ngoài xã hội.  (Thời gian thực hiện 3 phút)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV- HS)**  GV:  - Phát cho mối hs một tờ giấy ghi chú.  - Chia bảng thành 3 cột tương ứng với 3 nhóm  - Theo dõi hs thực hiện.  HS:  - Trả lời câu hỏi độc lập.  - Mỗi hs ghi lên tờ giấy ghi chú một hiện tượng mình quan tâm thuộc phạm vi của nhóm mình sau đó lên bảng dán vào cột của nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV-HS)**  - GV đọc to các tờ ghi chú. Những ý tưởng trùng nhau thì chỉ giữ lại một tờ giấy ghi chú.  HS:  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và các hiện tượng HS đưa ra. Lưu ý HS: bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những hiện tượng gây tranh luận, đang có những ý kiến trái chiều.  - Đưa ra những hiện tượng đáp ứng tiêu chí trên.   Chuyển dẫn sang mục sau.  ? Em hãy viết ra những ý kiến của mình xoay quanh hiện tượng cần bàn luận theo sơ đồ SGK.  -HS thực hiện độc lập trên giấy A4  - Gv quan sát hỗ trợ kịp thời.  - Gv gọi 1-2 em trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần)  - Gv phát phiếu học tập yêu cầu hs lập dàn ý:   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | - Hiện tượng tôi quan tâm:………………  - Ý kiến của tôi về hiện tượng:…………. | | Thân bài | - Lí lẽ 1: …………………………  - Bằng chứng 1: …………………  - Lí lẽ 2: …………………………..  - Bằng chứng 2:……………………  - Trao đổi với ý kiến trái chiều (nếu có):  …………………………………………. | | Kết bài | - Khẳng định lại vấn đề:………………..  - Giải pháp của tôi:……………………… |   - Hs thực hiện trên phiếu  - Gv yêu cầu 1-2 em trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần)  - GV làm mẫu kĩ năng viết đoạn mở bài: vừa đọc to vừa viết lên bảng đoạn mở bài.  - Hs quan sát giáo viên  -  Hs tập viết đoạn mở bài của mình.  - Hs trình bày trước lớp.  - Hs khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - Gv nhận xét.  (Thực hiện viết đoạn kết bài tương tự quy trình trên)     * Gv yêu cầu học sinh cả lớp tự đọc lại bài dùng bảng kiểm trong sgk để tự chỉnh sửa. * Gv tổ chức cho 2 học sinh trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau.      * Gv cho hs thảo luận:   ? Em học được những gì từ quá trình viết viết của bản thân và từ bạn về việc viết một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống? | **Đề** : Hãy viết bài văn ( khoảng 400 chữ ) trình bày suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm.  ***B 1: chuẩn bị trước khi viết:***  - Xác định đề tài:  + Trò chơi điện tử: lợi hay hại?  + Bạo lực gia đình: nên hay không nên?  + Học đối phó: nên hay không nên?  - Thu thập tư liệu: các bài báo, bài nghiên cứu, các bài văn tham khảo cùng chủ đề.                                          ***B 2: tìm ý, lập dàn ý.***  ***- Tìm ý***            ***- Lập dàn ý:***  ***MB:*** giới thiệu hiện tượng quan tâm và nêu ý kiến của bản thân.  ***TB:*** đưa ra lí lẽ để lí giải cho ý kiến.  - Lí lẽ 1: …………………………  - Bằng chứng 1: …………………  - Lí lẽ 2: …………………………..  - Bằng chứng 2:……………………  - Trao đổi với ý kiến trái chiều (nếu có):  ***KB:*** khẳng định lại vấn đề và đưa ra đề xuất.        ***B 3: Viết bài.***   * ***Đoạn mở bài.***   Hiện nay, học đối phó đã trở thành hiện tượng khá phổ biến trong giới học sinh. Phải chăng đó là một trong những lí do làm cho chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông đang đi xuống? Cho nên chúng ta không nên học đối phó.   * Đoạn kết bài:        Do đó, học đối phó là một điều không nên và không tốt cho tương lai của cá nhân người học cũng như của đất nước. Mỗi học sinh chúng ta cần tự giác học tập chăm chỉ, tìm phương pháp học hiệu quả, xác định mục đích học đúng đắn thì mới trở thành chủ nhân tương lai của đất nước.    ***B 4: xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***  *- Xem lại, chỉnh sửa:*      *- Rút kinh nghiệm* |

**3. HĐ3:Vận dụng.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV yêu cầu hs: về nhà viết hoàn thiện thành một bài văn hoàn chỉnh cho đề: Hãy viết bài văn ( khoảng 400 chữ ) trình bày suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm.

* Viết vào giấy tiết sau nộp.
* Viết xong dùng bảng kiểm trong sgk để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.
* Chuẩn bị phần NÓI VÀ NGHE theo trình tự sgk.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:**

- Lắng nghe câu hỏi

- Thực hiện theo yêu cầu của Gv ở nhà.

**GV**: quan sát học sinh giải đáp vướng mắc (nếu có)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS nộp bài vào tiết học hôm sau.

- Gv thu bài.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV chấm điểm, nhận

*Tiết 109*

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Đưa ra vấn đề gần gũi trong đời sống. | Chưa nêu được vấn đề đời sống. | Xác  định đúng vấn  đề  cần  nghị luận; thể hiện nhưng  chưa  rõ quan  điểm. | Xác  định đúng vấn  đề  cần  nghị luận; thể  hiện rõ quan  điểm. |
| 2. Lập luận | Không    biết  cách  tổ chức hệ thống lí lẽ kết  hợp  với dẫn chứng để chứng  minh cho luận điểm | Luận  điểm tương  đối  phù hợp, rõ  ràng. Hệ  thống lí lẽ hợp lí,  được củng cố bằng dẫn chứng | Luận  điểm phù hợp, rõ  ràng,  sâu sắc và tất cả được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng sắc bén |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Giọng điệu tương  đối phù hợp với  đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

****

****

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu hình ảnh về hiện tượng đời sống và giao nhiệm vụ cho HS:

? Hình ảnh trong tranh nêu hiện tượng nào trong đời sống?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát những bức tranh và suy nghĩ cá nhân

- GV nhắc nhở những HS còn làm việc riêng chưa chú ý bài học  (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em dự định nói ở đâu? Thời gian nói là bao lâu?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về vấn đề, hiện tượng đời sống nào?  ? Em có video, sơ đồ để bài nói ấn tượng, sinh động, hấp dẫn không?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Khi nói cần lựa chọn không gian và xác định thời gian nói.  - Tìm hình ảnh, video, sơ đồ cho bài nói thuyết phục.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lập dàn ý theo sơ đồ.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Ngày nay các bạn trẻ có cách ăn mặc không lành mạnh, em hãy trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiến hành lặp dàn ý ( đưa ra lí lẽ và dẫn chứng).

- GV hướng dẫn HS: tìm ý chính và trình bày trước tập thể.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV  yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về các vấn đề trong đời sống và nêu ra quan điểm của em về vấn đề đó

Bài tập 2: Sưu tầm thêm các văn bản nghị luận đời sống đặc sắc từ sách, báo,…

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày ý kiến của em về việc nghiện trò chơi điện tử của giới trẻ ngày nay. Trong đó, bài viết có sử dụng các từ mượn (chỉ ra những từ mượn đó).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV  yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Đặc điểm cơ bản của văn nghị luận?

Bài tập 2: Hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Vấn đề cần bàn luận** | **Ý kiến 1** | **Ý kiến 2** |
| *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?* | *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?* | Ngọt ngào là hạnh phúc:  - Lý lẽ 1.1: sự dịu dàng, thoải mái, bình yên.  - Dẫn chứng 1.1: Sự quan tâm, yêu thương, lời nói ngọt ngào dành cho nhau.  - Lý lẽ 1.2: Cuộc sống giàu có, sung túc đầy đủ.  - Dẫn chứng 1.2: Tỉ phú Bill Gates dành 45,6% tài sản làm quỹ từ thiện. | Hạnh phúc còn được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, nỗi đau:  - Lý lẽ 1.1: Khi mang con trong bụng mẹ thấy nặng nề, mệt nhọc, khi sinh con….  - Dẫn chứng 1.1: Biết con bình an, con khóc …  - Lý lẽ 1.2: Không may mắc bệnh hiểm nghèo vẫn có thể hạnh phúc.  - Dẫn chứng 1.2: Võ Thị Ngọc Nữ…. |

Bài tập 3: Dân gian ta có câu tục ngữ: “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”. Nhưng có bạn lại bảo: “Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng”. Em hãy thuyết phục bạn ấy theo ý kiến của em.

Bài tập 4: Từ BT2 và BT3 em hãy rút ra cách nhìn nhận, đánh giá một vấn đề, cũng như cách nhìn nhận của ta và của người khác liệu có giống nhau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1, 2, 3 & 4.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo sự hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**TIẾT 112-123**

**Bài 9 NUÔI DƯỠNG TÂM HỒN**

(12 tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lẵng quả thông  Description: Minh Khai Book Store - Lẵng Quả Thông - Văn Học Nga (Hết Hàng) | Con muốn làm một cái cây  https://lh4.googleusercontent.com/G0QE_XAzZAEXdOac-0l-EUw9aWY1j4W-D-i4CUVfUeS_I3dHfQveStvBRil2cqBd2tBX-7Ye16Ixr4AzflovRcH-LOZDzILKzL3kJwK3YfKZHjE2YitZWMiXv97kJZvL3erQuc8 | Và tôi nhớ khói  https://lh6.googleusercontent.com/aQvkg5s5Pmx_jpeOg1HNYGQ_j9Et5HMyPhBS_ZpQjCIF1qj0i4dXXTCPkzzPuDW02UyyDfL35wJNY7bEpSbHPb9-gJo5exvmABg46tXdLEP6RCOYpYoFA86XXTcUbaje-NH0UaQ | Cô bé bán diêm  https://lh4.googleusercontent.com/Uc5Ln166Ytk6VoeFdNmNFMZFQuoKMe6fgJbBGEcPaX9CNQj6PgfUb4Ow5Nyr-_F9os35US8xcNZswT85E0NZ-eW_8Rce52snD2gGq3FyoxfhmFL0smXSituu3MhYl95dsxmK7NU |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về năng lực:***

- Tri thức ngữ văn:một số yếu tố truyện ( chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, tình cảm , cảm xúc của người viết).

- Đời sống tâm hồn của con người được thể hiện qua các văn bản.

- Cấu trúc câu.

- Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ( chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, tình cảm , cảm xúc của người viết).

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật (hình dáng, trang phục, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật); những điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật chính qua các văn bản khác nhau.

- Nhận biết được cấu trúc câu, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm của bản thân.

- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

***2. Về phẩm chất:***

- Yêu con người, yêu cái đẹp; lòng biết ơn; trân trọng, yêu quý những món quà tinh thần, những kỉ niệm....

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ  (8 phút)**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS thảo luận, chia sẻ theo cặp  ? Nếu để lựa chọn hình ảnh đại diện cho thế giới tâm hồn của con người thì em sẽ chọn hình ảnh nào? Và màu sắc chủ đạo của hình ảnh đó? Vì sao em lựa chọn như vậy?  - Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK và hoàn thành phiếu học tập.  ?  Dựa vào tri thức đọc hiểu ở bài “Những trải nghiệm trong đời và Điểm tựa tinh thần”, em hãy nối cột A với B để thể hiện rõ thế nào là :  (1) Chi tiết tiêu biểu?  (2) Đề tài?  (3) Cốt truyện?  (4)Nhân vật?  (5) Chủ đề?  (6) Tình cảm, cảm xúc của người viết (tác giả)?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS  -** Thảo luận theo cặp .  - Đọc phần tri thức Ngữ văn.  -Hoàn thành phiếu học tập  **GV:** - Theo dõi, hỗ trợ HS.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:    - Yêu cầu đại diện của nhóm chia sẻ, hoàn thành phiếu học tập.  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Văn bản 1  **LẴNG QUẢ THÔNG**

Pao-tốp-xơ-ki

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Description: Minh Khai Book Store - Lẵng Quả Thông - Văn Học Nga (Hết Hàng) | Description: Lẵng quả thông - music.edu.vn | Description: Chất thơ trong “Lẵng quả thông” | Quả thông |

**1. HĐ1: Hoạt động xác định vấn đề (3 phút)**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ :**

GV đặt “Chiếc hộp bí mật” lên và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong mục” Chuẩn bị đọc” (sgk, tr 62)

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

1.HS HĐ cá nhân: trả lời câu hỏi vào giấy.

**Bước 3. Báo cáo kết quả**

- HS bỏ giấy đã ghi câu trả lời của mình vào “Chiếc hộp bí mật”

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- Giáo viên chia sẻ trải nghiệm của bản thân khi nhận món quà đặc biệt khiến mình nhớ mãi và dẫn vào bài mới.

**2. HĐ 2:  Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tác giả (3 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV yêu cầu HS đọc sgk, tr65 và trả lời câu hỏi.  ? Nêu một vài nét cơ bản về tác giả Pao-tốp-xơ-ki?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS HĐ cá nhân.  - HS đọc sgk, tr65 (phần tác giả)  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  -HS trả lời câu hỏi.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức lên màn hình, HS ghi bài. | Description: Vì sao … Pauxtopxki | Quả thông  -Pao-tốp-xơ-ki là nhà văn sinhh tại Mát-xcơ-va (Nga).  -Truyện của ông luôn đánh thức trong ta những rung động tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tâm hôn con người Nga. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Trải nghiệm cùng văn bản (12 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Hướng dẫn cách đọc, cách ngắt nhịp, cách đọc tên nhân vật, địa danh và yêu cầu HS đọc phân vai. Trước khi đọc yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai mà mình đảm nhiệm.  - GV yêu cầu HS sau khi đọc xong văn bản ,hãy tự hình dung câu trả lời của bản thân về các câu hỏi “dự đoán”và “suy luận”  -GV đọc mẫu.  -HS đọc phân vai đoạn còn lại.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Đọc văn bản  -HS HĐ phối hợp giữa các cá nhân.  GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  HS: trình bày câu trả lời của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần)  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét về thái độ, cách đọc của HS chuyển dẫn mục sau. | * HS phân vai đọc văn bản |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. Suy ngẫm và phản hồi (40 phút)** | |
| **1.Những sự việc chính (5 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi 1/sgk/67  ?Liệt kê những sự việc chính xảy ra với nhân vật Đa-ni?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi  -HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi số 1/sgk/67.  **B3. Báo cáo kết quả:**  -HS trình bày câu trả lời của mình.  **B4. Đánh giá, nhận xét kết quả:**  GV nhận xét câu trả lời của HS và chuyển dẫn mục tiếp theo. | -Đa-ni chuẩn bị đi nghe hòa nhạc  - Đa-ni bất ngờ đón món quà âm nhạc-“món quà đặc biệt”  - Những cảm xúc, suy nghĩ của Đa-ni sau khi nhận món quà bất ngờ. |
| **2. Nhân vật Đa-ni (25 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Chia lớp thành 8 nhóm; mỗi nhóm 4-6 HS  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2.  - 2 nhóm tìm chi tiết miêu tả ngoại hình của Đa-ni. Nhận xét về nhân vật  - 2 nhóm tìm chi tiết miêu tả hành động, cảm xúc của Đa-ni khi nghe bản nhạc. Nhận xét về nhân vật.  - 2 nhóm tìm chi tiết miêu tả hành động ý nghĩ của Đa-ni sau khi nghe bản nhạc. Nhận xét về nhân vật.  - 2 nhóm tìm từ ngữ thể hiện tình cảm của tác dành cho nhân vật Đa-ni  => Sau thời gian thảo luận nhóm, mỗi nhóm chỉ giữ lại thư ký, các học sinh còn lại chia đều các nhóm khác. Các nhóm mới nghe thư ký nhóm cũ trình bày nội dung trong phiếu học tập và cùng góp ý, bổ sung ý kiến vào phiếu học tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS HĐ thảo luận nhóm, lắng nghe thư kỹ nhóm cũ trình bày, góp ý, bổ sung hoàn thành phiếu học tập.  -GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu cần).  **B3: Báo các, thảo luận.**  GV: - Yêu cầu đại diện của nhóm lên trình bày  HS: -Đại diện HS trình bày sản phẩm. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  Chốt kiến thức và chuyển dẫn . | **\* Ngoại hình của Đa-ni**  -Mặc chiếc áo dài nhung đen, loại nhung tuyết rất mịn.  - Nước da mai mái nghiêm nghị trên gương mặt; đôi bím tóc dài lấp lánh vàng mười.  => Đa-ni là một cô gái xinh đẹp  **\* Hành động, cảm xúc của Đa-ni khi nghe bản nhạc**  - Hành động, cử chỉ: Giật mình, ngước mắt lên, nghe gọi tên mình; hít một hơi dài; nước mắt trào dâng; cúi xuống và giấu mặt trong đôi bàn tay; khẽ giật mình (khi nghe tiếng tù và)  - Cảm xúc: Cảm thấy bất ngờ; xốn xang kì lạ; thấy tức ngực, một cơn giông đang cuồn cuồn trong lòng nàng; cảm thấy có một luồng không khí do âm nhạc dấy lên   * Đa-ni là một cô gái có tâm hồn mơ mộng, tinh tế, giàu trí tưởng tượng, giàu cảm xúc: Nàng tưởng tượng về hình ảnh quê hương với những khu rừng, tiếng tù và, tiếng sóng...   **\*Hành động, ý nghĩ của Đa-ni sau khi nghe bản nhạc**  - Hành động: Đa-ni khóc, không giấu diếm giọt lệ biết ơn; đứng lên và đi nhanh về phía công viên, đi trên những đường phố, đi ra bờ biển; nắm chặt hai tay; cười, mở to mắt nhìn những ngọn đèn trên những con tàu biển.  - Ý nghĩ: Cảm thấy biết ơn; bản nhạc đang kêu gọi; cảm thấy hạnh phúc vô cùng; cuộc sống thật đẹp, thật “tuyệt mĩ”.  **=>** Đa-ni là một cô gái hiểu biết, luôn biết ơn, trân trọng giá trị món quà mình được đón nhận  \*Tình cảm của tác giả đối với nhân vật Đa-ni:  - Tác giả yêu mến, cảm phục, cảm xúc trào dâng trước vẻ đẹp tâm hồn của Đa-ni. |
| **3. Đề tài, chủ đề (10 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp.  ? Đề tài của văn bản “ Lẵng quả thông” ?  ? Nêu chủ đề văn bản bằng cách hoàn thành câu văn : “ Thông qua câu chuyện này, tác giả muốn ..................”.  B2. Thực hiện nhiệm vụ:  -HS chia sẻ theo cặp.  - GV quan sát, hỗ trợ.  B3. Báo cáo kết quả  -Đại diện HS trình bày câu trả lời , các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4. Đánh giá, nhận xét:  -GV nhận xét HĐ và câu trả lời của HS. | \*Đề tài: “Lẵng quả thông” miêu tả về cuộc gặp gỡ giữa E-đơ-va Gờ-ric và cô bé Đa-ni.  \* Chủ đề: Thông qua câu chuyện về món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ríc tặng Đa-ni, tác giả muốn khẳng định giá trị, sự kì diệu và ý nghĩa của món quà tinh thần và của âm nhạc đối với tâm hồn con người.” |

|  |  |
| --- | --- |
| **IV.Tổng kết (7 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Phát phiếu học tập  -Giao nhiệm vụ HĐ nhóm:  ?Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ?Nội dung chính của văn bản?  ? Ý nghĩa của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Suy nghĩ cá nhân  GV: Định hướng HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa.  **B3: Báo cáo kết quả**  -HS trình bày câu trả lời; nhận xét, bổ sung...  GV: Yêu cầu HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét kết quả làm việc HS.  -Chốt, chuyển dẫn hoạt động. | III.Tổng kết  1.Nghệ thuật  - Miêu tả, miêu tả tâm lí nhân vật  - Kết hợp sử dụng biện pháp nhân hóa  - Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu cảm xúc  2. Nội dung:  - Đa-ni nhận món quà âm nhạc- món quà bất ngờ- món quà tinh thần giàu ý nghĩa. 3. Ý nghĩa:  - Phải biết yêu quý, trân trọng những món quà tinh thần  - Biết nhận và cho đúng ý nghĩa |

**3.Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Giao yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi 6/sgk/67  => Đây là câu hỏi mở nên GV cho HS HĐ cá nhân để các em nêu lên được những chính kiến của bản thân  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Suy nghĩ cá nhân  GV yêu cầu 2-4 HS trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả**  -HS trình bày câu trả lời; nhận xét, bổ sung...  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét câu trả lời của HS.  -Chốt, chuyển dẫn hoạt động. | **\*Âm nhạc- món quà tinh thần** :  -Đánh thức trong tâm hồn Đa-ni về những hình ảnh đẹp đẽ của quê hương nàng.  -Cảm nhận được tình yêu, lòng nhân hậu của nhạc sĩ giành cho cô.  -Lòng biết ơn  -Củng cố niềm tin về lời hứa.  -Tình yêu cuộc đời. Sống có ý nghĩa hơn  => Món quà tinh thần đã giúp tâm hồn của Đa-ni trở nên phong phú và sâu sắc hơn; trái tim giàu cảm xúc hơn. |

**4.Hoạt động vận dụng (13 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV mở chiếc hộp bí mật đã đựng tờ giấy chia sẻ của cá nhân HS ở tiết trước. Yêu cầu HS nhận lại tờ giấy của mình và thực hiện nhiệm vụ:  - HS chia sẻ điều mà em đã viết ở tiết trước và trả lời câu hỏi 7/sgk/67  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, sau đó làm việc nhóm.  GV quan sát, theo dõi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -Đại diện HS trình bày câu trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét câu trả lời của HS và chốt  -Hướng dẫn học và làm bài ở nhà; chuẩn bị văn bản 2 “Con muốn làm một cái cây” | **\*Cách cho (tặng) một món quà**:  - Đặt cả tấm lòng và tình cảm hoặc những lời chúc tốt đẹp cho người nhận  - Hiểu rằng giá trị món quà nhiều khi không cần là vật chất mà là một niềm vui, sự yêu thương...  - Cách tặng quà quan trọng hơn món quà  **\* Cách nhận một món quà**:  - Trân trọng tấm lòng người cho (tặng).  - Nhận món quà với lòng biết ơn  - Giữ gìn, nâng niu hoặc có hành động làm tăng lên ý nghĩa, giá trị của món quà. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**Phiếu học tập số 1:**

?  Dựa vào tri thức đọc hiểu ở bài “Những trải nghiệm trong đời và Điểm tựa tinh thần”, em hãy nối cột A với B sao cho đúng nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Đáp án |
| 1.Đề tài | a) là một hệ thống các tình tiết, sự kiện, biến cố phản ánh những diễn biến của cuộc sống và nhất là là các xung đột xã hội một cách nghệ thuật, qua đó các nhân vật, các tính cách hình thành và phát triển trong những mối quan hệ qua lại của chúng nhằm làm sáng tỏ chủ đề và tự tưởng tác phẩm |  |
| 2.Chủ đề | b)là chi tiết đặc sắc, tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu. |  |
| 3.Cốt truyện | c) là hiện tượng đời sống được nhà văn miêu tả, kể, thể hiện qua văn bản. |  |
| 4.Nhân vật | d) là con người (có thể là con vật, cây cối...) cụ thể được [miêu tả](https://tudienwiki.com/mieu-ta/), kể trong [tác phẩm văn học](https://tudienwiki.com/tac-pham-van-hoc/);  có thể có tên riêng cũng có thể không có tên riêng. |  |
| 5.Chi tiết tiêu biểu | e) là những thái độ thể hiện rung cảm, cảm xúc đối với nhân vật, vấn đề, sự việc, hiện tượng.... |  |
| 6.Tình cảm của tác giả | f) là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản; thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống. |  |

Đáp án : 1-c;       2-f;        3-a;     4-d;     5- b;   6-e

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Chi tiết miêu tả | | Nhận xét |
| Ngoại hình |  | |  |
| Hành động, cảm xúc của Đa-ni khi nghe bản nhạc | Hành động |  |  |
| Cảm xúc |  |
| Hành động, ý nghĩ của Đa-ni sau khi nghe bản nhạc | Hành động |  |  |
| Ý nghĩ |  |
| Từ ngữ thể hiện tình cảm tác giả đối với nhân vật Đa-ni |  | |  |

**Đọc hiểu văn bản 2: *Con muốn làm một cái cây***

**Thời lượng: 2 tiết**

**1.** **Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ: (5p)**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

Yêu cầu HS mang đến lớp một kỉ vật của người thân mà em lưu giữ hoặc một bức ảnh chụp/bức tranh vẽ về kỉ vật đó và chia sẻ với bạn ngồi bên cạnh.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS chia sẻ với bạn ngồi bên cạnh.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu 2 HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình trước lớp. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, nêu cảm nhận của mình về phần chia sẻ của bạn.

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

*GV hướng dẫn HS chốt định hướng: những kỉ vật, những kí ức đẹp bên người thân có ý nghĩa vô cùng quý giá, sẽ là hành trang theo mỗi chúng ta suốt đời, nó là liều thuốc tinh thần xoa dịu tâm hồn lúc ta buồn đau→Đến với bài học hôm nay, chúng ta sẽ càng cảm nhận rõ hơn về giá trị của những kỉ vật đó.*

**2.**  **Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**I.Tìm hiểu chung: (12P)**

**1.Tác giả**

**a.Mục tiêu:**

Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Võ Thu Hương .

**b.Nội dung:**

GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời.

**c.Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  HS làm việc cá nhân  Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ?Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Võ Thu Hương?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi của GV  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | Nhà văn Võ Thu Hương  https://lh5.googleusercontent.com/__FOqE68HjgSkSpWb9yVcp98k4eA8FOaQ1xVbFao2boH6afkT1DBbZH0LG1NgDyN-kVkk245Pj4ZP9_bfdhbraj7pAvUp9CPeVQww-nh1IC9bKRLoXwjzTzswnGNUoYoY0sQIM4  Nhà văn Võ Thu Hương sinh năm 1983, quê quán Nghệ An, hiện nay đang sống tại TP.HCM. Cô tốt nghiệp Khoa Ngữ văn – Báo chí trường Đại học KHXH & NV TP.HCM, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Cô là tác giả của nhiều cuốn sách dành cho thiếu nhi.  Một số tác phẩm của cô:  - Nụ cười Chim Sắt (truyện kí, NXB Kim Đồng) – Những đóa hoa mặt trời (tập truyện, NXB Kim Đồng) – Quà của Thần Núi (tập truyện, NXB Tổng Hợp)  – Qua một khúc sông (tập truyện ngắn,– NXB Hội Nhà văn) |

**2.Tác phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  -GV hướng dẫn cách đọc và đọc mẫu phần đầu của câu chuyện (lí do vì sao ông nội trồng cây ổi)  Cách đọc: Khi đọc, cần chú ý đọc chậm rãi, diễn cảm, thể hiện cảm xúc, sau mỗi phần cần dừng lại 1,2 phút để suy ngẫm và nhớ lại các chi tiết chính trong phần truyện vừa đọc.  - HS  đọc hai phần còn lại (kí ức về cây ổi của Bum, ước mơ làm một cây ổi của Bum khi ông nội mất và đi xa căn nhà cũ). Đến đoạn có câu hỏi Suy luận và Liên hệ GV cho các em dừng lại 1,2 phút để thực hiện yêu cầu của SGK.  -Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ?Xác định thể loại và bố cục của văn bản?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi Suy luận và Liên hệ.  Trả lời câu hỏi của GV  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV mời 2 HS đọc văn bản  GV mời 4 HS trả lời các câu hỏi Suy luận và Liên hệ  GV mời 2 HS trả lời câu hỏi xác định thể loại và bố cục VB.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét phần đọc và trả lời các câu hỏi suy luận và liên hệ của các bạn theo kĩ thuật 3-2-1  GV chốt kiến thức. | **2.1.Trải nghiệm cùng văn bản:**  **2.2.Thể loại**  Truyện ngắn  **2.3.Bố cục:**  3 phần  -Từ đầu…thiên đường→ Lí do vì sao ông nội trồng cây ổi.  -Từ “Phụ công chăm bẵm…hiền lành”  → Kí ức về cây ổi của Bum.  Còn lại: Ước mơ làm một cây ổi của Bum khi ông nội mất và đi xa căn nhà cũ |

.**II. Đọc-hiểu văn bản:**

**1.Nhân vật:** (28P)

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS chuẩn bị câu hỏi SGK, PHT để HS có sự chuẩn bị để tham gia tốt hoạt động học tập.  Câu hỏi 2  GV tổ chức thảo luận nhóm (4,5 HS) vì đây là câu hỏi khó, đòi hỏi HS liệt kê chi tiết về hai nhân vật ông nội, Bum và rút ra nhận xét về hai nhân vật đó.  *-* GV chia lớp thành 8 nhóm nhỏ và tổ chức cho HS thảo luận nhóm.(4 nhóm thảo luận nhận xét về nhân vật ông nội, 4 nhóm thảo luận, nhận xét về nhân vật Bum) Sau thời gian thảo luận, mỗi nhóm chỉ giữ lại thành viên thư kí, các HS còn lại chia đều sang các nhóm khác. Các nhóm mới được nghe thư kí nhóm cũ trình bày nội dung trong phiếu học tập và cùng góp ý, bổ sung ý kiến vào tờ phiếu đó. Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép.  GV thiết kế phiếu học tập để giúp các nhóm có định hướng dễ dàng hơn trong việc liệt kê chi tiết và rút ra nhận xét về nhân vật.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Chi tiết miêu tả** | **Nhận xét về nhân vật** | | **Ông nội** |  |  | | **Bum** |  |  |   **Câu hỏi 3**  Tổ chức hoạt động *Nếu em là Bum*… HS vẽ vào tờ giấy ghi chú một mặt cười (😊) hoặc một mặt buồn (☹). Mặt cười thể hiện Bum là chú bé hạnh phúc, mặt buồn thể hiện Bum là chú bé không hạnh phúc.  HS đi tìm những bạn trong lớp có cùng ý kiến với mình và lập thành hai nhóm: *Bum mặt cười* và *Bum mặt buồn*. Mỗi nhóm có phần chia sẻ ý kiến ngắn với nhau và đại diện các nhóm trình bày trước lớp lí do vì sao Bum hạnh phúc hoặc không hạnh phúc.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Học sinh điền thông tin trả lời vào phiếu học tập, thành lập nhóm mới, chia sẻ góp ý, bổ sung thông tin để hoàn thiện phiếu học tập.  HS tham gia hoạt động hoàn thành câu hỏi 3.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhệm vụ học tập**  GV mời 1,2 nhóm thuyết trình câu hỏi 2  GV mời 1,2 HS đại diện cho 2 nhóm (Bum mặt buồn và Bum mặt cười) đưa ra lập luận cho câu hỏi 3  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV mời đại diện các nhóm nhận xét phần thuyết trình của các nhóm bạn theo kĩ thuật 3-2-1 cho câu hỏi 2. GV chốt, định hướng.  GV mời HS nhận xét phần lập luận của 2 HS đại diện cho câu hỏi 3, GV chốt. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Chi tiết miêu tả** | **Nhận xét về nhân vật** | | Ông nội | -Một cây ổi có vẻ lạc lõng nhưng không làm mất duyên con đường vì phía trước ông trồng cây bằng lăng, phía sau mới trồng cây ổi  -Ông muốn trồng ổi vì muốn đứa nhỏ trong bụng mẹ sau khi chào đời có nơi leo trèo như ba nó.  -Ông cố ý bấm cho cây tỏa ra nhiều cành cao thấp vững chãi. | – Yêu thương cháu, luôn dành cho cháu những sự chăm sóc, quan tâm.  – Hiểu đặc điểm, tâm lí, sở thích của những chú bé trai để đem đến những “món quà đặc biệt” của tuổi ấu thơ: trông cây ổi để bố, rồi Bum leo trèo, chơi đùa với bạn. | | Bum | -Kể cho bạn bè nghe về nguyên nhân ra đời của cây ổi, khoe chuyện bắt sâu cho cây lúc hai, ba tuổi.  -Thảo ăn với bạn bè.  -Xin bố ghé thăm cây ổi, gặp lại đám bạn.  -Ước muốn làm một cây ổi trong vườn cũ, luôn bên đám bạn leo trèo trong mùa ổi chín và thấy ông cười hiền lành bên gốc ổi  -Cười toe toét, mắt rưng rưng khi nghe bố mẹ bàn nhau trồng một cây ổi và kế hoạch mời đám bạn cũ đến nhà và hái ổi. | – Hồn nhiên, tinh nghịch, yêu thương bạn bè.  – Yêu thương ông nội, luôn hãnh diện, tự hào và nhớ đến “món quà đặc biệt” của tuổi thơ mà ông nội dành tặng mình.  – Tâm hồn nhạy cảm, cảm nhận được nỗi buồn, sự cô đơn trong lòng mình khi xa cây ổi, xa căn nhà thơ ấu, xa bạn bè. | | Bum mặt cười | | Bum mặt buồn | | – Bum có một tuổi ấu thơ vui vẻ, hồn nhiên, được đùa nghịch với các bạn  – Bum có ông nội thương cháu, yêu cháu, hiểu cháu đã trồng cả một cây ổi cho chú bé leo trèo  – Bum có bố mẹ thương con, hiểu con nên khi biết con buồn, đã cố gắng trồng lại cây ổi và rủ bạn bè cũ về nhà chơi với Bum, dù gia đình chuyển chỗ ở. | | – Bum mất ông nội, người bạn yêu thương và luôn bên cạnh Bum thời ấu thơ.  – Bum xa bạn bè cũ, xa cây ổi thân thiết thời thơ ấu nên có cảm giác lạc lõng, cô đơn sau khi gia đình chuyển nhà.  – Bố mẹ bận bịu làm ăn, ít có thời gian để quan tâm đến Bum, nhất là quan tâm đến những nỗi buồn, sự cô đơn bên trong tâm hồn con. | |

HẾT TIẾT 1

…………………………………………….

**2.Đề tài** (15p)

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  Câu hỏi 4  GV tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ)  Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.  Câu hỏi 1  GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân xác định đề tài truyện *Con muốn làm một cái cây* vào giấy ghi chú. Sau khi viết xong, HS đổi bài cho bạn bên cạnh và chấm, sửa cho nhau dựa trên phần chốt của GV.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của GV  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -GV mời đại diện 1,2 cặp lên trình bày câu hỏi 4  -GV mời 1,2 HS trả lời câu hỏi 1  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -GV mời các cặp khác nhận xét phần trình bày của các cặp HS trả lời cho câu hỏi 4.  -GV nhận xét, định hướng trả lời câu hỏi 1. | **Ý nghĩa của cây ổi** xuất hiện từ đầu đến cuối văn bản.  –  Về ý nghĩa nội dung:  · Cây ổi là quà tặng đặc biệt với sự chăm chút và tình yêu mà ông nội dành cho Bum  · Cây ổi là nơi gắn kết bạn bè, với những trò leo trèo nghịch ngợm của các chú bé.  · Cây ổi là niềm vui của thời thơ ấu hồn nhiên, được lớn lên trong yêu thương và được làm bạn với thiên nhiên.  – Về ý nghĩa nghệ thuật  · Cây ổi là hình tượng xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện ngắn, kết nối thời thơ ấu của ba Bum, của Bum, kết nối quá khứ (cây ổi ông trồng) - hiện tại (cây ổi trong bài văn viết về mơ ước của Bum) – tương lai (dự định trồng lại cây ổi của ba mẹ)  **Đề tài** truyện ngắn *Con muốn làm một cái cây*:  – Kỉ niệm thời thơ ấu gắn với thiên nhiên.  – Tình cảm ông cháu.  – Sự cô đơn của đứa trẻ khi xa rời không gian sống quen thuộc. |

**3 Ý nghĩa của truyện:(5P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  Câu hỏi 5: (kết hợp với câu hỏi MR của GV)  GV tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ)  Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của GV  **Báo cáo kết quả thực hiện nhệm vụ học tập**  GV mời đại diện 1,2 cặp lên trình bày câu hỏi 5  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV mời các cặp khác nhận xét phần trình bày của các cặp HS trả lời cho câu hỏi 5 và GV chốt. | **Thông điệp của tác giả:**  – Trẻ em cần được lớn lên trong yêu thương, chăm sóc và sự kết nối với bạn bè, thiên nhiên.  – Trẻ em cần được thấu hiểu, lắng nghe, nhất là thấu hiểu những cảm xúc bên trong (như cô đơn, buồn bã,…)  – Trẻ em cần được lớn lên với một thơ ấu đầy ắp niềm vui, được chơi đùa, nghịch ngợm đúng với lứa tuổi.  **\*Tình cảm của tác giả:** Yêu mến, quan tâm đến thế giới tâm hồn, tình cảm của trẻ thơ. |

**III.Tổng kết: (3p)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  HS làm việc cá nhân  Yêu cầu HS tìm hiểu VB và trả lời câu hỏi  ?Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi của GV  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **1.Nội dung:**  Truyện Con muốn làm một cái cây kể về kỉ niệm thời thơ ấu gắn bó với thiên nhiên, với người ông nhân hậu và ước mơ được sống trong một không gian quen thuộc của đứa trẻ.  **2.Nghệ thuật:**  -Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, mộc mạc  -Xây dựng nhân vật sinh động, gần gũi  -Nghệ thuật miêu tả sinh động, chân thật |

**3. Hoạt động 3   LUYỆN TẬP: (12P)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | | Sản phẩm dự kiến | |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  Câu hỏi 6  GV tổ chức thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ Venn so sánh nhân vật Đa-ni và Bum.  Các nhóm sau khi hoàn thành sơ đồ sẽ trao đổi kết quả cho nhau, mỗi nhóm có thêm thời gian 2 đến 3 phút góp ý, bổ sung kết quả thảo luận của nhóm bạn bằng mực đỏ.  GV mời đại diện 1 đến 2 nhóm lên trình bày và nhận xét, chốt kiến thức.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS tham gia thảo luận nhóm để rút ra điểm giống và khác nhau giữa hai nhân vật.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV mời 1,2 nhóm thuyết trình câu hỏi 6  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV mời đại diện các nhóm nhận xét phần thuyết trình của các nhóm bạn theo kĩ thuật 3-2-1 cho câu hỏi 6  GV chốt, khái quát lại về điểm giống và khác nhau giữa hai nhân vật. | Sơ đồ venn so sánh điểm giống và khác nhau giữa Đa-ni và Bum  Đa-ni                                                                     Bum | |  |

**4.Hoạt động 4: VẬN DỤNG (10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  Câu hỏi: Em đã bao giờ làm việc gì đem lại niềm vui cho người khác hay chưa? Lúc đó em có cảm nhận thế nào? Hãy chia sẻ với bạn về việc làm đó và cảm xúc của em khi đem lại niềm vui cho người khác.  HS tự do chia sẻ theo những trải nghiệm và suy nghĩ của các em.  HS chia sẻ theo cặp, sau đó đại diện một cặp chia sẻ với lớp.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS chia sẻ theo cặp, sau đó GV mời 1,2 HS trình bày trước lớp.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, viết, bắt cặp, chia sẻ trải nghiệm.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -Cho các HS khác bổ sung cảm xúc của bản thân khi đem lại niềm vui cho người khác.  -GV ghi nhận phần chia sẻ của HS, chốt. | -HS tự do chia sẻ trải nghiệm  -Cảm nhận”  +Thấy vui, hạnh phúc  +Thấy mình sống có ích, có ý nghĩa  … |

**VĂN BẢN: VÀ TÔI NHỚ KHÓI**

**1.Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 PHÚT)**

***Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV phát giấy note cho học sinh và yêu cầu ghi lại các từ khóa về đất và người Hà Giang; cảm xúc của học sinh khi xem ảnh.

- Giáo viên chiếu ảnh.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS ghi lại các từ khóa biểu thị cảm xúc của mình về đất và người Hà Giang.

*Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*: HS trình bày cảm xúc của mình. Các học sinh chia sẻ những cảm xúc/ cảm nhận khác của mình (không giống với các bạn đã chia sẻ).

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:***

Giáo viên ghi nhận những cảm xúc/ cảm nhận của học sinh, giới thiệu bài học.

Nội dung định hướng của giáo viên: Mỗi nơi chúng ta sống, mỗi vùng đất chúng ta qua đều để lại cho chúng ta một cái kí ức nào đó. Đó có thể là đặc điểm nổi bật về con người, về thiên nhiên như “đá” đã thấm vào tâm hồn mỗi con người Hà Giang nói riêng, mỗi người đã từng đến đây nói chung. Và hôm nay chúng ta đến với hình ảnh “khói” một đặc trưng của con người làng quê Việt Nam xưa.

**2.Hoạt động2:  Hình thành kiến thức**

**I.Tìm hiểu chung (20p)**

**1.Tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  HS làm việc cá nhân  Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ?Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Đỗ Bích Thúy?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi của GV  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | Nhà văn Đỗ Bích Thúy  Nhà văn Đỗ Bích Thủy sở hữu nét đẹp dịu dàng và sự tinh tế  Đỗ Bích Thúy sinh ra tại Tỉnh Hà Giang vào năm 1975. *Đỗ Bích Thúy là* thành viên Hội nhà văn Việt Nam-*một nhà văn có nhiều tác phẩm được công chúng yêu thích.* Chị là tác giả của tiểu thuyết "Chúa đất", "Người yêu ơi"(tiểu thuyết), “Tiếng đàn môi sau bờ rào đá”(tập truyện ngắn), “Tôi đã trở về trên núi cao” (tản văn). Chị còn viết kịch bản phim "Chuyện tình bên đồng hoa tam giác mạch" được chuyển thể từ truyện "Lặng yên dưới vực sâu”. |

**2.Tác phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  -GV hướng dẫn cách đọc và đọc mẫu phần đầu của văn bản.  -GV chia lớp thành các nhóm 3: mỗi thành viên  của 1 nhóm đọc 1 đoạn trong văn bản.  Cách đọc: Khi đọc, cần chú ý đọc chậm rãi, diễn cảm, thể hiện cảm xúc.  -Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Nêu xuất xứ và phương thức biểu đạt của văn bản?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS đọc văn bản  và trả lời câu hỏi của GV  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV mời 3 HS đọc văn bản.  GV mời 2 HS trả lời câu hỏi về xuất xứ và phương thức biểu đạt của văn bản.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -Bình chọn nhóm đọc hay nhất.  -Tiêu chí: giọng đọc to, rõ, diễn cảm, biểu lộ cảm xúc, tương tác với người nghe.  GV chốt kiến thức. | 2.1.Trải nghiệm cùng văn bản:  2.2. Xuất xứ: Trích từ tập tản văn “*Tôi đã trở về trên núi cao”.*  2.3.PTBĐ chính:  Tự sự (+miêu tả, biểu cảm) |

.**II.Đọc-hiểu văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  -Chia nhóm: “Chim tìm tổ mới”. Mỗi nhóm 04 thành viên. Trong đó, mỗi nhóm không quá 01 thành viên cũ.  -Phát phiếu học tập:  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  HS hoàn thành phiếu học tập  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Gọi các nhóm trình bày quay vòng, mỗi nhóm trình bày 1 ý. Nhóm sau không được trình bày ý kiến trùng với nhóm trước đã nêu.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV đánh giá phần báo cáo của HS, chốt một số nội dung cơ bản | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khói được miêu tả bằng các giác quan** | **Dẫn chứng** | **Nhận xét về hình ảnh khói** | **Ý nghĩa của quê hương với tác giả** | | **Thị giác** | -Vấn vít bay lên  -Màu xanh  -Quẩn mãi  -Vương vít mãi ở ngọn cây hồng, nằm sát mái nhà bị gió thổi cho loãng đi, tan đi | Hình ảnh ngọn khói đẹp, được quan sát, miêu tả tỉ mỉ, cảm nhận bằng nhiều giác quan | Hình ảnh ngọn khói quê nhà đã trở thành một nỗi nhớ, một phần gắn bó máu thịt với tác giả  **→Tình yêu và sự gắn bó với quê hương** | | **Thính giác** | Gọi người nào chưa về thì nhớ về trước khi bóng tối sập xuống | | **Khứu giác** | -Mùi của hạt ngô, mùi của gộc gỗ củi dẻ, mùi của tinh dầu vỏ cam, nùi của vỏ cây sẹ, mùi của lông chú mèo tam thể bị lửa bén… | | **Cảm giác** | Nhẹ bẫng như tơ, quẩn trên mái lá | |

**HẾT TIẾT 1**

**…………………………………………………**

**2.2.2. Đời sống tâm hồn của nhân vật “tôi”. (10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  -Giáo viên chia cặp: bắt cặp ngẫu nhiên  -Hs thảo luận để trả lời câu hỏi: Qua nỗi nhớ về khói, có thể thấy nhân vật “tôi” là người có đời sống tâm hồn như thế nào?  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  **HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi**  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  **Gọi ngẫu nhiên các cặp đôi trình bày**  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  **-GV nhận xét câu trả lời của học sinh** | **Đời sống tâ hồn của nhân vật tôi**  - Phong phú (lưu giữ những kí ức sống động về khói từ mùi vị, hình ảnh, âm thanh, màu sắc,…  - Tinh tế, nhạy cảm (cảm nhận được niềm vui, nỗi buồn của khói gắn liền với niềm vui – nỗi buồn của con người).  -  Nhiều yêu thương(dành cho gia đình, tuổi thơ, con người, thiên nhiên và khói). |

**2.2.3. Ý nghĩa của văn bản: (10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  **-**Giáo viên chia cặp: bắt cặp ngẫu nhiên nhóm 4 người.  -Hs thảo luận để trả lời câu hỏi: kỉ niệm trong quá khứ có ý nghĩa gì trong việc nuôi dưỡng tâm hồn của chúng ta trong hiện tại?  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  **-**Mỗi thành viên nêu ý kiến ở 1 ô riêng  -Nhóm tổng hợp lại thành các ý chính vào ô ở giữa  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Gọi các nhóm trình bày quay vòng, mỗi nhóm trình bày 1 ý, ý của nhóm sau không trùng với ý của nhóm trước.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  -Dựa trên câu trả lời của học sinh, GV chốt, bổ sung kiến thức. | **Ý nghĩa của kỉ niệm đẹp trong quá khứ**  **-**Kỉ niệm đẹp giúp khích lệ tinh thần, giúp ta tự tin, sống lạc quan  -Nỗi nhớ mang lại ý nghĩa, giúp ta sống tốt, biết trân trọng hiện tại  -Nỗi nhớ giúp kết nối mọi người, gắn kết với người mình yêu thương.  **═˃Kỉ niệm trong quá khứ có ý nghĩa quan trọng trong việc nuôi dưỡng, làm đẹp cho tâm hồn con người, giúp tâm hồn ta phong phú hơn.** |

**III.Tổng kết: (5p)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  HS làm việc cá nhân  Yêu cầu HS tìm hiểu VB và trả lời câu hỏi  ?Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi của GV  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **1. Nội dung**  *Và tôi nhớ khói* là những hồi ức của tác giả về làn khói với căn bếp, cánh đồng, người dân quê. Điều này thể hiện tình yêu quê hương với một tâm hồn nhạy cảm.  **2. Nghệ thuật**  - Kể kết hợp miêu tả, biểu cảm.  - Biện pháp tu từ so sánh, liệt kê,... |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (5P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, hs trả lời cá nhân  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV chốt đáp án. | **1.Tản văn “Và tôi nhớ khói” viết về nội dung nào sau đây?**  A.Kỉ niệm tuổi thơ  B.Nỗi nhớ tha thiết dành cho mẹ.  C.Tình cảm với quê hương qua cảm nhận về khói.  D.Nhớ một bữa cơm chiều ấm áp bên gia đình.  **(Đáp án C)**  **2. Hình ảnh ngọn khói quê được tác giả cảm nhận bằng những giác quan nào sau đây?**  A. Thính giác, khứu giác, xúc giác, thị giác.  B.Thị giác, khứu giác, xúc giác, cảm giác.  C.Vị giác, cảm giác, thị giác, khứu giác.  D.Thị giác, khứu giác, thính giác, cảm giác.  **(Đáp án D)**  3. Thái độ tình cảm của người viết thể hiện qua văn bản?  A.Tình yêu quê hương, gắn bó với vẻ đẹp bình dị.  B.Yêu mến vẻ đẹp thiên nhiên của quê nhà.  C.Nhớ tha thiết kỉ niệm tuổi thơ.  D.Tình yêu tha thiết dành cho gia đình  **(Đáp án A)**  4. Kỉ niệm trong quá khứ có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?  A. Nuôi dưỡng, làm tâm hồn ta phong phú.  B.Nhắc cho ta nhớ về khoảng thời gian tươi đẹp.  C. Giúp ta sống lạc quan, trân trọng biện tại, gắn kết ta với người thân.  D. Cả A và C đều đúng.  **(Đáp án D)** |

**4. Vận dụng (15P)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| ***Giao nhiệm vụ học tập:***  ***-***GV phát giấy cho học sinh.  -Hs  làm việc cá nhân viết lại ý nghĩa về một kỉ niệm đẹp của bản thân.  ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  -   GV bật nhạc không lời.  -   Mỗi HS viết được một đoạn văn ngắn (khoảng 10-15 dòng) nêu cảm xúc của mình về một hình ảnh gắn bó với tuổi thơ của em.  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*:**  HS chia sẻ bài viết của mình.  ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:***  GV ghi nhận kết quả của học sinh | Có thể gợi ý một số hình ảnh:  -Dòng sông  -Bãi biển  -Cánh đồng  -Cánh diều  -Khu vườn  -Công viên  -Khu vui chơi… |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chiếu những từ sau lên màn hình: “Sao/ nó/ bảo/ không/ đến”. Sau đó yêu cầu học sinh ghép những từ trên thành câu trong thời gian 3 phút. Học sinh có thể thêm các dấu câu phù hợp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS cùng suy nghĩ, ghi đáp án ra bảng nhóm trong 2 phút (Kích cỡ bằng tờ A3)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Học sinh đếm tổng số câu, đọc đáp án của một vài nhóm. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**GV lắng nghe những đáp án của các nhóm, khen và thưởng sao (hoặc điểm) cho nhóm có nhiều kết quả nhất. GV cho học sinh xem tổng số câu có thể ghép được từ những từ bên trên.  => GV chốt: Khi thay đổi vị trí của các từ trong câu thì nghĩa của câu thay đổi, thái độ nói cũng thay đổi. Vậy nếu thay đổi vị trí của cả cụm từ trong câu thì nghĩa của câu sẽ như thế nào? Chúng ta sẽ cùng khám phá trong bài học hôm nay! | * Nó bảo sao không đến? * Sao không bảo nó đến? * Bảo sao nó không đến! * Đến sao nó không bảo? * Không bảo nó đến sao? … |

**2.Hoạt động 2: HÌNH THÀNH TRI THỨC TIẾNG VIỆT ( 5 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV hướng dẫn hs phân tích vd trong sgk   * GV lấy thêm vd ngoài chiếu vd lên và yêu cầu học sinh phân biệt ý nghĩa của 2 câu sau:   Chiếc xe này đẹp nhưng đắt  Chiếc xe này đắt nhưng đẹp   * Hỏi: Ý nghĩa của câu sẽ thay đổi như thế nào?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk /60** | * Lựa chọn cấu trúc câu: câu tiếng Việt có cấu trúc tương đối ổn định. Tuy vậy, trong quá trình sử dụng chúng ta có thể thay đổi cấu trúc câu để đáp ứng mụ đích giao tiếp. * Cách lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng:   + Thay đổi trật tự các thành phần câu nhằm nhấn mạnh đối tượng được nói đến  + Viết câu có nhiều vị ngữ giúp cho việc miêu tả đối tượng cụ thể, sinh động hơn |

1. **Hoạt động 3: HƯỚNG DẪN HỌC CÂU 1 + 3 (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * GV yêu cầu học sinh đọc câu hỏi (1) đồng thời chiếu câu văn *“Phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông, cây ổi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả”* và câu *“Cây ổi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả, phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông”* lên bảng.   Hỏi: Ý nghĩa của câu sẽ thay đổi như thế nào?   * Thực hành phần hiểu qua câu hỏi (3) theo cặp. Gọi một vài học sinh đọc phần làm của mình.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **HS có thể làm được câu hỏi (3) và chỉ ra được ý nghĩa của câu đã thay đổi như thế nào.** | Khi được viết lại như vậy ý nghĩa của câu sẽ mất đi dụng ý nhấn mạnh việc cây ổi không bói quả đã phụ công chăm sóc, mong ngóng của ông. |

**4. Hoạt động 4: HƯỚNG DẪN HỌC CÂU 2 + 4 (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS phân tích C-V trong câu  *“Cây ổi/ cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả, phụ*  *CN              VN1 VN2*  *công sức chăm bẵm, chờ mong của ông”*  *VN3                   VN4*  và hỏinếu chỉ giữ V1 và bỏ những vị ngữ còn lại thì có ảnh hưởng gì đến cấu trúc câu không? Câu có nhiều vị ngữ vậy có tác dụng gì?  (\*) Với bài tập (2), yêu cầu mang tính thử thách (không bắt buộc) sẽ là: “Hãy viết thêm vị ngữ cho câu *“Chẳng bao lâu sau, những chùm bé xíu ấy to dần, chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt, căng bóng.”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập (2) theo nhóm 4 người (3 phút)  HS làm cá nhân bài tập (4) và chia sẻ với bạn bên cạnh.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Ở câu hỏi (2) đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.**  **Ở câu hỏi (4), đại diện HS trong lớp đọc câu của mình.**  **GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Gv  nhận xét và chốt** | * câu văn sử dụng cấu trúc nhiều thành phần vị ngữ là “Chẳng bao lâu sau, những chùm bé xíu ấy to dần, chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt, căng bóng.” * **Tác dụng là giúp người đọc hình dung rõ hơn về quá trình phát triển của những quả ổi.** * Câu có nhiều vị ngữ liên tiếp có mục đích mở rộng nội dung kể, tả. |

**5. Hoạt động 5: HƯỚNG DẪN HỌC CÂU 5 (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, gạch chân những từ ngữ nhân hoá trong bài tập (5) và nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá. * Yêu cầu HS làm bài tập ứng dụng: Tìm từ ngữ nhân hoá và nêu tác dụng của chúng. Sau khi làm chia sẻ đáp án và đối chiếu kết quả với bạn bên cạnh.   *+ Ngọn khói ấy cũng gọi đám trẻ trâu mải chơi hơn cả trâu, lang thang trên rừng vội vã về nhà. (Và tôi nhớ khói)*  *+ “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì*  *Lời cha ông dạy cũng vì đời sau”*  *(Chuyện cổ nước mình)*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập (5) theo cặp (3 phút)  HS làm bài tập ứng dụng (3 phút)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện HS trả lời trước lớp.**  **GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Gv nhận xét, bổ sung** | - HS tìm được các từ nhân hoá: khói vui, ngọn lửa nhảy nhót, reo vui phần phật.  - Tác dụng: Giúp hình ảnh khói trở nên sinh động, có cảm xúc đồng điệu với tâm trạng của con người. Khói trở thành một thành viên trong gia đình, gắn bó, chia sẻ niềm vui. |

**6. Hoạt động 6: TỔNG KẾT (3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS viết vào phiếu theo kĩ thuật 3-2-1 trong đó:  3: 3 từ khoá kiến thức trong tiết học  2: 2 bài học con học được  1: 1 câu hỏi/ thắc mắc cần được giải đáp  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu học tập**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Một vài HS chia sẻ trước lớp.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Gv  nhận xét và chốt** |  |

**7. Hoạt động 7: HƯỚNG DẪN VIẾT NGẮN (2 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chiếu đề bài lên và đưa câu hỏi:   * Yêu cầu nội dung của đoạn văn là gì? * Yêu cầu hình thức của đoạn văn là gì?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Học sinh trả lời câu hỏi**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Một vài HS chia sẻ trước lớp.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Gv  nhận xét và chốt** | **-** Yêu cầu nội dung: Kể lại một kỉ niệm của em với một người thân trong gia đình:  + Dạng bài: Kể lại kỉ niệm (trải nghiệm của bản thân)  + Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.  + Người thân trong gia đình: Bố mẹ, ông bà, anh chị em,…  - Yêu cầu hình thức:  + Đoạn văn 150-200 chữ  + Ít nhất 1 câu có nhiều vị ngữ  + Ít nhất 1 câu có biện pháp nghệ thuật nhân hoá  + Gạch chân (hoặc dùng bút đánh dấu) để xác định những câu chứa yêu cầu của đề bài. |

Văn bản 4: Đọc mở rộng theo thể loại

CÔ BÉ BÁN DIÊM

An-đéc-xen

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| https://lh6.googleusercontent.com/JLQ_GGl0WUtt5Tll_L_E3QbzraQ1p67P4tpUDd4dEYTsReE3beTaIWyPuBaO1AP0Q0gyz_FWGWhDeFQtifKjzIJoksrgVdp4wv_WFYcPFoM2pgUSIPRkvbgi0vKMQNYjS0o6jT4 | https://lh4.googleusercontent.com/sdQR6Nj3d1sRs34N_fdbsxjczsopoakPBksJGIgD24CNu8Y-ug4uV3k1WO659ejqB0xUybfGqK2thRpHWg7jmHRR8yv3Gq7TOOtBVi-toITtF26tHrkmdIrYg13C_34kRQRlleM | https://lh4.googleusercontent.com/6uLW4Z7lAtgSzO-P4uMdbnWfe9F7E0xjQUmuK8htUPqq81pDD2M6-sUGWGo60WuZaARUcLT0Ip73TyEjqHZLDa4277KATrZ3nQ5JyCDlKXXcH7Pu3X75sr8Gz5MWAAWpB4e1kqU |

**1. HĐ1: Hoạt động xác định vấn đề (3 phút)**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

-HS HĐ cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi

?Văn bản “Lẵng quả thông” và “Con muốn làm cái cây” đã thể hiện rõ một số yếu tố truyện. Vậy đó là những yếu tố nào?

? Chủ đề lớn mà cả hai văn bản hướng đến đó là gì?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, lắng nghe, nhận xét

**B3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4. Kết luận, nhận định:**

-Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức.

**2.HĐ 2. Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Các yếu tố truyện của “Cô bé bán diêm” (20 phút)** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ :**  **-**GV kiểm tra việc tự học ở nhà của HS  - Yêu cầu HS tham gia trò chơi Rung chuông vàng”  -Một HS làm MC điều khiển chương trình trò chơi  - HS nắm luật chơi  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tham gia trò chơi.  - GV hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời đáp án lên bảng nhóm ( bảng nhỏ cá nhân)  **B4. Kết luận, nhận định**:  -Nhận xét việc tự học ở nhà và hoạt động trò chơi của HS.  -Chốt, dẫn chuyển vào mục tiếp theo | \*HS tham gia trò chơi “ RUNG CHUÔNG VÀNG” đê nắm vững các yếu tố truyện của “Cô bé bán diêm” |

|  |  |
| --- | --- |
| **II.Bài học kinh nghiệm khi đọc truyện ngắn  (15 phút)** | |
| Hoạt động của GV và HS | Nội dung cần đạt |
| **B1.Chuyển giao nhiệm vụ**  -Tổ chức hoạt động bằng kỹ thuật  “Khăn trải bàn” . Chia lớp thành 8 nhóm; mỗi nhóm 4-6 HS  ?Từ việc đọc các văn bản , em rút ra được bài học kinh nghiệm nào khi đọc truyện ngắn?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Làm việc cá nhân 3 phút, ghi kết quả ra ô cá nhân  -Thảo luận nhóm 7 phút, thống nhất ý kiến ghi ra ô giữa.  GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu cần).  **B3. Báo các, thảo luận.**  GV: - Yêu cầu đại diện của nhóm lên trình bày  HS: -Đại diện HS trình bày sản phẩm. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4. Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  Chốt kiến thức. | \* Bài học kinh nghiệm khi đọc truyện ngắn:  - Xác định đề tài  - Nhân vật  - Sự việc chính, chi tiết tiêu biểu  - Chủ đề  - Tình cảm, cảm xúc của người viết |

**3.HĐ 3 Hoạt động luyện tập (3 phút)**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi

?Em đã bao giờ đọc một truyện ngắn nào chưa? Khi đọc em có suy nghĩ gì?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**:

-HS HĐ cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**B3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời câu hỏi

**B4. Kết luận, nhận định**

Nhận xét HĐ, câu trả lời của HS và chuyển dẫn HĐ tiếp theo

**4.HĐ 4. Hoạt động vận dụng (4 phút)**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS chép bài tập về nhà

? Viết đoạn văn ngắn ( 3 đến 5 câu)

? Sau khi viết xong em hãy cho biết đoạn văn em viết về đề tài gì? Chỉ ra từ ngữ thể hiện tình cảm của em đối với đối tượng em lựa chọn để viết?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ** :

HS  Ghi câu hỏi về nhà làm.

**B3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời câu hỏi

**B4. Kết luận, nhận định**:

HS hoàn thành và nộp vào đầu giờ tiết học hôm sau.

GV nhắc nhờ HS chuẩn bị tiết tiếp theo.

**Câu hỏi RUNG CHUÔNG VÀNG   ( đáp án là chữ cái in đậm)**

Câu 1. “Cô bé bán diêm” (CBBD) là truyện ngắn của ai?

**A**    An-đéc-xen B    Pus-kin C    Pau-tôp-xki D  Go-rơ-ki

Câu 2 . Cô bé bán diêm thương nhớ và mong gặp người thân nào ?

A    Cha B  Mẹ  C  Ông **D**    Bà

Câu 3. Nhân vật chính của truyện “Cô bé bán diêm” là ?

A    Cha  B  Mẹ     **C** Cô bé bán diêm                 D    Bà

Câu 4. Đề tài truyện “Cô bé bán diêm”

A     Viết về một cô bé đi bán diêm trong đêm.

**B**      Viết về cô bé bán diêm và sự ra đi của cô ấy.

C     Viết về sự ra đi của cô bé bán diêm.

D     Viết về những mộng tưởng của cô bé bán diêm

Câu 5. Truyện “Cô bé bán diêm” có mấy sự việc chính ?

A  Một B   Hai **C**     Ba D        Bốn

Câu 6. Chi tiết tiêu biểu nhất truyện “Cô bé bán diêm” là ?

A  Cô bé đi bán diêm           B   Cô bé gặp lại bà

C   Cha cô bé không thương cô bé **D**   Cô bé quẹt diêm và mộng tưởng

Câu 7. Thông điệp tác giả gửi gắm qua truyện “Cô bé bán diêm” là gì?

A   Đêm lạnh và trẻ em không nên ra ngoài

**B**  Ngoài kia còn đó bao nhiêu trẻ lang thang đang rất cần chúng ta dang rộng đôi tay yêu thương, chăm sóc và bảo vệ.

C  Tình yêu thương lớn lao của cô bé bán diêm dành cho bà .

D  Sự thờ ơ của người cha đối với cô bé bán diêm.

Câu 8. “Cô bé bán diêm” là truyện ngắn mang đậm tính chất truyện cổ tích

**A**   Đúng  B     Sai

Câu 9.  Truyện “Cô bé bán diêm” xuất bản đầu tiên vào năm nào?

A    1841 **B**   1845 C     1843 D    1844

Câu 10. HS quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi em nhớ đến chi tiết nào trong truyện “ Cô bé bán diêm”?

Đáp án: Cô bé quẹt diêm và mộng tưởng gặp bà.



( Lưu ý câu 10 là câu chốt trò chơi nên câu trả lời của HS phải đúng y câu chữ trong đáp án đưa ra).

***PHẦN VIẾT***

**1. Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG (7p)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh trước khi viết bài

**b. Nội dung:** Xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu clip sau và cho HS xem (dừng lại ở phút 3:08)** và yêu cầu trả lời câu hỏi sau khi xem clip: Cô ca sĩ trong bài hát đã thấy những gì mới lạ trong những chuyến đi của mình?  [**https://www.youtube.com/watch?v=46EjkkDo00g**](https://www.youtube.com/watch?v=46EjkkDo00g)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe bài hát và thảo luận theo cặp, note nhanh những chi tiết phục vụ cho câu trả lời.  ?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện một vài nhóm trả lời trước lớp  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV chốt: Qua những chuyến đi, cô gái đã có được những trải nghiệm thú vị về thiên nhiên và con người, tập quán. Ngày hôm nay chúng ta cũng sẽ được chia sẻ những trải nghiệm của mình qua bài viết: Kể về trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.** | *“Kìa trông ra đằng xa xa* ***Ba bốn anh đang dắt trâu ra đồng*** *Kìa trông theo* ***thuyền lênh đênh Tôm cá tươi, bác ngư dân cười vui.*** *Kìa cô* ***em miền trung du trên núi cao Đôi má hây hồng đào******Kìa sông sâu rừng hoang vu mang nét riêng*** *Không nơi đâu sánh bằng ôi Việt Nam*  … |

**2. Hoạt động 2. TÌM HIỂU TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI (5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV nêu câu hỏi:** *“Tại sao chúng ta cần thực hành thêm 1 lần nữa kiểu bài kể về trải nghiệm của bản thân sau khi đã học trong bài số 4 học kỳ I*?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tự do phát biểu ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời trước lớp  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**   * GV chốt: Việc lặp đi lặp lại nhiều lần một kiến thức quan trọng sẽ giúp nâng cao kĩ năng viết**.** |  |

**3. Hoạt động 3. PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN (13 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * Học sinh đọc phần *Trải nghiệm một chuyến đi* trong sách giáo khoa trước lớp * Trả lời 05 câu hỏi bằng cách thảo luận và điền vào bảng làm việc nhóm.   -  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm nhóm trong thời gian 7 phút  **B3: Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm trả lời trước lớp, mỗi nhóm 1 câu  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **Bài mẫu**:  C1: Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  C2: Trải nghiệm về một chuyến đi  Trình tự:  - Các sự việc:  + Sự việc 1: Cảm nhận chung về bản Cát Cát  + Sự việc 2: Những trải nghiệm về cảnh vật, nét sinh hoạt của  + Sự việc 3: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật sau những trải nghiệm.  C3:  -Mọi thứ thật lạ lẫm, thú vị  -Tôi thật sự thích thú…v.v  C4: Thêm yêu quê hương, đất nước |

**4. Hoạt động 4. VIẾT THEO QUI TRÌNH (60 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tạo hình ảnh **“Lẵng đề tài”** trên bảng, trên đó có ghi 1 vài ví dụ về đề tài và phát cho HS những giấy note.  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? |  | | Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? |  | | Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? |  | | Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? |  | | Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.  - *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.  **2. Viết bài**  - Kể theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng những  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo. |

**5. Hoạt động 5. TỔNG KẾT (5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV hỏi: Những ai đang làm công việc chia sẻ những trải nghiệm của bản thân? Họ có được điều gì sau khi làm việc đó? Hãy kể tên 1 vài người mà con biết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  -HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Gv chốt: Việc viết blog, quay clip, chia sẻ hình ảnh hay những câu chuyện, những trải nghiệm của bản thân hiện rất phổ biến. Rất nhiều người đã có thể truyền cảm hứng, trở nên nổi tiếng và kiếm tiền từ việc này. (Một số hình ảnh gợi ý HS tìm hiểu)** | -Sống với đam mê  -Làm giàu thêm vốn hiểu biết  -Nuôi dưỡng tâm hồn, khiến bản thân yêu cuộc sống, con người… |

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ ĐỐI VỚI BẢN THÂN**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề (7 phút)**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv cho HS xem video.  - HS trả lời câu hỏi sau khi xem xong video.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS: +** Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.  + Đọc lại bài viết đã chuẩn bị tiết trước.  +Trao đổi nhóm và thống nhất nội dung bài nói.  **- GV: +** Hướng dẫn HS xem video  **B3: Báo cáo thảo luận**  **- GV:** Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, đánh giá, nhận xét.  - HS: Trả lời câu hỏi của GV  HS, nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  *-* GV nhận xét, chốt kiến thức, dẫn dắt vào hoạt động học  - Nêu mục tiêu bài học |
| **Hoạt động 2: Thực hiện nói và nghe (30 phút)** |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói ( ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, hình ảnh, bảng biểu,..)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV theo dõi và hỗ trợ HS định hướng cho bài nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  thông qua bảng kiểm.  BẢNG KIỂM   |  |  | | --- | --- | | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | **Đạt/ chưa đạt** | | Câu chuyện có đủ ba phần: Giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  | | Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói. |  | | Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng  về (các) nhân vật, không gian và thời gian xảy ra. |  | | Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất. |  | | Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí. |  | | Kết hợp kể với miêu tả và biểu cảm. |  | | Trình bày suy nghĩ, bài học rút ra từ câu chuyện. |  | | Giọng kể to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung câu chuyện. |  | | Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi kể, nét mặt, cử chỉ hợp lí. |  | | Sử dụng hình ảnh, âm nhạc, đoạn phim, đồ vật,… khi kể. |  |   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày trước lớp;  - GV hướng dẫn các HS còn lại đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo bảng kiểm đánh giá;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Một số HS nói trước lớp;  - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào bảng kiểm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  . | **1. Chuẩn bị nói :**    **2/ Trình bày và đánh giá bài nói:** |

**Hoạt động 3: VẬN DỤNG (8 phút)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS làm việc cá nhân

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả .**

- HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

GV: Cuộc sống thực chất là một cuộc trải nghiệm,  chúng ta học được cách chấp nhận, tha thứ và bao dung. Trải nghiệm là điều làm nên con người thật sự của chúng ta. Trải nghiệm để chứng tỏ giá trị bản thân và giúp bạn nhận ra giá trị mà mình đang sở hữu. Người trải nghiệm nhiều bao giờ cũng có cái nhìn về cuộc sống thông thoáng, bao dung hơn. Họ nhìn ra được những vấn đề thật sự cần thiết, để rồi tập trung vào đó, không phí công sức, phí thời gian vào những việc vô bổ. Họ có xu hướng trân quý cuộc sống hơn và dễ dàng hòa nhập với mọi hoàn cảnh. Hãy đi để trải nghiệm, đi để nhận ra bản thân mình dù gặp nhiều rắc rối nhưng vẫn còn hạnh phúc và may mắn hơn bao nhiêu người khác. Trải nghiệm cuộc sống sẽ giúp bạn nhận ra những điều thiếu sót của bản thân. Đừng ngại va chạm và giấu mình, cố gắng sống mạnh mẽ và hoàn thiện hơn. Khi trải nghiệm những vui buồn, thất bại, thành công trong đời, bạn mới lớn dần lên, tâm trí rộng mở, tiếp thu nhiều kiến thức hơn nữa. Tiếp thu kinh nghiệm và vận dụng chúng để giúp bạn trở nên thông minh và sáng suốt. Chỉ qua những trải nghiệm ta mới định nghĩa được bản thân một cách chính xác, sâu sắc, càng thêm tin yêu vào cuộc sống……

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (ÔN TẬP)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

- Giải quyết được vấn đề,  giao tiếp và hợp tác...

- Trình bày được những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Hiểu được ý nghĩ của việc nuôi dưỡng tâm hồn  đối với bản thân.

***2. Về phẩm chất***

*-* Biết yêu thương, lòng biết ơn với cuộc sống.

- Hợp tác, chia sẻ,  tự giác và tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề. (5 phút)**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv cho HS xem tranh, yêu cầu HS quan sát và đặt câu hỏi:  Em hãy quan sát tranh và cho biết tên tác phẩm tương ứng?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc cá nhân;  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS: +** Quan sát tranh, nghe câu hỏi và trả lời.  **- GV: +** Hướng dẫn HS quan sát tranh  **B3: Báo cáo kết quả**  **- GV:** Yêu cầu HS trả lời câu hỏi của cá nhân, đánh giá, nhận xét.  - HS: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi của GV  HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  *-* GV nhận xét, chốt kiến thức, dẫn dắt vào hoạt động học  - Nêu mục tiêu bài học |

**Hoạt động 2: Luyện tập (30 phút )**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv phát phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm.**  1. Em đọc ba văn bản *Lẵng quả thông, Con muốn làm một cái cây,* *Và tôi nhớ khó*i. Hãy điền thông tin vào bảng sau:  [Chân trời sáng tạo] Giải văn 6 bài: Ôn tập trang 82  2. Ghi vào sổ tay những điều em làm mỗi ngày để nuôi dưỡng tâm hồn với những cảm xúc tích cực.  [Chân trời sáng tạo] Giải văn 6 bài: Ôn tập trang 82  3. ***Nuôi dưỡng một đời sống tâm hồn phong phú sẽ mang đến cho chúng ta điều gì?***  Ghi lại câu trả lời của em:  [Chân trời sáng tạo] Giải văn 6 bài: Ôn tập trang 82  - HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc cá nhân, làm việc nhóm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS: +** Hoàn thành và chia sẽ bài tập đã chuẩn bị ở nhà.  **- GV: +** Hướng dẫn hỗ trợ HS hoàn thành bài.  **B3: Báo cáo kết quả**  **- GV:** Yêu cầu HS trả lời câu hỏi của cá nhân, nhóm đánh giá, nhận xét.  - HS: Báo cáo kết quả bửng tóm tắt và phiếu học tập  HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  *-* GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1/ NỘI DUNG CHÍNH CÁC VĂN BẢN ĐÃ HỌC:**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản** | **Nội dung chính** | | **Lẵng quả thông** | Qua câu chuyện về cách tặng quà và món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng cô bé Đa-ni Pơ-đơ-xơn, tác giả khẳng định giá trị và ý nghĩa của món quà tinh thần và của âm nhạc đối với tâm hồn của con người. | | **Con muốn làm một cái cây** | -Kỉ niệm thời thơ ấu gắn với thiên nhiên.  -Tình cảm của ông cháu.  -Sự cô đơn của đứa trẻ khi xa rời không gian sống quen thuộc. | | **Và tôi nhớ khói.** | Qua nỗi nhớ về khói,  có thể thấy “tôi”  là người có đời sống tâm hồn phong phú, tinh tế, nhạy cảm và nhiều yêu thương. |   **2/ HS trình bày những việc làm và cảm nhận cá nhân.**  **3/ Ý nghĩa của việc nuôi dưỡng tâm hồn giúp ta có được:**   * Cuộc sống phong phú * Giàu cảm xúc. * Có tình yêu và lòng biết ơn cuộc sống. * Sống có ý nghĩa hơn. * Có những điểm tựa tinh thần sau những biến cố cuộc sống. * **……** |

**Hoạt động 3: Vận dụng (10 phút)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS xem video

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- Một hoặc hai HS nêu cảm nhận trước lớp;

- Các HS còn lại lắng nghe và nhận xét.

**Bước 3: Báo cáo kết quả .**

Cảm nhận của HS sau khi xem video

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi HS khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**GV:** Tâm hồn của mỗi người được chăm sóc và nuôi dưỡng mỗi ngày bằng những việc làm có ý nghĩa. Hàng ngày xung quanh ta có biết bao nhiêu điều tốt đẹp, chỉ cần tỉnh táo nhận ra và chọn lựa, chúng ta không thiếu những hạt giống tốt đẹp để gieo trồng. Nhưng cuộc đời cũng không ít những cạm bẫy, chỉ cần thiếu một chút hiểu biết, chúng ta có thể phải trả giá bằng chính cả cuộc đời. Mỗi người có thể nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng nhiều cách khác nhau. Chúng ta có thể cảm nhận được niềm vui nhẹ nhàng đến từ tâm hồn nếu chúng được nuôi dưỡng bằng sự yêu thương, sẻ chia, lòng vị tha. Bạn muốn có một tâm hồn tươi đẹp hay phiền muộn, điều đó tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính mình chứ không là ai khác. Muốn có được một cuộc sống tươi vui, hạnh phúc, chúng ta cần phải ý thức được điều này và bắt tay vào việc chăm sóc, gieo trồng những hạt giống tốt lành.

**NHÓM SOẠN BÀI 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài 10** | **Nội dung soạn** | **Người soạn** | **Địa chỉ** |
| Mẹ Thiên Nhiên | Lễ cúng Thần lúa của người Chơ-ro | Trịnh Thị Hiền | Trường THCS Tân Phước Khánh   Bình Dương |
| Trái Đất - Mẹ của muôn loài | Từ Huy Bích Hạnh | THCS Cách Mạng Tháng Tám,  HCM |
| * Phần mở đầu * Đọc kết nối chủ điểm: Hai cây phong * Viết ngắn | Phan Thị Bích Ngọc | Trường Quốc tế Việt Nam Phần Lan  HCM |
| Viết, nói và nghe | Lê Thị Thanh Bình | THCS Nguyễn Văn Trỗi Bình Dương |
| - Văn bản đọc mở rộng: Ngày môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ  - Thực hành Tiếng Việt  - Ôn tập | Đặng Thị Mỹ Hương | THCS Văn Lang  HCM |

Tiết 124-126

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**BÀI 10: MẸ THIÊN NHIÊN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **https://lh6.googleusercontent.com/ff2zOYOxd1zGSAmzjso01m3pH8MWnC6zceiq4Rcuk0FhQPRYKOLtvFo8jRTPhMUYBT_nfAVS1plNJTYaD6VFVA6ezNgYjaYnnvJsBstOisIttjmHPykeV7q0QG_UCmG40e8kqbc** | **https://lh3.googleusercontent.com/J6_oP7xZk8o1riYJm467C8xhkBfEjlcboNjk7YKXco1yejmquOmmLK2mD13ZDHENxz5sa4FX-BHvyk2UWbPFyd7ofGBqHd2eWhC5_35_x2-Lv7DKX838q1X5j3TZ1RAvxr_ymAE** | **https://lh5.googleusercontent.com/HiLSHiTDm-7Uy-ojAyKJMvpSc1XiGZs0Ui9D3HSz7Rdyrl8lC_L7H9Uq9Zm_NKKWPGgS7-nrWxoInei0PiIOgJf_NXz4Rz1TMCZtjuq2m4d8DEdxR7_GtNepIdvOHhgFxEmuZe8** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

* Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
* Nhận biết được tác dụng của một số yếu tố, chi tiết trong văn bản thông tin; cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả; tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.
* Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.
* Nhận biết dấu chấm phẩy; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và công dụng của chúng.
* Bước đầu viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện; tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.

**2. Phẩm chất**

* Yêu quý, trân trọng thiên nhiên, tạo vật và sự sống của muôn loài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV
* Một số video, tranh ảnh liên quan đến bài học
* Máy chiếu, máy tính
* Giấy A4, A3, A0 hoặc bảng phụ cho HS làm việc nhóm
* Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe và đặt câu hỏi: * Cho biết nội dung của video. * Bài hát và phần nội dung minh họa gợi cho em cảm xúc gì? * Tôn trọng và giữ gìn thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS**:   * Quan sát video, xem video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.   **GV:**   * Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe lời bài hát và trả lời câu hỏi.   **HS**:   * Trả lời câu hỏi của GV. * HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**   * Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc. * Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: Tiến trình tiết dạy**

VĂN BẢN 1

**LỄ CÚNG THẦN LÚA CỦA NGƯỜI CHƠ-RO**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 | |
| *Biểu tượng/ ý nghĩa cây nêu* | *Hình thù của cây nêu* |
| ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………… | ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………… |

Phiếu học tập số 2.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 ( Nhóm 1) |
| *Các hoạt động chuẩn bị buổi lễ cúng Thần Lúa* |
| ………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………. |

( Nhóm 2)

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| *Các hoạt động trước buổi lễ cúng Thần Lúa* |
| ………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………. |

Nhóm 3

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| *Các hoạt động trong buổi lễ cúng Thần Lúa* |
| * Thời gian: |
| * Vật tế: |
| * Người cúng: |
| * Nhạc cụ: |
| * Không khí: |

Nhóm 4.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| *Các hoạt động sau khi buổi lễ cúng Thần Lúa xong* |
|  |
|  |
|  |
|  |

Phiếu học tập số 6 ( Thảo luận theo cặp)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP( Thảo luận theo cặp) | | |
| Xác định câu nào là câu tường thuật sự kiện, câu nào là câu miêu tả, câu nào thể hiện cảm xúc của người viết trong đoạn văn bằng cách điền vào bảng sau:  *“ Khi cúng xong, mọi người trở lên sàn nhà chính để dự tiệc. Mở đầu buổi tiệc, theo truyền thống mẫu hệ, người phụ nữ lớn tuổi nhất trong gia đình sẽ uống li rượu đầu tiên, sau đó mới mời khách theo thứ bậc tuổi tác. Trong thời  gian dự tiệc, mọi người vừa ăn uống vui vẻ, vừa nhảy múa, ca hát trong âm thanh trầm bổng, dặt dìu của dàn cồng chiêng và nhiều nhạc cụ dân tộc khác như đàn tre, kèn môi, kèn lúa,..Thật tưng bừng, náo nhiệt!* | | |
| Tường thuật sự kiện | Miêu tả sự kiện | Cảm xúc của người viết |
|  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**: Các em có bạn nào đã từng được đi thăm cánh đồng lúa chưa? Được ngắm nhìn cánh đồng lúa em cảm thấy nó như thế nào?  GV cho HS trao đổi theo cặp về 2 câu hỏi:  ? Theo em, cây lúa có vai trò như thế nào đối với đời sống của người Việt Nam?  ? Hãy chia sẻ với các bạn một lễ hội vê cây lúa mà em biết  GV: Cho HS xem tranh 1 số lễ hội về cây lúa và giới thiệu sơ lược.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo cặp, trao đổi  - HS quan sát suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Mời 1 HS  đại diện trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới  ***GV chuyển ý dẫn dắt sang phần Trải nghiệm cùng văn bản*: “Từ ngàn đời nay, cây lúa đã gắn bó thân thiết với con người, làng quê Việt Nam. Bằng hạt gạo – hạt ngọc trời ban cho, Lang Liêu đã làm nên bánh chưng, bánh giầy tượng trưng cho trời và đất – để kính dâng vua Hùng. Chính vì thế, cây lúa nước đã trở thành một nét đẹp văn hóa của người Việt. Hình ảnh của cây lúa và người nông dân đã trở thành những mảnh màu không thể thiếu trong bức tranh của làng quê Việt Nam bây giờ và mãi mãi về sau.**  *"Việt Nam đất nước ta ơi*  *Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn"*  Trong tiết học ngày hôm nay, cô và các em sẽ cùng đi tìm hiểu một lễ hội rất đặc sắc của người Chơ-Ro qua văn bản: “ Lễ cúng thần lúa của người Chơ – Ro”. | **HS** thảo luận trả lời câu hỏi:  **\***Cây lúa có vai trò rất mật thiết trong đời sống của con người Việt Nam.  -Là nguồn lương thực chủ yếu nuôi sống mọi người mà còn là nguồn thu nhập chính của mỗi gia đình.  - Là nét văn hoá đặc sắc và cũng là linh hồn của người VN.  \*Một số lễ hội về cây lúa mà em biết.   1. *Lễ rước Thần Lúa ở hội Trò Trám (huyện Lâm Thao, Phú Thọ)* 2. *Lễ hội Trò Trám, xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao vào sáng ngày 12 tháng giêng có tục rước lúa thần.* 3. *Lễ cơm mới (xế xự hú*) người Hà Nhì ở Lai Châu. 4. *Nghi lễ cấy lúa trong Lễ hội Trồng Lúa Otaue vào ngày 14 tháng Sáu tại*[*Đền thờ Sumiyoshi Taisha*](https://www.japan.travel/spot/1083/)*ở Osaka, Nhật Bản,…*   **- HS** theo dõi tranh ảnh và nêu cảm nhận. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV  + *Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK  - Làm việc cá nhân 2 phút, nhận xét góp ý để hoàn thiện phần đọc.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV sửa lại cách đọc cho HS ( nếu HS đọc chưa đúng).  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau. | HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi dự đoán, suy luận.  - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với văn bản. |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **-** Gv tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm 4 bạn 1 nhóm.  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi dự đoán, suy luận.*  *- Hướng dẫn hs giải nghĩa từ khái niệm bằng trò chơi "Hái hoa dân chủ". Mỗi cánh hoa là một từ khóa cần làm sáng tỏ. Giải nghĩa được từ sẽ được cộng điểm. Sau đó, cho HS xác định nhan đề, sa-pô, đề mục của văn bản và lí giải mục đích của chúng.*  *? Phương thức biểu đạt được tác giả sử dụng trong văn bản là gì?*  *? Văn bản được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Khái niệm**  **a. Thể loại *văn bản thông tin:*** *Là văn bả*n có mục đích chuyền tải thông tin một cách tin cậy, xác thực.  b. *Sa-pô*: là đoạn văn ngắn nằm ngày dưới nhan đề văn bản nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và tạo ra sự lôi cuốn đối với người đọc.  c. *Nhan đề*: là tên của văn bản thể hiện nội dung chính của văn bản.  d. *Đề mục*: là tên của một chương, mục, hoặc một phần của văn bản. Đề mục giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dễ tiếp nhận. Dưới mỗi đề mục là một hoặc một vài đoạn văn tạo thành bộ phận của toàn văn bản.  e. *Thuyết minh thuật lại một sự kiện*: thuộc thể loại văn bản thông tin. Mục đích của kiểu văn bản này là giới thiệu, thuyết minh về sự kiện, giúp người đọc hình dung quá trình diễn biến của sự kiện và các thông tin liên quan.  2**. Phương thức biểu đạt**: Kết hợp tường thuật với miêu tả, biểu cảm, kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  3. Bố cục: 3 phần  Phần 1: Từ *“ Lễ cúng Thần Lúa….nhà nhà được no đủ”*   * Giới thiệu chung về Lễ cúng Thần Lúa   Phần 2: “*Tiếp theo …Thật tưng bừng, náo nhiệt!”*   * Diễn biến của buổi lễ   Phần 3: *còn lại*   * Cảm nghĩ của người viết về buổi lễ. |

**Hoạt động 3: Suy ngẫm và phản hồi**

**II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tìm hiểu văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV:**  ? Văn bản đang nhắc đến sự kiện nào? Được tổ chức ở đâu? Vào thời gian nào?  ? Ý nghĩa của sự kiện ấy là gì? Từ đó, em hiểu được mong muốn, khát vọng gì của người Chơ – Ro.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi,  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức dẫn vào mục sau.  GV dẫn: Buổi lễ đặc sắc của người Chơ – Ro được diễn ra cụ thể như nào, có những nét độc đáo gì? Cô và các em sẽ cùng chuyển sang 2. Diễn biến của buổi lễ. | **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN**   1. **Giới thiệu chung về lễ hội**  * **Sự kiện:** Lễ cúng Thần Lúa ( Lễ Sa-Yang-Va) của người Chơ- Ro * **Thời gian:** Tổ chức hằng năm( từ ngày 15 – 30/03 AL) * **Địa điểm:** Đồng Nai * **Ý nghĩa:** để tạ ơn thần linh, cầu xin mưa thuận gió hoà, được mùa. * *Khát vọng ấm no, hạnh phúc của người Chơ – Ro.* |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Diễn biến của buổi lễ cúng** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đoạn 1 được đánh dấu trong SGK. Nhắc HS chú ý vào câu hỏi trong SGK gạch chân và theo dõi.  GV chiếu hoặc cho xem tranh cây nêu và phát phiếu học tập cho HS làm theo nhóm.  ? Cây nêu biểu tượng cho điều gì?   TL: Cây nêu biểu tượng thể hiện mối giao hoà giữa con người và thần linh, thể hiện ước vọng về cuộc sống ổn định, phồn vinh.   ? Cây nêu trong lễ cúng Thần Lúa được làm bằng vật liệu gì và có hình thù như thế nào?  - Làm từ cây vàng nghệ, thân buộc lá dứa  - Ngọn cây nêu có hình bông lúa lớn, phía trên gắn lông chim chèo bẻo ( sự sung túc của gia chủ)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  GV: dẫn dắt sang phần: **Lễ  cúng Thần Lúa.**  **?** Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ – ro gồm những hoạt động nào? Các hoạt động ấy được liệt kê theo trình tự nào?  TL: gồm 2 hoạt động: Chuấn bị và cúng lễ.  Các hoạt động được liệt kê theo trình tự thời gian ( Trước – Trong – Sau khi cúng lễ)  GV: Để tìm hiểu rõ hơn về diễn biến buổi cúng lễ cô sẽ chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận. GV phát phiếu học tập số 2, 3, 4, 5.  Nhóm 1: Để làm lễ cúng Thần Lúa người dân đã chuẩn bị những gì?  Nhóm 2: Liệt kê các hoạt động **trước** khi cúng lễ  Nhóm 3. Liệt kê các hoạt động **trong** khi cúng lễ  Nhóm 4: Liệt kê các hoạt động **sau** khi cúng lễ xong.  ? Qua đó, em có nhận xét gì lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK  - Làm việc nhóm 2 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - GV gọi đại diện các nhóm, nhận xét, bổ sung ( nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau: Quả thật, đây là một buổi lễ rất trang nghiêm, náo nhiệt ấm áp về tình thần là dịp con cháu trở về hội tụ quây quần bên nhau vừa là dịp thể hiện khát vọng chính đáng của người dân lao động. Qua buổi lễ, tác giả đã có những nhận xét, đánh giá như thế nào về lễ cúng này cô trò chúng ta cùng chuyển sang phần 3. Cảm nghĩ của tác giả về lễ cúng Thần Lúa. | 1. **Diễn biến của buổi lễ cúng** 2. **Chuẩn bị**  * Cây nêu * Người phụ nữ đi rước hồn lúa  1. **Lễ  cúng Thần Lúa**  * **Trước khi cúng lễ** * Người phụ nữ lớn tuổi mang gùi ra rấy lúa vái thần linh rồi cắt bụi lúa đem về để bàn thờ. * **Trong khi cúng lễ** * **Thời gian:**  vào buổi trưa. * **Lễ vật:**  gà, heo, rượu cần, lúa, hoa quả, bánh giày, mè đen, bánh tét. * **Người cúng:** già làng hoặc chủ nhà. * **Nhạc cụ:** nhạc đệm, cồng chiêng, đàn tre, kèn môi, kèn lúa,.. * **Không khí:**  thiêng liêng, gắn bó giữa thần linh và con người. * **Sau khi cúng xong** * Mọi người lên sàn dự tiệc * Người phụ nữ lớn tuổi nhất uống ly rượu đầu tiên. * Vừa uống vừa nhảy múa tưng bừng náo nhiệt. * ***Lễ cúng trang nghiêm, thiêng liêng, vui vẻ, ấm áp.*** |
| 1. **Cảm nghĩ của tác giả về buổi lễ** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV  ? Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết/ tác giả về buổi lễ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK  - Làm việc cá nhân 1 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV sửa lại cách đọc cho HS ( nếu HS đọc chưa đúng).  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau. | 1. **Cảm nghĩ của tác giả về buổi lễ**  * Là 1 nét văn hoá sinh hoạt độc đáo. * Cảm thấy gắn bó với thiên nhiên, biết ơn thiên nhiên. |
| **III. TỔNG KẾT**   1. **NGHỆ THUẬT** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV:**  - GV: Văn bản được trình bày theo trình tự nào?  ?Theo em, văn bản này có phải là văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện không? Hãy lí giải ( nếu có)  ? Sử dụng những phương thức biểu đạt nào mà em đã được học?  ? Em có nhận xét gì về những thông tin mà tác giả giới thiệu trong văn bản.  ? Việc sử dụng hình ảnh ( phi ngôn ngữ) trong bài có tác dụng gì?  GV: Cho HS thảo luận nhóm theo cặp ( câu hỏi 3 SGK/84)  Phát phiếu học tập số 6.   1. Ý nghĩa văn bản   ? Văn bản muốn giới thiệu đến người đọc nội dung gì? Qua đó, em hiểu gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên?  Là một HS, em sẽ làm gì? ( Giữ gìn, phát huy văn hoá đặc sắc của dân tộc, yêu mến trân trọng và bảo vệ thiên nhiên….)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK  - Làm việc cá nhân và thảo luận theo cặp 2 phút, nhận xét góp ý để hoàn thiện câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV sửa lại cách đọc cho HS ( nếu HS đọc chưa đúng).  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau. | **III. TỔNG KẾT**   1. **Nghệ thuật**  * Trình bày theo trình tự thời gian cụ thể, chi tiết. * Kết hợp tường thuật với miêu tả, biểu cảm, tự sự, kết hợp với ngôn ngữ và hình ảnh. * Thông tin về sự kiện đảm bảo chính xác tin cậy.  1. **Ý nghĩa văn bản**  * Văn bản giới thiệu một nét sinh hoạt văn hoá độc đáo người Chơ- Ro, góp phần làm phong phú di sản văn hoá dân tộc. * Cho thấy được tầm quan trọng, sự gắn bó giữa thiên nhiên và còn người. Đồng thời thể hiện lòng biết ơn của con người đến thần lúa và khát vọng mong muốn được có một vụ mùa bội thu, ấm no hạnh phúc chính đáng của con người. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**: Em hãy tóm tắt lại nội dung văn bản mà em và các bạn vừa được trải nghiệm và nêu cảm nghĩ của em về buổi lễ cúng Thần Lúa này.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thiện phiếu học tập  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv thu phiếu  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | HS trình bày trước lớp |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Viết đoạn văn từ 5-7 câu thuyết minh một buổi lễ mà em đã được xem/ chứng kiến.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết đoạn văn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs đọc đoạn văn  - Hs khác lắng nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - GV có thể viết mẫu 1 đoạn vô phần này. |

Tiết 124-126

**Văn bản**

**TRÁI ĐẤT -MẸ CỦA MUÔN LOÀI**

***(Trịnh Xuân Thuận)***

**(2 tiết)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **https://lh6.googleusercontent.com/Zfow7mb-gxSXnBWq3wOAzW_KfahpuW7cO_nHqdGbjQPGj339CBbP9__vVAnOay3eM0e2s6iyg-crF67medSe7aWRXa_UEyJfFh9Ej4798gqwNu6vZkyD62anpx8VAfI5MGAwvLQ** | **https://lh6.googleusercontent.com/sYJg-2a4lDiM0OJNxh9fwGCSXfajpq8R4ClbaALy1D4i5y5MuZwj68YemtNcbze0E1xO7ijB3Vj4KK8wl3_MEtdaTNaYOvALf_HqcR4Hsc1nNn4A3eMYpUZCSiN6-W64DgBbbQs** | **https://lh4.googleusercontent.com/4iDRtRZYXL0aO8b2CpPzfZhSC3L60rBAJPHdztnVhiOzmowFS_dTfEocoyIaIA3_VoZDhGH_T2iCaxMf-x7C9PrlRbRurVJxOOcTWFoRFim_eX75qTVfjwlDguRG1Gie3JYjVWM** |

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe &đặt câu hỏi:  ? Cho biết nội dung của video? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?  Nếu không chiếu được thì cho HS xem tranh cảnh thiên nhiên, cảnh môi trường bị tàn phá.  - Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.  - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:  ? Hãy kể tên một số văn bản mà em đã đọc về Trái đất và thiên nhiên?  ? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung văn bản, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.  - Đọc phần tri thức Ngữ văn.  - Thảo luận nhóm:  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV:**  - Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát (hoặc xem tranh ảnh)  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Đọc văn bản**

       + Phiếu học tập số 1

|  |  |
| --- | --- |
| https://lh6.googleusercontent.com/rgjROC1K6Ayq5LeQ0ViP-Z9qTEpU2_jiPrkczsvy61lwZiH2FhFZ6jxbQwl00GQCOW1ZdTB-aY34fHEpOqNhuraOFgODtxNDQqbUOUP0LfLf_ExlTqF2Ixh8ZRQB6szdY700rpI | **Làm việc nhóm**  Tái hiện lại hình ảnh Trái đất qua hình ảnh và ngôn ngữ trong 5 phút.  **Hình ảnh Trái đất hành tinh xanh** |

+ Phiếu học tập số 2: Sự tiến hóa của sự sống trên Trái đất theo thời gian

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mốc thời gian** | **Các chi tiết** |
| **Cách nay 140 triệu năm** | Cách nay 140 triệu năm | Vô số các loài tảo, bọt biển,rêu…  Cảnh tượng đa sắc của hoa…  Những con khủng long khổng lồ… |
| **Cách nay 140 triệu năm** | Cách nay khoảng 6 triệu năm | Tiền thân của loài người xuất hiện |
| **Cách nay 140 triệu năm** | Cách nay khoảng 30.000 đến 40.000 năm | Người tinh khôn đầu tiên mới xuất hiện |

+ Phiếu học tập số: Rút ra thông điệp của văn bản

|  |  |
| --- | --- |
| **“Thiên nhiên-Mẹ của muôn loài”** | |
| **Nội dung** | Trái Đất là Mẹ nuôi dưỡng muôn loài |
| **Ý nghĩa** | Con người cần có trách nhiệm bảo vệ Trái Đất |

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1 HĐ 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã bao giờ xem một bộ phim hay đọc 1 văn bản về Trái Đất chưa? Khi đọc, xem, em có những suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**3.2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về trái đất  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Trịnh Xuân Thuận  - Sinh năm 1948  - GS ngành Vật lí thiên văn  - Các tác phẩm đều viết bằng tiếng Pháp.  - Các tác phẩm chính: “Giai điệu bí ẩn”, “Hỗn độn và hài hòa”, … |
|  | |
| **2. Tác phẩm** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  ? Hình thức kiểu văn bản?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung  cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  - Cung cấp thêm thông tin về tác phẩm, chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **\* Thể loại:** Văn bản thông tin có văn phong khoa học.  **\* Bố cục:**  - Văn bản chia làm 3 phần:  + P1: Từ đầu … “con người: Giới thiệu về Trái đất.  + P2: Nếu có thể… “nhanh chóng”: Quá trình hình thành phát triển sự sống trên Trái đất.  **+** P3: Phần còn lại: Những thay đổi của Trái đất ảnh hưởng đến môi trường sống |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| 1. **Giới thiệu về Trái đất** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu  (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3… (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)...  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **+ Nhóm 1,2**: Tác giả đã lựa chọn những những yếu tố nào để giới thiệu về Trái đất?  + **Nhóm 3,4**: Tìm những chi tiết nói đến vai trò quan trọng của Trái đất?Quá trình hình thành phát triển sự sống trên Trái đất.  **+ Nhóm 5,6**:  Tìm những chi tiết nói  lên suy nghĩ của em về bảo vệ hành tinh xanh? Những thay đổi của Trái đất ảnh hưởng đến môi trường sống  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  -Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm kháctheo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức& chuyển dẫn sang mục 2 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Yếu tố giới thiệu TĐ | Quá trình hình thành phát triển sự sống | | Vai trò quan trọng của TĐ | Sự thay đổi của TĐ ảnh hưởng đến môi trường sống | | Một hành tinh trong Hệ Mặt Trời | Qua các mốc thời gian… | | Đánh thức và nuôi dưỡng sự sống | -Bên trong: xem SGK  Bên ngoài | |  | | | | | |  | | **=>** | | | |
| 1. **Quá trình hình thành phát triển sự sống trên Trái đất.** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2& giao nhiệm vụ:  1. Tìm những chi tiết thể hiện?  2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi?  3. Em có nhận xét gì về?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 2  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Cách nay 140 triệu năm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | | Có vô số các loài tảo, bọt biển, rêu, nấm, sâu, bọ, tôm, cua, nhìn hoa bướm, nghe thấy tiếng chim, ong hay các loài khủng long khổng lồ và các loài thằn lằn tiền sử. |  |  | |  | | | |  | | |   **b. Cách nay khoảng 6 triệu năm**  Tiền nhân của loài người xuất hiện.  **c. Cách nay khoảng  30,000 dến 40,000 năm**  Người tinh khôn đầu tiên xuất hiện. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  **?** Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi của Trái Đất?  **?** Trái đất đã cho chúng ta những gi?  **?** Chúng ta cần hành động như thế nào để bày tỏ lòng biết ơn đối với Mẹ của muôn loài?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Những thay đổi của Trái đất ảnh hưởng đến môi trường sống**  **\*Thay đổi của Trái Đất**  - Bên trong: địa chất, núi lửa…  - Bên ngoài: thiên thạch…  **\*Trái Đất đã cho chúng ta:**  - Những cánh rừng..  - Những cánh đồng cỏ..  - Những dòng sông…  **\*Hành động của chúng ta để bày tỏ lòng biết ơn đối với Mẹ của muôn loài**  - Giữ gìn cây xanh  - Sử dụng chất liệu từ thiên nhiên |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nội dung chính của văn bản.  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  - Trái Đất được mệnh danh là hành tinh xanh bởi được chủ yếu bao bọc bởi rừng, cây xanh hay nói cách khác chính là thiên nhiên chiếm hơn nửa trái đất của chúng ta.  **2. Ý nghĩa**  - Trái Đất là Mẹ nuôi dưỡng muôn loài, vì thế chúng ta cần có trách nhiệm bảo vệ Trái Đất cũng là bảo vệ sự sống của muôn loài trong đó có con người. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HScho Hs lựa chọn 1 trong ba bài:

Bài tập 1: Đóng vai Trái Đất

Bài tập 2: Tìm ví dụ hành động biết ơn **Mẹ thiên nhiên.**

Bài tập 3: Hội thi vẽ tranh bảo vệ môi trường

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

- Hỗ trợ HS liệt kê các số liệu, chi tiết.

- Hướng dẫn tìm kiếm văn bản thông tin bổ ích, lý thú để tham khảo.

? Từ văn bản em rút ra bài học gì cho bản thân trong việc bảo vệ môi trường?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài mới.

Tiết 130

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA TUỔI TRẺ**

  
  
  
**1. Hoạt động 1. Mở đầu (10 phút)**

* GV giới thiệu và cho HS xem đoạn phim về vấn đề ô nhiễm môi trường. Đặt vấn đề:
* Đoạn phim đề cập đến nội dung
* Suy nghĩ của em về thiên nhiên, môi trường sau khi xem qua đoạn phim trên.
* Đọc văn bản bản Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức. (35 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIỮA**  **GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| 1. Hướng dẫn HS nhận diện: nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, chữ in đậm, số thứ tự trong văn bản.   Thảo luận nhóm  Câu hỏi thảo luận:  Qua văn bản Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ, em hãy chỉ ra các yếu tố: nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, chữ in đậm, số thứ tự có trong văn bản.   * HS thực hiện thảo luận (10 phút) * Sau đó hoàn thành bảng biểu, trình bày và ghi nhận đóng góp ý kiến từ nhóm bạn. * Giáo viên chốt ý, nhận xét. | |  |  | | --- | --- | | Nhan đề | Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ | | Sa-pô | Ngày Môi trường…. hướng đến lối sống xanh. | | Đề mục | 1. Ngày Môi trường thế giới. 2. Những tiếng kêu cứu từ môi trường. 3. Hành động vì một hành tinh xanh | | Hình ảnh | Khí thải tuôn ra từ nhà máy thép (Ảnh: AFP/TTXVN) | | Chữ in đậm | 1. Ngày Môi trường thế giới. 2. Những tiếng kêu cứu từ môi trường. 3. Hành động vì một hành tinh xanh | | Số thứ tự | 1 đến 3 | |
| 1. Hướng dẫn HS nhận biết tác dụng của các yếu tố trong văn bản thông tin.   Câu hỏi thảo luận: Em hãy cho biết tác dụng của các yếu tố của văn bản thông tin.  HS thực hiện thảo luận khăn trải bàn (15 phút)   * Sau đó HS đi tham quan sản phẩm của nhóm bạn và thực hiện trao đổi thông tin, ghi nhận ưu điểm, hạn chế giữa các nhóm cùng chung văn bản. (thời gian: 5 phút). * Trình bày ý kiến, nhận xét nhóm | |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Tác dụng** | | Nhan đề | Thể hiện nội dung chính của văn bản | | Sa-pô | Giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và tạo sự lôi cuốn đối với người đọc. | | Đề mục | Tạo sự mạch lạc, dễ tiếp nhận. | | Hình ảnh | Giúp dễ hình dung nội dung văn bản. | | Chữ in đậm | Nhận biết thông tin trọng tâm | | Số thứ tự | Nhận biết trình tự thông tin | |
| 1. Định hướng suy nghĩ hành động   Từ thông tin của văn bản bản Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ, em hãy chỉ ra những hành động thiết thực thể hiện tình yêu của bản thân đối với môi trường.  Trao đổi với bạn ngồi cạnh: 5 phút. | Hành động:   * Yêu quý giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên. * Trồng cây gây rừng * Không vứt rác bừa bãi * Hạn chế sử dụng rác thải nhựa * Lên án, tố cáo hành động phá hoại thiên nhiên: chặt phá cây rừng, đánh bắt trái phép   …. |

Phiếu học tập

Nhận diện các yếu tố trong văn bản thông thông và cho biết tác dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Phạm vi** | **Tác dụng** |
| Nhan đề |  |  |
| Sa-pô |  |  |
| Đề mục |  |  |
| Hình ảnh |  |  |
| Chữ in đậm |  |  |
| Số thứ tự |  |  |

Hành động cần làm:

* ……………………………………………………………………………………………………
* ……………………………………………………………………………………………………
* ……………………………………………………………………………………………………
* ……………………………………………………………………………………………………

Tiết 128,129

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

*Trong ngày này, rất nhiều hoạt động diễn ra: ký kết các hiệp ước về bảo vệ môi trường; diễu hành kêu gọi bảo vệ môi trường: trồng cây xanh; triễn lãm tranh, ảnh về bảo vệ môi trường, thi tìm hiểu môi trường; khuyến khích tái chế rác thải.*

*(Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ)*

* Dấu phẩy
* Dấu chấm phẩy

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

**\**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **GV chia lớp thành 4 nhóm**  **Nhóm 1-2**  **Xác định và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong các trường hợp sau**  *Ví dụ 1:*  *Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.*  (Thép Mới)  Ví dụ 2:  *Các ca nhi cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác như nam ai, nam bình, nam xuân; những điệu lí thể hiện nỗi mong chờ hoài vọng, như lí hoài xuân, lí hoài nam*,...  (Hà Minh Ánh)  **Nhóm 3-4**  **Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin là gì và cho biết tác dụng.** | **Tác dụng của dấu chấm phẩm**  **VD 1:**  Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.  **VD 2**  Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.    Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ:   * Số liệu * Hình ảnh   Tác dụng   * Hình ảnh: Giúp người đọc tiếp thu văn bản tốt hơn * Số liệu: Bổ sung thông tin để làm rõ và tăng tính thuyết phục cho nội dung văn bản thông tin |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIỮA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| 1. **Hướng dẫn học sinh ôn lại kiến thức về dấu chấm phẩm**   **Câu hỏi điền khuyết:**  **Dấu chấm phẩy có công dụng như thế nào?**  a. Đánh dấu ranh giới giữa các…………có cấu tạo phức tạp.  b. Đánh dấu ranh giới giữa các …………….phức tạp.     1. **Hướng dẫn thực hành bài tập**   Sử dụng phương pháp vấn đáp  GV treo bảng phụ đoạn văn 1/ 113 SGK   * Nhận diện dấu chấm phẩy trong đoạn văn * Nêu công dụng | **Công dụng của dấu chấm phẩy**  a. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.  b. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.    Công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn 1: Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. |
| 1. **Hướng dẫn HS làm bài tập 2**   **Có thể thay dấu phẩy  trong đoạn văn dưới đây thành dấu chấm phẩy được hay không? Vì sao?**  Thảo luận nhóm  GV gọi 1 nhóm trình bày ý kiến.  Các nhóm còn lại bổ sung. | * Không cần thiết thay dấu phẩy thành dấu chấm phẩy. * Lý do:   Đoạn văn sử dụng phép liệt kê không có nhiều cấp bậc. |
| 1. **Hướng dẫn HS làm bài tập 3**   HS xác định các yếu tố phi ngôn ngữ trong 2 văn bản Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro và Trái Đất – Mẹ của muôn loài.  Thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn, xác định các yếu tố phi ngôn ngữ và tác dụng trong 2 văn bản trên là gì?  Các nhóm trao đổi kết quả với nhau. | Yếu tố phi ngôn ngữ trong 2 văn bản Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro và Trái Đất – Mẹ của muôn loài gồm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | VB1 | VB 2 | | Hình ảnh | Nghi thức cúng Thần Lúa | Không sử dụng hình ảnh | | Số liệu | Không sử dụng số liệu | 140 triêu năm  6 triệu năm  30.000 đến 40.000 năm |   Tác dụng:   * Hình ảnh: Giúp người đọc tiếp thu văn bản tốt hơn * Số liệu: Bổ sung thông tin để làm rõ và tăng tính thuyết phục cho nội dung văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

* Trình bày kiến thực đã học về dấu chấm phẩy bằng sơ đồ tư duy.
* Ngoài văn bản viết, yếu tố phi ngôn ngữ được thể hiện như thể nào khi giao tiếp bằng lời nói

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh về nhà làm bài

- Giáo viên kiểm tra vào giờ sau

- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**-** HS nộp bài cho GV

- GV chấm vở  của học sinh

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

|  |
| --- |
| **VIẾT NGẮN – Phan Ngọc**   1. ***Mục tiêu:*** Học sinh sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành Tiếng Việt để hoàn thiện một đoạn văn ngắn có nội dung về chủ đề bài học. 2. ***Nội dung***: Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) giới thiệu về một cảnh thiên nhiên mà em yêu thích, trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy. 3. ***Sản phẩm:*** Đoạn văn đã hoàn thiện của học sinh. 4. ***Tổ chức thực hiện*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV:   * Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) giới thiệu về một cảnh thiên nhiên mà em yêu thích, trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy. * Học sinh có thể minh họa cho bài viết sinh động hơn.   **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  GV: hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và chọn đề tài cho bài viết của mình; phát phiếu tiêu chí cho HS.  HS: xác định nhiệm vụ; tìm hiểu tiêu chí đánh giá và thực hiện nhiệm vụ.  **B3:** **Báo cáo, thảo luận**  GV: hướng dẫn HS trao đổi sản phẩm và đánh giá sản phẩm của bạn theo phiếu tiêu chí đánh giá.  HS:   * Trao đổi sản phẩm và tiến hành đánh giá sản phẩm của bạn. * Nộp lại sản phẩm và phiếu đánh giá cho GV.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV:  - Nhận xét phần đánh giá của HS và công bố kết quả.  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. |

* **Tiêu chí đánh giá viết đoạn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | | | **Phần đánh giá** | | |
| Chưa đạt | Đạt | Tốt |
| Nội dung | Đề tài | Giới thiệu về một cảnh thiên nhiên mà em yêu thích, |  |  |  |
| Phương thức biểu đạt | Lời văn thuyết minh. |  |  |  |
| Bố cục | Đoạn văn trình bày đúng bố cục: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn |  |  |  |
| Diễn đạt | Phần diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ.  Đoạn văn có sử dụng dấu chấm phẩy khi liệt kê những cảnh đẹp của thiên nhiên |  |  |  |
| Hình thức | Trình bày | Đúng hình thức một đoạn văn: Đầu đoạn lùi đầu dòng. |  |  |  |
| Minh họa | Phần minh họa sinh động, đúng chủ đề. |  |  |  |
| Chính tả | Không mắc lỗi chính tả. Không gạch xóa. |  |  |  |
| **TỔNG** | | |  |  |  |

Tiết 131- 132

**VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

(3 tiết)

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**: **Sử dụng phiếu học tập số 1.** (phát cho HS và chiếu lên màn hình)  **GV:** Giới thiệu nội dung phiếu học tập là đặc điểm của kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện.  - Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1.  ? Văn bản *“Lễ cúng thần Lúa của người Chơ-ro”* đã giới thiệu được sự kiện, thời gian và địa điểm diễn ra sự kiện nào?  ? Văn bản đã thuật lại đủ các hoạt động chính của sự kiện theo trình tự nào?  ? Văn bản có sử dụng thông tin chính xác, tin cậy trong khi thuật lại sự kiện không?  ? Văn bản có đưa ra được nhận xét, đánh giá, hoặc cảm nhận của người viết về sự kiện không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát và nhớ lại kiến thức ở văn bản “*Lễ cúng thần Lúa của người Chơ-ro”* suy nghĩ cá nhân và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.  - HS trả lời, nhận xét bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV kết nối dẫn dắt HS chuyển qua mục tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện: Cuộc sống quanh ta hằng ngày diễn ra biết bao sự kiện đáng quan tâm. Nhưng vì nhiều lí do, rất nhiều sự kiện chúng ta không được tham gia hoặc chứng kiến. Kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện sẽ giúp người viết chia sẻ với người đọc các thông tin và diễn biến của sự kiện mà mình tham gia hoặc chứng kiến.) | ***\* Văn bản:*** *“Lễ cúng thần Lúa của người Chơ-ro”*  - **Sự kiện:** Lễ cúng Thần Lúa ( Lễ Sa-Yang-Va) của người Chơ- Ro**.**  - **Thời gian:** Tổ chức hằng năm (từ ngày 15 – 30/03 AL).  - **Địa điểm:** Đồng Nai.  - **Lễ cúng:** Chuẩn bị: cây nêu, người phụ nữ rước hồn lúa. ***Trước khi cúng lễ:***Người phụ nữ lớn tuổi mang gùi ra rẫy lúa vái thần linh rồi cắt bụi lúa đem về để bàn thờ. ***Trong khi cúng lễ:*** Vào buổi trưa, bày gà, heo, rượu cần, lúa, hoa quả, bánh giầy, bánh tét, …già làng hoặc chủ nhà sẽ đọc lời khấn cầu mong sức khỏe, mùa màng tươi tốt, … trong không khí có nhạc đệm, cồng chiêng. ***Sau khi cúng xong****,* mọi người dự tiệc trên nhà sàn ăn uống vui vẻ.  - Văn bản có nêu thời gian, địa điểm cụ thể, lễ cúng góp phần làm phong phú di sản văn hóa của dân tộc ta.  - **Cảm nhận của người viết:** Lễ cúng thần Lúa của người Chơ-ro là một nét văn hoá sinh hoạt độc đáo; cảm thấy gắn bó với thiên nhiên, biết ơn thiên nhiên. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU VỀ ĐẶC ĐIỂM**  **KIỂU BÀI THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn để cùng trả lời câu hỏi.  ? Theo em, một bài vănthuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì?  ***\*Gợi mở:***  ? Từ nội dung vừa tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là thuyết minh thuật lại một sự kiện?  ? Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện?  ? Bố cục của kiểu bài  thuyết minh thuật lại một sự kiện gồm mấy phần? Em hãy nêu nhiệm vụ cụ thể của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi và rút ra nội dung bài học.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS trao đổi ý kiến với bạn cùng bàn.  **HS:**  - Trao đổi, thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét các câu trả lời của HS và rút ra nội dung kiến thức của bài học.  - GV kết nối, dẫn dắt HS chuyển qua nội dung đọc và phân tích một bài viết tham khảo thuật lại sự kiện Hội khỏe Phù Đổng của trường em. | **I. ĐẶC ĐIỂM CỦA KIỂU BÀI THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**  **1. Thế nào là thuyết minh thuật lại một sự kiện?**  - Thuyết minh thuật lại một sự kiện là kiểu bài người viết dùng lời văn và một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để thuật lại một sự kiện theo đúng diễn biến trong thực tế nhằm giúp người đọc, người nghe nắm được diễn biến của sự kiện và những thông tin liên quan đến sự kiện ấy.  **2. Đặc điểm của kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - Giới thiệu được sự kiện, thời gian và địa điểm diễn ra sự kiện.  - Thuật lại đủ các hoạt động chính của sự kiện theo một trình tự hợp lí.  - Sử dụng thông tin chính xác, tin cậy trong khi thuật lại sự kiện.  - Đưa ra nhận xét, đánh giá hoặc cảm nhận của người viết về sự kiện.  **3. Bố cục của kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - **Mở bài:** Giới thiệu sự kiện cần thuyết minh.  - **Thân bài:** Thuyết minh thuật lại sự kiện theo một trình tự hợp lí.  - **Kết bài:** Phát biểu cảm nhận hoặc đánh giá về sự kiện. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **“Thuyết minh thuật lại sự kiện Hội khỏe Phù Đổng của trường em”** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV**:  - Gọi 1 HS đọc văn bản.  ? Văn bản thuật lại sự kiện gì?  - GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm.  - GV yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo nhóm.  **Nhóm 1:** Các thông tin về tên sự kiện, thời gian và địa điểm được giới thiệu như thế nào trong bài viết?  **Nhóm 2:** Người viết đã thuật lại những hoạt động nào của sự kiện? Nhận xét về cách sắp xếp các hoạt động của sự kiện.  **Nhóm 3:** Khi thuật lại sự kiện, người viết đã đưa ra những thông tin cụ thể nào?  **Nhóm 4:** Người viết nêu cảm nhận hoặc nhận xét, đánh giá gì về sự kiện?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi theo nhóm trong 5 phút để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời.  - Quan sát, theo dõi, giúp đỡ HS khi thảo luận.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại lắng nghe của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn, uốn nắn HS trong quá trình trình bày.  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Sản phẩm câu trả lời và thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm.  - Củng cố lại kiến thức đã học về đặc điểm của kiểu bài thuyết minh thuật lại sự kiện và kết nối, dẫn dắt với mục sau: thực hành viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện theo các bước cụ thể. | **II. PHÂN TÍCH BÀI MẪU**  \***Văn bản:** *Thuyết minh thuật lại sự kiện Hội khỏe Phù Đổng của trường em*  **\*Mở bài:**  - Sự kiện: Hội khỏe Phù Đổng.  - Thời gian: Ngày 29/11/2020  - Địa điểm: Trường em (THCS… TP…)  **\*Thân bài:**  - Các sự kiện: 8h sáng buổi lễ bắt đầu, sau phần nghi thức và lời khai mạc thầy Hiệu trưởng là lễ rước đuốc thắp lửa truyền thống. Bài “Hành khúc Hội khỏe Phù Đổng” vang lên cuộc diễu hành của học sinh bắt đầu. Tiếp đó là chương trình đồng  diễn, thể dục nhịp điệu, … Đến 10h30 phút lễ khai mạc kết thúc, các vận động viên bắt đầu thi đấu.  - Số liệu: Học sinh khối 9, 8, 7, 6; 10 Huy chương (3 Huy chương vàng, 4 Huy chương bạc, 3 Huy chương đồng)  **\*Kết bài:**  - Cảm nhận, đánh giá của người viết: Hội khỏe Phù Đổng trường em thật vui vẻ, tưng bừng; buổi lễ mãi in sâu trong tâm trí em. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Đề bài:** ***Viết bài văn (khoảng 400 chữ) thuyết minh thuật lại một sự kiện (lễ hội) mà em từng tham dự hoặc chứng kiến.***  ? Kể tên những sự kiện, lễ hội mà em biết?  ? Em đã từng tham gia hoặc chứng kiến sự kiện, lễ hội nào chưa?  - GV chiếu cho hs xem video clip giới thiệu về **lễ hội Đền Hùng.** *(https://youtu.be/GRZeTLpMaM8)*  https://lh4.googleusercontent.com/nvq92KuLlM_QNOmLc9qQrc1mDPeaL-NDEPHPe3rDJrLCKgFNXrVJ__ogSEjQizXfF429E__WzvhQPZRkg5PnEx1RriYNP0rptRXUMiNBw_JBd_OK8WJMDxAXF7ffNpM5lqHiXaA  - GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài viết của mình qua phiếu học tập tìm ý tưởng. ***(PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2, đã giao trước đó 1 tuần***)   (\*Gợi ý lựa chọn sự kiện:  + Sự kiện mà em tham gia hoặc chứng kiến  + Sự kiện mà em yêu thích, có hứng thú thuật lại.  + Sự kiện thuận lợi cho em trong việc quan sát thực tế tìm kiếm tư liệu, thông tin để chuẩn bị cho bài viết.  + Ví dụ: Lễ khai giảng hoặc lễ tổng kết năm học, lễ chào cờ hoặc sinh hoạt đầu tuần, Hội khỏe Phù Đổng.)  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  - Hướng dẫn HS xác định đề tài, mục đích, thu thập tự liệu.  (? Em nên lựa chọn sự kiện (lễ hội) nào?  ? Em có đủ thông tin về sự kiện (lễ hội) đó không?  ? Nếu không đủ, em có thể tìm thông tin từ đâu?  ? Sự kiện (lễ hội) nào khiến tôi hứng thú nhất?  ? Em viết nhằm mục đích gì?  ? Người đọc văn bản thuyết minh này có thể là ai? Họ muốn biết gì về vấn đề này?)  - Yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết hoặc đang cân nhắc.  **HS:**  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Trả lời câu hỏi.  - Tìm ý bằng việc hoàn thành phiếu bài tập.  - Trình bày ý tưởng sắp viết hoặc đang còn cân nhắc.  - GV: hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm thông tin đã chuẩn bị, các ý tưởng sắp xếp thể hiện những ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H, để phát họa dàn ý …)  - Chia sẻ bài làm của mình và để góp ý cho nhau.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài và nhìn vào bảng kiểm trong SGK để viết bài.  - Viết bài theo ý tưởng, dàn ý đã xây dựng.  - GV quan sát và giúp đỡ HS trong quá trình viết.  - Tùy vào thời gian, HS có thể làm trên lớp hoặc hoàn chỉnh xong bài khi về nhà.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:**  - Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau.  **HS:**  - Đọc sản phẩm của mình, của bạn trao đổi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - Trình bày những gì đã làm được từ bài viết của bản thân và những gì đã học hỏi được từ bạn về cách thuật lại một sự kiện.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả bài viết của HS.  - Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết thuật lại một sự kiện (lễ hội)* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (tùy thời gian có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà).  - Nộp bài cho GV xem và sửa chữa, nhận xét. (nếu cần)  ***\* Chuyển ý dẫn sang mục sau.*** | **III. LUYỆN VIẾT**    **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định đề tài: Lựa chọn sự kiện    **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Mở bài:** giới thiệu sự kiện được thuật lại. (sự kiện gì, diễn ra ở đâu, vào thời điểm nào, …)  **Thân bài:** Thuật lại các hoạt động trong sự kiện theo diễn tiến thời gian  + Quang cảnh, không khí nơi sự kiện diễn ra.  + Sự việc, hoạt động mở đầu.  + Các sự việc, hoạt động tiếp theo.  + Sự việc, hoạt động cuối cùng.  **Kết bài:** Đưa ra lời nhận xét, đánh giá hoặc nêu cảm nhận chung về sự việc.  **Bước 3: Viết bài**  - Dựa vào dàn ý, viết thành một bài văn hoàn chỉnh.  - Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài thuyết minh về một sự kiện.  **Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ**  - Đọc lại bản thảo của cá nhân, tự kiểm tra, điều chỉnh nội dung cấu trúc của bài.  - Rút kinh nghiệm cho bài viết sau.  - Chia sẻ bài cùng các bạn. |

**BẢNG KIỂM BÀI VIẾT THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (LỄ HỘI)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu rõ ràng về đề tài, không gian, thời gian diễn ra lễ hội |  |
| **Thân bài** | Tái hiện được khung cảnh, không khí chung từ cái nhìn bao quát nơi diễn ra lễ hội. |  |
| Thuật lại các hoạt động theo diễn biến thời gian của lễ hội |  |
| Sử dụng thông tin chính xác, tin cậy. |  |
| Sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm phù hợp. |  |
| **Kết bài** | Nêu ra được nhận xét, đánh giá hoặc cảm nhận của người viết về sự kiện. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. | - Bài viết đã được sửa của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập:**  Thuật lại một sự kiện hoặc một lễ hội ở địa phương em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS liệt kê các sự việc trong lễ hội đó.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, hoạt động của sự kiện (lễ hội).

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)

**Bài tập 1:** Hãy thuyết minh thuật lại lễ khai giảng năm lớp 6 của em.

**Bài tập 2:** Em hãy làm 1 video clip thuyết minh thuật lại một sự kiện hoặc lễ hội mà em yêu thích đảm bảo đầy đủ yêu cầu đặc điểm của kiểu bài. (thực hiện ở nhà nộp cho gv qua nhóm zalo)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 và 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống nhóm grup zalo, mail, …

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 133

**NÓI VÀ NGHE**

**TÓM TẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY CỦA NGƯỜI KHÁC**

(1 tiết)

**HĐ 1: Xác định vấn đề:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:* Trò chơi “Truyền thông tin”**  ***\* Thời gian 5 phút.***  - Cách chơi:  ***+*** GV phát cho thành viên số 1 của mỗi tổ một nội dung thông tin.  + Yêu cầu thành viên số 1 sẽ nói lại nội dung đó cho thành viên số 2, thành viên số 2 truyền nội dung đã nghe được cho thành viên số 3, …tương tự cho đến thành viên cuối cùng ghi lại nội dung thông tin đã nghe được ra bảng phụ.  + Khi kết thúc, các tổ sẽ dán nội dung lúc đầu với nội dung nghe được của thành viên cuối cùng và đối chiếu. Tổ nào có nội dung ghi lại tốt nhất sẽ chiến thắng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ cá nhân/nhóm theo luật của trò chơi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Sản phẩm bảng phụ của mỗi nhóm để so sánh, nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tuyên dương những tổ có khả năng nghe và ghi chép thông tin tốt nhất. Từ đó GV dẫn dắt kết nối vào bài học: *Khi tham dự cuộc họp, thảo luận, thuyết trình, … việc ghi tóm tắt nội dung trình bày của người khác là rất quan trọng. Tóm tắt nội dung trình bày của người khác là lắng nghe và ghi chép những nội dung cơ bản, cốt lõi mà người nói đã trình bày nhằm mục đích trao đổi, thảo luận hoặc làm tư liệu tham khảo.* | - Bảng kết quả của các tổ. |
| |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP TỔ 1**  **https://lh6.googleusercontent.com/g1q1deDV1E0SK3xRmsTU_JXJo1M0waxYEECAcrFbsjCjHmnyWsp1Dj0LcV_6eLvYYeG_tUlcU8XL5q0f8mjf5XBIysh_BCHWR4LTWy-1Kw5b2EUn1Bk5UWXakETfEsnMMNC2_p4https://lh4.googleusercontent.com/YIBYKqjspPyUn7aZltYRItCSHn9qGReRxXKrmLa9r0ew6Zyy_BmaboPYKbJaHMltyvs781isx-WeKz9kvY0TOK0BphbQA-pksLnsUuAPyie8LtBeMRlJKiTkPbOJf7NRcT1mxZ0**  Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trước hàng nghìn đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập", tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra đời. Bản tuyên ngôn khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP TỔ 2**  **https://lh6.googleusercontent.com/g1q1deDV1E0SK3xRmsTU_JXJo1M0waxYEECAcrFbsjCjHmnyWsp1Dj0LcV_6eLvYYeG_tUlcU8XL5q0f8mjf5XBIysh_BCHWR4LTWy-1Kw5b2EUn1Bk5UWXakETfEsnMMNC2_p4** **https://lh3.googleusercontent.com/iO9ICsG47rhjd58bujbA0D1Wc4DUl6yyX6M1lC_fkqoJDWe107txR13JgUJhVbyJFZH2NZdC9X-3s2LXD65RJG_-Rz5P0OE02jsWM7oK-L5IGG6TUz25JgPQDWSEXTM_jruaI_c**  Việt Nam phát hiện ca bệnh COVID-19 đầu tiên vào ngày 23/1/2020. Ngày 23/01/2020 (29 Tết), Bệnh viện Chợ Rẫy xác nhận 2 bệnh nhân COVID-19 đầu tiên là hai cha con người Vũ Hán, Trung Quốc (đây cũng là nơi xuất phát các ca bệnh đầu tiên trên thế giới). Kể từ đó đánh dấu cuộc chiến chống COVID-19 chính thức bắt đầu ở Việt Nam. |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP TỔ 3**  **https://lh6.googleusercontent.com/g1q1deDV1E0SK3xRmsTU_JXJo1M0waxYEECAcrFbsjCjHmnyWsp1Dj0LcV_6eLvYYeG_tUlcU8XL5q0f8mjf5XBIysh_BCHWR4LTWy-1Kw5b2EUn1Bk5UWXakETfEsnMMNC2_p4https://lh6.googleusercontent.com/89qWFi8WcpDkQbTuIHkv4TQMiuiG9VZemRigj9dNtyWuNhywlBMgWd3kxtUuD1kc71kwsWcXFfhQbc0EmBuA7LBGOdX9e3Dy4V8xHpYFUmtq98-t1FGzGvkbmf6bd6AtRDpxLA4**  Lễ hội “Lái Thiêu mùa trái chín” ở Bình Dương với chủ đề “Giao lưu cùng phát triển” diễn ra vào ngày 8/6/2013 – 12/6/2013. Ngoài trưng bày các loại trái cây đặc trưng của Lái Thiêu và một số tỉnh, thành trong vùng Đông-Tây Nam Bộ, lễ hội còn diễn ra nhiều hoạt động như: Hội thi tạo hình nghệ thuật từ trái cây, gian hàng sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao, khu trưng bày sản phẩm làng nghề và các khu ẩm thực đặc trưng với các món ăn được chế biến từ trái cây, … |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP TỔ 4**  **https://lh4.googleusercontent.com/uLyp_0fbqkVt4Mcmh5g2NBMTN4xPvdJwAniTKwwebBO6dZT7Wh0u-0FXZfUTiaoI3x6JgrOYORaDgP9FLNNvOp4vtDKb66b8R30ths1O_gn6T4Q4IYbRT7TAUPIpDrn5loDsSZY https://lh5.googleusercontent.com/GGQWbHMh4W2qo3rQsOtkctNOLoNE_iDkp73SJK0Y2nptEozKRkP74ymT3rBVpGi5laoD-cE_n3a_fwGIfej42Cce05M_UJ_hiizvIxqXYqn4V6S49bvcgWJxOvUFMMVFwan4dKI**  **Lễ hội Đền Hùng diễn ra từ ngày 01đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch.** Đền Hùng nằm trên núi Nghĩa Lĩnh, Hy Cương, Việt Trì, Phú Thọ là nơi hàng năm thường diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng đã có công dựng nước. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Ðồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giầy để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa. | | |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Ôn lại *Bài 6: Cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác.*  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  - GV chiếu cho HS xem Video ***thuyết trình về bảo vệ môi trường.*** *(https://youtu.be/9GUXB8WLL68)*  https://lh4.googleusercontent.com/DwwrJG0V0QomS1Vw47PLqIcPdlh3VevurL7KVhfvbquEI50kT-0eGw69Q1MzkSx97_IvGzCCVnwBfsD7N7to8hdkkkGaJcbt-kAgHIaTMt0ODNcJ0GfKMXAuYy6L_QIiBdtNH8A  - GV yêu cầu HS lắng nghe, quan sát, theo dõi nội dung thuyết trình.  + Em hãy lắng nghe và ghi lại tóm tắt nội dung trên vào vở.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát video, lắng nghe và thực hành ghi chép tóm tắt.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS đọc lại bài tóm tắt của mình  - Trao đổi cùng bạn để hoàn chỉnh bài tóm tắt. (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét về thái độ theo dõi bài học và ghi chép của HS. | **1. Hoạt động nghe**  - Xác định mục đích nói và người nghe .  Bước 1:  Lắng nghe và ghi tóm tắt  Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu trình bày bài tóm tắt của mình theo nội dung đã nghe và ghi chép được.  - Trình chiếu phiếu đánh giá theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại bài ghi chép của mình và trình bày, chia sẻ nội dung mình ghi chép tóm tắt cùng các bạn.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS lần lượt trình bày bài nói của mình.  - GV hướng dẫn HS nói.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Hoạt động nói (tóm tắt)**  - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Tóm tắt đầy đủ nội dung bài nghe.  +  Nói to, rõ ràng, có điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  + Rút kinh nghiệm về việc lắng nghe và ghi chép tóm tắt  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt trình bày nội dung bản ghi chép của mình (3-5 HS).  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  - Trao đổi cùng bạn để rút kinh nghiệm.  GV: Nhận xét khả năng nghe và ghi chép nội dung của HS. Lưu ý một số kinh nghiệm khi nghe và ghi chép:  + Khi nghe: Cần tập trung lắng nghe, chú ý quan sát ghi chép tóm tắt nội dung đã nghe bằng các gạch đầu dòng,  theo dàn ý, sơ đồ tư duy, sơ đồ xương cá, …  + Khi trình bày tóm tắt: cần tóm tắt ngắn gọn những nội dung chính.  - GV nhận xét, tuyên dương khen thưởng và kết nối, dẫn dắt sang mục sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập tình huống:** Hai học sinh lần lượt đóng vai người thuyết trình và người ghi chép. Mời một vài cặp lên lớp thực hiện để cả lớp quan sát, rút kinh nghiệm.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chuẩn bị nội dung thuyết trình.

- GV hướng dẫn HS: lần lượt thực hiện nói và ghi chép theo cặp.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm tóm tắt của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét khả năng nói và ghi tóm tắt của mỗi cặp. Tuyên dương, thưởng điểm.

**HĐ 4: Vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao bài tập)

**Bài tập:** Viết một nội dụng thuyết minh về “Điều kì diệu của thiên nhiên” sau đó tự tập trình bày nói trước gương rồi rút kinh nghiệm.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS lựa chọn nội dung viết bài thuyết minh theo nội dung đề yêu cầu. Có thể quay lại clip thực hiện nói ở nhà của cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS chia sẻ clip thực hiện của mình.

**B4: Kết luận, nhận định: (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không thực hiện bài làm (nếu có)

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm/Tên**:…………………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Nghe và tóm tắt được nội dung trình bày của người khác. | Nghe và tóm tắt nội dung còn sơ sài, chưa tóm tắt được nội dung người khác trình bày. | Nghe và tóm tắt đủ dung trình bày  để người nghe hiểu được nội dung sự việc. | Nghe và tóm tắt tốt nội dung trình bày của người khác một cách rõ ràng. |
| 2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 4. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn, thu hút. |
| **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | |

Tiết

**PHẦN ÔN TẬP** (Mỹ Hương)

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ MẸ THIÊN NHIÊN**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**A.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức các văn bản thông tin về chủ đề Mẹ thiên nhiên (Sa-pô, nhan đề, đề mục).

- Hiểu được thông điệp về giá trị của thiên nhiên đối với con người.

- Củng cố kiến thức của văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.

**2. Năng lực:**

- Giúp học sinh có năng lực tóm tắt văn bản thông tin.

- Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.

**3. Phẩm chất:** Yêu quý, giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.

**B.THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng nhóm, phiếu học tập, tranh ảnh.

**C.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Mở đầu (2p)**

Quan sát những bức tranh sau:



**GV: Hình ảnh trên gợi em liên tưởng đến bài học nào? Thuộc nhóm chủ đề gì?**

**2. Củng cố kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| 1. Hướng dẫn học sinh tóm tắt nội dung chính của 02 văn bản.   Chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện tóm tắt văn bản bằng sơ đồ tư duy  Nhóm 1-2: Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ – ro  Nhóm 3-4: Trái đất – Mẹ của muôn loài  Thời gian thực hiện thiết kế sơ đồ tư duy: 15 phút.  Sau đó HS đi tham quan sản phẩm của nhóm bạn và thực hiện trao đổi thông tin, ghi nhận ưu điểm, hạn chế giữa các nhóm cùng chung văn bản. (thời gian: 4 phút).  Trình bày ý kiến, nhận xét nhóm (về nội dung, tính khoa học, tính thẩm mĩ của sơ đồ tư duy). (Thời gian: 4 phút).  GV nhận xét, cho điểm. | Học sinh ghi vào tập  Tóm tắt văn bản:  Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ – ro   * Thời gian: Từ 15 đến 30/3 âm lịch * Cách thức: * Làm cây niêu * Phụ nữ lớn tuổi đi rước hồn lúa * Lễ vật: Heo, gà, bánh, bông lúa, rượu cần nhà làm. * Già làng khấn nguyện trên nền nhạc cồng chiêng. * Mở tiệc tại nhà sàn chính, người phụ nữ lớn tuổi nhất sẽ uống ly rượu đầu tiên và mời khách theo thứ bậc. * Ý nghĩa * Thể hiện sự gắn bó, ân tình giữa con người và thiên nhiên. * Góp phần làm phong phú nền văn hóa của dân tộc.   Văn bản 2: Trái đất – Mẹ của muôn loài   * Giới thiệu về Trái Đất * Là hành tinh duy nhất có sự sống của Hệ Mặt Trời. * Những hoạt động địa chấn của TĐ tạo ra sự sống. * ¾ bề mặt là nước. * Quá trình hình thành và phát triển của trái đất * 140 triệu năm trước: Sự phát triển của thực vật, động vật * 6 triệu năm trước: Xuất hiện loài người * 30.000-40.000 năm trước: Xuất hiện người tinh khôn * Sự ảnh hưởng của trái đất với môi trường   Giúp sinh vật tiến hóa hoặc biến mất.   * Ý nghĩa   Mẹ thiên nhiên nuôi dưỡng muôn loài. |
| 1. Hướng dẫn học sinh nhận biết những nội dung cần lưu ý khi viết văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.   04 nhóm thực hiện bằng kĩ thuật Khăn trải bàn. (6 phút)  GV gọi 01 nhóm trình bày, các nhóm còn lại bổ sung, góp ý. (4 phút)  GV chốt, nhận xét, cho điểm | Những nội dung cần lưu ý khi viết văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.   * Giới thiệu được sự kiện, thời gian, địa điểm. * Thuật lại hoạt động chính theo trình tự hợp lý. * Thông tin, dữ liệu chính xác * Nhận xét, đánh giá, cảm nhận |
| 1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ý nghĩa của việc giữ gìn những báu vật mà mẹ thiên nhiên ban tặng cho con người.  * GV cho HS xem đoạn phim hoạt hình về vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người. (4 phút) * HS xem và nêu cảm nhận. (3 phút) |  |
| 1. Tổng kết (3 phút)  * GV tổng kết điểm số của mỗi nhóm, nêu nhận xét tổng thể. * Cả lớp hát bài: Trái đất này là của chúng mình. * Học sinh nêu cảm nhận về vai trò của thiên nhiên đối với con người, từ đó đưa ra hành động thiết thực đối với thiên nhiên. | Vai trò của thiên nhiên:   * Mang đến sự sống cho người. * Bảo vệ con người   Hành động:   * Yêu quý giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên. * Trồng cây gây rừng * Hạn chế sử dụng rác thải nhựa * Lên án, tố cáo hành động phá hoại thiên nhiên. |

**BÀI 11: BẠN SẼ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NÀY NHƯ THẾ NÀO?**

**(2 TIẾT)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\HOANGHA\Downloads\207552686_237656557866698_1568103143984090217_n.jpg** | **C:\Users\HOANGHA\Downloads\206825994_1198566393886172_5847277001671368809_n.jpg** | **C:\Users\HOANGHA\Downloads\202773740_1185573315189922_7413177871687716091_n.jpg** |

**I. MỤC TIÊU**

 1.Năng lực

- Biết vận dụng kiến thức đời sống, kiến thức văn học và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe để giải quyết một tình huống.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua các bước: xác định vấn đề; đề xuất và lựa chọn giải pháp; thực hiện giải pháp; đánh giá giải pháp.

- Phát triển khả năng tư duy độc lập; biết chú ý các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

 2. Phẩmchất

Quan tâm, yêu thương người khác; say mê đọc sách.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Một số tranh ảnh trong sách giáo khoa được phóng to.

- Máy chiếu.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP | |
| Những điều em thắc mắc, lo lắng | Cách giải quyết |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề (phần này là khởi động vào cả bài lớn)**

GV phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh viết ra những điều em thắc mắc, lo lắng khi bước vào lớp 6 và qua gần một năm học, em đã tìm ra được cách giải quyết điều thắc mắc, lo lắng đó chưa. Nếu có, hãy nêu cách giải quyết của em.

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới.

**Hoạt động 2: Tiến trình tiết dạy**

**Tiết 134-135**

**LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIÚP CÔ BÉ RẮC RỐI LỰA CHỌN SÁCH?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\HOANGHA\Desktop\36591_43134.jpg | Thư Viện Tri Thức Dành Cho Học Sinh - Khám Phá Thế Giới Tự Nhiên | C:\Users\HOANGHA\Desktop\gia-tri-cua-sach-va-viec-doc-sach-1.jpg |

GV dẫn dắt vào chủ đề bài học: Các em vừa được nghe những giai điệu ngọt ngào của bài hát “Bài ca thư viện”. Đoạn nhạc đã giúp chúng ta cảm nhận phần nào vai trò của sách. Để hiểu thêm về vai trò của sách, cô mời các em cùng xem một số hình ảnh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\HOANGHA\Desktop\36591_43134.jpg | Thư Viện Tri Thức Dành Cho Học Sinh - Khám Phá Thế Giới Tự Nhiên | C:\Users\HOANGHA\Desktop\gia-tri-cua-sach-va-viec-doc-sach-1.jpg |

? Em hiểu gì về từng bức tranh? Theo em, thông điệp chung mà ba bức tranh muốn gửi gắm là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát tranh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HĐ 2: Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC** | |
| **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV gọi HS đọc bức thư của Cô Bé Rắc Rối.  - HS làm việc theo nhóm (mỗi tổ một nhóm) trong thời gian 5 phút và trả lời các câu hỏi:  *+ Nhóm 1: Cô bé trong bức thư tên gì?Học lớp mấy?Thông tin về tên gọi, khối lớp giúp em hiểu gì về đối tượng cần hỗ trợ?*  *Cô bé nghĩ như thế nào về chơi game, lướt web và đọc sách? Suy nghĩ của cô bé khác với suy nghĩ của mẹ như thế nào?*  *+ Nhóm 2: Khi lớn lên, cô bé thích làm gì? Cô bé băn khoăn về điều gì khi nghĩ đến công việc mình sẽ làm sau này?*  *+ Nhóm 3: Em hiểu như thế nào là “biết cách đọc sách”?*  *+ Nhóm 4: Theo em, Câu lạc bộ Đại Sứ văn hóa đọc là như thế nào?*  *? Vấn đề trọng tâm của tình huống là gì? Dựa trên căn cứ nào để xác định vấn đề trọng tâm?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Tự đọc lại văn bản.  - Tìm chi tiết (phát hiện chi tiết).  - Hoạt động nhóm để trả lời các câu hỏi.  **GV**:  - Lắng nghe HS đọc, chỉnh sửa cách đọc.  - Lần lượt phát vấn HS, gợi mở để HS phát hiện vấn đề.  - **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Nhận xét, đánh giá, bổ sung chobạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - Chốt vấn đề, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Đọc hiểu tình huống**  - Cô bé trong bức thư tên là Rắc Rối, học lớp 6.  - Cô bé nghĩ chơi game, lướt web thú vị hơn đọc sách nhiều. Chơi game thì rất vui, lướt web thì biết nhiều tin tức, làm quen nhiều bạn bè, khám phá được nhiều vùng đất mới. Ngược lại, mẹ lại thích cô bé đọc sách, biết cách đọc sách.  - “Biết cách đọc sách” là đọc có phương pháp, đọc sách một cách có hiệu quả.  - Câu lạc bộ Đại sứ văn học là nơi quy tụ HS yêu thích đọc sách, có kĩ năng và phương pháp đọc, có ước muốn lan tỏa niềm đam mê đọc sách tới mọi người.  **b.Nhận biết vấn đề trọng tâm**  Biết cách đọc sách và biết lựa chọn sách. |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi:  *? Liệt kê những hiểu biết mà em cho là cần thiết để giải quyết tình huống.*  *? Ý tưởng sản phẩm của em là gì?*  *? Trong các ý tưởng giải pháp đó, em sẽ lựa chọn giải pháp nào? Vì sao?*  *?Em có thường xuyên đọc sách không?Loại sách em hay đọc nhất là loại nào? Em gặp khó khăn gì khi đọc sách?*  *? Nhớ lại xem mình đã gặp những tình huống nào tương tự và mình đã giải quyết như thế nào, kết quả ra sao?*  *Hỏi người phụ trách thư viện, thầy cô giáo, bố mẹ, anh chị; đọc sách báo, truy cập internet và tham khảo các cách giải quyết tình huống.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động…  - Hướng dẫn HS  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS.  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Thu thập thông tin, ý tưởng**  - Những hiểu biết có thể sử dụng để giải quyết tình huống: sách và vai trò của sách, cách chọn sách phù hợp với lứa tuổi  - Lên ý tưởng cho sản phẩm: vẽ tranh, kể chuyện,sáng tác thơ, bài hát…  **b. Tìm kiếm giải pháp**  Lập ý tưởng chi tiết cho các giải pháp.:  - Viết một lá thư hoặc một bài văn trao đổi vấn đề Cô Bé Rắc Rối gặp phải -> bàn luận về vai trò, giá trị của sách, cách lựa chọn sách và các phương pháp đọc sách.  - Sáng tác bài thơ, câu chuyện; sáng tác một bức tranh xoay quanh việc đọc sách của Cô Bé Rắc Rối; làm một video gửi đến Cô Bé Rắc Rối -> gửi gắm thông điệp về sách: vai trò, giá trị của sách; cách chọn sách phù hợp; phương pháp đọc sách.  **c. Lựa chọn giải pháp**  Lựa chọn giải pháp phù hợp với năng lực của nhóm trong cách thuyết phục người khác. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. THỰC HIỆN** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS:  - Biết lập kế hoạch để giải quyết tình huống.  - Tiến hành thực hiện sản phẩm theo giải pháp.  **b) Nội dung**  - GV sử dụng KT đóng vai cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Sản phẩm thảo luận của các nhóm.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?  Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành bài thơ, bài văn hay bức tranh theo phương án nhóm chọn .  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy**    **b. Tiến hành thực hiện sản phẩm theo giải pháp**  **c. Trình bày giải pháp và sản phấm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **NÓI VÀ NGHE** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Cử 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Lắng nghe.  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **c.Trình bày giải pháp và sản phấm**  Bước 1: Chuẩn bị  Bước 2: Trình bày giải pháp và sản phẩm  Bước 3: Trao đổi  - Hướng dẫn cô bé cách chọn lựa những quyển sách phù hợp với thế mạnh: Nếu cô bé thích làm hướng dẫn viên du lịch thì chọn những cuốn sách khám phá về các nước trên thế giới, bên cạnh đó đan xen những quyển sách về cuộc sống hoặc về cách làm tốt trong công việc của mình.   - Cùng cô bé học cách đọc sách đúng, khi đọc hết mỗi cuốn sách thìviết ra những gì rút ra được từ sách bài học cho chính cuộc sống của cô bé. Như vậy cô bé sẽ thấy việc đọc sách không khó và nhàm chán như bản thân từng nghĩ. |

**HĐ 3: Luyện tập**

HS vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa lại các bước đã thực hiện để giải quyết được tình huống trên.

**HĐ 4: Vận dụng**

HS về nhà tìm đọc một số cuốn sách và viết một đoạn văn cảm nhận về vai trò của cuốn sách em vừa đọc với việc học tập của bản thân.

**LÀM THẾ NÀO ĐỂ BÀY TỎ TÌNH CẢM VỚI BỐ MẸ?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| anh-gia-dinh-hoat-hinh | Phatgiao-org-vn-Vai-dong-tham-khao-chu-Hieu-theo-Chu-dong-Tu | hieu-thao-la-gi-tai-sao-con-cai-phai-hieu-thao-voi-ong-ba-cha-me |

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Cho HS nghe đoạn bài hát Nhật ký của mẹ - Nguyễn Văn Chung

? Lời bài hát gợi cho em cảm xúc gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HĐ 2: Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***ĐỌC*** | |
| **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi:  *? Khi còn học tiểu học, Siêu Nhân đã có những hành động, lời nói nhu thế nào để thể hiện tình cảm với bố mẹ? Em có nhận xét gì về các hành động, lời nói?*  *? Lên lớp 6, Siêu Nhân nghĩ gì về việc thể hiện tình cảm với bố mẹ? Em có nhận xét gì về suy nghĩ ấy?*  *?Liệt kê những việc Siêu Nhân muốn Lớp Trưởng Thông Thái giúp đỡ, hỗ trợ?*  *? Theo em, câu hỏi nào của Siêu Nhân là khó trả lời nhất? Vì sao?*  *? Vấn đề mà Siêu Nhân gặp phải là vấn đề thường xãy ra với lứa tuổi của em không?*  *? Vấn đề trọng tâm cần giải quyết là gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Tìm chi tiết (phát hiện chi tiết).  - Hoạt động nhóm cá nhân để trả lời các câu hỏi.  **GV**:  - Lắng nghe HS đọc, chỉnh sửa cách đọc.  - Lần lượt phát vấn HS, gợi mở để HS phát hiện vấn đề.  - **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Nhận xét, đánh giá, bổ sung chobạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - Chốt vấn đề, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Đọc hiểu tình huống**  Tình cảm gia đình là một thứ tình cảm rất thiêng liêng mà ai trong chúng ta cũng luôn muốn tìm mọi cách để giữ gìn và vun đắp giữa những người có quan hệ máu mủ, ruột rà.  Tình cảm gia đình có thể chia nhỏ phạm vi ra thành những mối quan hệ như là: tình cảm giữa cha và con, tình cảm giữa mẹ và con, tình cảm giữa anh – chị – em trong gia đình, tình cảm giữa ông bà nội – ngoại và các cháu, ngoài ra còn rất nhiều những mối quan hệ nhỏ khác, v.v …  **b. Nhận biết vấn đề trọng tâm**  Cách bày tỏ tình cảm với người thân sao cho ý nghĩa nhất. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM KIẾM VÀ LỰA CHỌN GIẢI PHÁP** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi:  *? Liệt kê những hiểu biết của em về vấn đề cần giải quyết?*  *? Ý tưởng sản phẩm của em là gì?*  *? Trong các ý tưởng giải pháp đó, em sẽ lựa chọn giải pháp nào? Vì sao?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động…  - Hướng dẫn HS  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Thu thập thông tin, ý tưởng**  - Công lao to lớn của cha, mẹ, tình cảm của con cái dành cho cha mẹ.  - Lên ý tưởng cho sản phẩm: vẽ tranh, kể chuyện, sáng tác thơ, bài hát…  **b.Tìm kiếm giải pháp**  Lập ý tưởng chi tiết cho các giải pháp.  **c. Lựa chọn giải pháp**  Lựa chọn giải pháp phù hợp với năng lực của nhóm và các điệu kiện thực tế khách quan: thiết kế sản phẩm phù hợp với yêu cầu đăng tải ở góc truyền thông, cơ sở vật chất và thời gian thực hiện. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. THỰC HIỆN** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?  Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a.Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy**    **b.Tiến hành thực hiện sản phẩm theo giải pháp**  **c. Trình bày giải pháp và sản phẩm** |

|  |  |
| --- | --- |
| ***NÓI VÀ NGHE*** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Cử 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Lắng nghe.  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **c. Trình bày giải pháp và sản phẩm**  Bước 1: Chuẩn bị  Bước 2: Trình bày giải pháp và sản phẩm  Bước 3: Trao đổi |

**HĐ 3: Luyện tập**

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa lại các bước mà em giải quyết được tình huống trên.

**HĐ 4: Vận dụng**

HS về nhà thể hiện tình cảm của mình dành cho cha, mẹ.

**Tình huống 3**:

**LÀM THẾ NÀO ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SẢN PHẨM SÁNG TẠO**

**CHO GÓC TRUYỀN THÔNG CỦA TRƯỜNG?**

**(1 tiết)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\Administrator\Desktop\Xin-viec-nganh-truyen-thong.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống (1).jpg |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Biết vận dụng kiến thức đời sống, kiến thức văn học để giải quyết một tình huống.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua các bước: xác định vấn đề; đề xuất và lựa chọn giải pháp; thực hiện giải pháp; đánh giá giải pháp.

- Phát triển khả năng tư duy độc lập và sáng tạo.

**2.Về phẩm chất**

Yêu, trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về các hoạt động truyền thông của trường.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\Administrator\Desktop\Xin-viec-nganh-truyen-thong.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống (1).jpg |

? Em hiểu gì về từng bức tranh? Theo em, thông điệp chung mà ba bức tranh muốn gửi gắm là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát tranh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HĐ 2: Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***ĐỌC*** | |
| **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi:  *? Em hiểu gì về góc truyền thông trong trường học?*  *? Em hiểu thế nào về các từ “lắng nghe” và “lời than thở” trong tên chủ đề?*  *? Thông điệp mà em nhận được từ hình vẽ trên là gì?*  *? Người bạn đã nhờ các thành viên câu lạc bộ thực hiện việc gì?*  *? Vấn đề trọng tâm cần giải quyết là gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Tìm chi tiết (phát hiện chi tiết)..  - Hoạt động nhóm cá nhân để trả lời các câu hỏi.  **GV**:  - Lắng nghe HS đọc, chỉnh sửa cách đọc.  - Lần lượt phát vấn HS, gợi mở để HS phát hiện vấn đề.  - **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Nhận xét, đánh giá, bổ sung chobạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - Chốt vấn đề, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Đọc hiểu tình huống**  Góc truyền thông trong trường học là nơi để nhà trường (BGH, Đoàn thanh niên, các câu lạc bộ,..) truyền tải các thông tin cần thiết đến HS. Góc truyền thông có thể là một tấm bảng đen được trang trí, phân chia thành các khung, các ô với nội dung thông tin khác nhau.  **b. Nhận biết vấn đề trọng tâm**  - Thực hiện một sản phẩm sáng tạo cho góc truyền thông từ nguồn cảm hứng là bức hình vẽ một cây xanh bị chặt phá dẫn đến cái chết của nhiều sinh vật. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM KIẾM VÀ LỰA CHỌN GIẢI PHÁP** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi:  *? Liệt kê những hiểu biết của em về vấn đề cần giải quyết?*  *? Ý tưởng sản phẩm của em là gì?*  *? Trong các ý tưởng giải pháp đó, em sẽ lựa chọn giải pháp nào? Vì sao?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động…  - Hướng dẫn HS  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Thu thập thông tin, ý tưởng**  - Thu thập các thông tin về nạn chặt phá rừng và những tác hại của việc chặt phá rừng.  - Lên ý tưởng cho sản phẩm: vẽ tranh, kể chuyện, sáng tác thơ, bài hát…  **b.Tìm kiếm giải pháp**  Lập ý tưởng chi tiết cho các giải pháp.  **c. Lựa chọn giải pháp**  Lựa chọn giải pháp phù hợp với năng lực của nhóm và các điệu kiện thực tế khách quan: thiết kế sản phẩm phù hợp với yêu cầu đăng tải ở góc truyền thông, cơ sở vật chất và thời gian thực hiện. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. THỰC HIỆN** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?  Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Hoạt động nhóm  + 2 phút làm việc cá nhân  + 5 phút thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **a.Lập kế hoạch thực hiện bằng sơ đồ tư duy**    **b.Tiến hành thực hiện sản phẩm theo giải pháp**  **c. Trình bày giải pháp và sản phấm** |

|  |  |
| --- | --- |
| ***NÓI VÀ NGHE*** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Cử 2 đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Lắng nghe.  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động.  - Hướng dẫn HS.  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **c.Trình bày giải pháp và sản phấm**  Bước 1: Chuẩn bị  Bước 2: Trình bày giải pháp và sản phẩm  Bước 3: Trao đổi |

**HĐ 3: Luyện tập**

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa lại các bước mà em giải quyết được tình huống trên.

**HĐ 4: Vận dụng**

HS về nhà vẽ một bức tranh (làm một bài thơ) về chủ đề trên.